



# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025**

## **TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM – CTCP**

**Tp. Hồ Chí Minh, tháng 3 năm 2026**

## MỤC LỤC

|                                                                                                                      |           |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>THÔNGIỆP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>                                                                                | <b>5</b>  |
| <b>PHẦN I - THÔNG TIN CHUNG VỀ PVOIL</b>                                                                             | <b>7</b>  |
| <b>1. Thông tin tổng quát</b>                                                                                        | <b>7</b>  |
| <b>2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh</b>                                                                           | <b>8</b>  |
| 2.1. Lĩnh vực kinh doanh chính                                                                                       | 8         |
| 2.2. Địa bàn kinh doanh và hệ thống phân phối                                                                        | 9         |
| 2.3. Hệ thống cơ sở vật chất phục vụ kinh doanh                                                                      | 9         |
| <b>3. Mô hình quản trị công ty</b>                                                                                   | <b>9</b>  |
| <b>4. Các công ty con, công ty liên doanh, liên kết</b>                                                              | <b>10</b> |
| <b>5. Ban lãnh đạo Tổng công ty</b>                                                                                  | <b>11</b> |
| 5.1. Hội đồng quản trị                                                                                               | 11        |
| 5.2. Ban kiểm soát                                                                                                   | 13        |
| 5.3. Ban điều hành                                                                                                   | 14        |
| <b>6. Định hướng phát triển</b>                                                                                      | <b>16</b> |
| 6.1. Mục tiêu phát triển giai đoạn 2026-2030                                                                         | 16        |
| 6.2. Hoạt động sản xuất kinh doanh                                                                                   | 17        |
| 6.3. Tái cấu trúc, đổi mới doanh nghiệp                                                                              | 17        |
| 6.4. Nâng cao năng lực quản trị và phát triển nguồn nhân lực                                                         | 17        |
| <b>7. Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của PVOIL</b>                                                   | <b>18</b> |
| <b>PHẦN II - QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>                                                                                    | <b>19</b> |
| <b>1. Hội đồng quản trị</b>                                                                                          | <b>19</b> |
| <b>2. Ban Kiểm soát</b>                                                                                              | <b>22</b> |
| <b>3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát năm 2025</b> | <b>23</b> |
| 3.1. Lương, thù lao, phụ cấp của HĐQT, Ban điều hành và Ban kiểm soát                                                | 23        |
| 3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ                                                                             | 24        |
| 3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ                                                                        | 24        |
| 3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty                                                        | 24        |
| <b>PHẦN III - TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025</b>                                                                       | <b>25</b> |
| <b>1. Bối cảnh chung</b>                                                                                             | <b>25</b> |
| <b>2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và giai đoạn 5 năm 2021-2025</b>                                          | <b>26</b> |
| 2.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản lượng năm 2025                                                               | 26        |
| 2.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2025                                                       | 27        |
| <b>3. Tổ chức và nhân sự</b>                                                                                         | <b>28</b> |
| 3.1. Ban điều hành Tổng công ty                                                                                      | 28        |
| 3.2. Những thay đổi trong năm của Ban điều hành                                                                      | 28        |
| 3.3. Báo cáo về lao động và chính sách đối với người lao động                                                        | 29        |
| <b>4. Tình hình đầu tư và thực hiện dự án</b>                                                                        | <b>32</b> |

|                                                                             |           |
|-----------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 5. Công tác tái cấu trúc và đổi mới doanh nghiệp.....                       | 33        |
| 6. Tình hình tài chính .....                                                | 33        |
| 7. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....                  | 34        |
| <br>                                                                        |           |
| <b>PHẦN IV - BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH .....</b>                   | <b>35</b> |
| 1. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD của Tổng công ty.....                    | 35        |
| 2. Những tiến bộ đạt được trong năm .....                                   | 35        |
| 2.1. Phát triển hệ thống CHXD.....                                          | 35        |
| 2.2. Phát triển sản phẩm mới.....                                           | 36        |
| 2.3. Ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số và nghiên cứu phát triển .....       | 37        |
| 2.4. Phát triển thương hiệu PVOIL .....                                     | 38        |
| 3. Tình hình tài chính .....                                                | 39        |
| 3.1. Tình hình tài sản và nguồn vốn .....                                   | 39        |
| 3.2. Tình hình Nợ phải trả.....                                             | 40        |
| 4. Kế hoạch SXKD năm 2026 .....                                             | 40        |
| 4.1. Dự báo tình hình .....                                                 | 40        |
| 4.2. Nhiệm vụ trọng tâm .....                                               | 41        |
| 4.3. Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu.....                                     | 42        |
| 5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán.....           | 43        |
| <br>                                                                        |           |
| <b>PHẦN V - ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY .....</b>       | <b>45</b> |
| 1. Đánh giá chung về các mặt hoạt động của Tổng công ty .....               | 45        |
| 2. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng giám đốc .....                        | 47        |
| 3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT năm 2026.....                          | 48        |
| <br>                                                                        |           |
| <b>PHẦN VI - BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG .....</b>                          | <b>50</b> |
| 1. Thông điệp phát triển bền vững .....                                     | 50        |
| 2. Nguyên tắc hoạt động của PVOIL đối với các bên liên quan .....           | 52        |
| 3. Báo cáo về công tác an toàn, sức khỏe và bảo vệ môi trường (ATSKMT)..... | 53        |
| 3.1. Duy trì hiệu quả Hệ thống ATSKMT .....                                 | 53        |
| 3.2. Công tác An toàn - An ninh, PCCC, ứng cứu tình huống khẩn cấp .....    | 54        |
| 3.3. Chăm sóc sức khỏe người lao động.....                                  | 55        |
| 3.4. Công tác bảo vệ môi trường và kiểm soát chất thải.....                 | 55        |
| 3.5. Xây dựng văn hóa an toàn sức khỏe, môi trường .....                    | 55        |
| 3.6. Các chỉ số an toàn sức khỏe và nghề nghiệp.....                        | 56        |
| 3.7. Nhiệm vụ chính công tác ATSKMT 2026 .....                              | 56        |
| 4. Tuân thủ về môi trường .....                                             | 57        |
| 5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường .....                          | 57        |
| 5.1. Tác động lên môi trường .....                                          | 57        |
| 5.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu .....                                    | 58        |
| 5.3. Tiêu thụ năng lượng.....                                               | 58        |
| 5.4. Tiêu thụ nước .....                                                    | 58        |

|                                                             |                                                                                 |           |
|-------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 5.5.                                                        | Thích ứng với biến đổi khí hậu và chuyển dịch năng lượng.....                   | 59        |
| 5.6.                                                        | Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường .....                                   | 59        |
| <b>6.</b>                                                   | <b>Chính sách Lao động .....</b>                                                | <b>59</b> |
| 6.1.                                                        | Thực hiện Luật lao động .....                                                   | 59        |
| 6.2.                                                        | Tình hình thực hiện Thỏa ước lao động tập thể và quy chế, quy định nội bộ ..... | 59        |
| 6.3.                                                        | Lao động nữ.....                                                                | 60        |
| <b>7.</b>                                                   | <b>Báo cáo các vấn đề về xã hội.....</b>                                        | <b>60</b> |
| 7.1.                                                        | Việc làm và thu nhập .....                                                      | 60        |
| 7.2.                                                        | Trách nhiệm với sản phẩm, dịch vụ.....                                          | 61        |
| 7.3.                                                        | Trách nhiệm đối với cộng đồng .....                                             | 61        |
| <b>PHẦN VII - BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2025 .....</b> |                                                                                 | <b>63</b> |
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....                          |                                                                                 | 64        |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP .....                             |                                                                                 | 66        |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT.....                          |                                                                                 | 68        |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT .....         |                                                                                 | 71        |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT .....                   |                                                                                 | 72        |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT.....                 |                                                                                 | 74        |

## THÔNGIỆP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thưa Quý Cổ đông, Nhà đầu tư và Đối tác,

### **Năm 2025 – Tăng trưởng trong biến động, chuyển mình theo xu thế mới**

Năm 2025, thị trường xăng dầu thế giới tiếp tục biến động mạnh dưới tác động của bất ổn địa chính trị, đặc biệt tại Trung Đông. Bên cạnh đó, xu hướng gia tăng các chính sách bảo hộ và điều chỉnh thuế quan của các nền kinh tế lớn đã tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế toàn cầu và nhu cầu năng lượng. Giá dầu diễn biến khó lường với xu hướng giảm trong nửa cuối năm; thị trường trong nước cạnh tranh ngày càng gay gắt, trong khi xu thế chuyển dịch năng lượng và phương tiện điện hóa đang từng bước làm thay đổi cấu trúc nhu cầu. Trong bối cảnh đó, PVOIL đã chủ động thích ứng, điều hành linh hoạt và đạt được những kết quả nổi bật. Đó là:

✚ Doanh thu hợp nhất đạt hơn 151 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 156% kế hoạch – mức cao nhất từ trước đến nay. Trong đó doanh thu đến từ các hoạt động kinh doanh tại thị trường nước ngoài (Singapore, Lào) chiếm hơn 30% là kết quả của việc đẩy mạnh kinh doanh quốc tế nhằm tạo thêm dư địa phát triển.

✚ Sản lượng kinh doanh đạt kỷ lục hơn 6 triệu m<sup>3</sup>/tấn, là năm thứ ba liên tiếp xác lập kỷ lục mới.

✚ Hệ thống phân phối bán lẻ phát triển mạnh mẽ, với hơn 100 cửa hàng xăng dầu (CHXD) mới mang thương hiệu PVOIL đi vào hoạt động trong năm 2025, nâng tổng số CHXD trong toàn hệ thống lên hơn 950 cửa hàng. Bên cạnh đó, PVOIL cũng đẩy mạnh triển khai mô hình CHXD kết hợp trạm dừng nghỉ xe tải đường dài (truck station) với những dịch vụ miễn phí (phòng nghỉ, ăn uống nhẹ...) dành cho tài xế xe tải đường dài, tạo nền tảng vững chắc cho tăng trưởng trong hoạt động cốt lõi dựa trên lợi thế cạnh tranh khác biệt.

✚ Năm 2025 cũng được đánh dấu đậm nét bằng việc thành lập công ty kinh doanh nhiên liệu hàng không JetA1 – PVOIL Aviation với mục tiêu sẽ mở ra hướng kinh doanh mới và kỳ vọng sẽ có doanh thu đầu tiên trong nửa cuối năm 2026 đóng góp tích cực vào tăng trưởng của PVOIL trong những năm tới.

✚ PVOIL tiếp tục khẳng định chiến lược thích ứng linh hoạt với xu thế chuyển dịch năng lượng được khởi động từ năm 2018, biến thách thức thành cơ hội, với việc trong năm 2025 đã đưa hơn 90 trạm sạc xe ô tô điện đi vào hoạt động, nâng tổng số lên hơn 460 cửa hàng xăng dầu được tích hợp trạm sạc cùng với lắp đặt hơn 400 tủ đổi pin xe máy điện trong khuôn khổ hợp tác với Vinfast.

Không đứng ngoài xu thế phát triển xanh-bền vững, PVOIL cũng triển khai mạnh mẽ việc đầu tư, lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái đi kèm pin lưu trữ tại các CHXD và kho xăng dầu nhằm tự đáp ứng nhu cầu điện năng nội tại, đồng thời cung cấp năng lượng cho các trạm sạc xe điện, từng bước xanh hóa các hoạt động của mình.

Song song đó, PVOIL tiếp tục đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ năng lượng xanh, sạch, tham gia chuỗi giá trị nhiên liệu sinh học, nguyên liệu cho nhiên liệu hàng không bền vững (SAF), đồng thời nghiên cứu các cơ hội phát triển năng lượng mới như hydrogen, amoniac.

### **2026 - Hướng tới phát triển bền vững**

Trước những biến động khó lường của thị trường và xu thế chuyển dịch năng lượng, PVOIL xác định mục tiêu xuyên suốt là nâng cao khả năng chống chịu, tăng cường quản trị biến động và phát triển mô hình kinh doanh năng lượng đa dạng, bền vững.

Chúng tôi tin rằng, trong một thị trường nhiều biến động, lợi thế cạnh tranh không nằm ở quy mô, mà ở năng lực thích ứng và khả năng chuyển đổi đúng thời điểm. Đây cũng là triết

*lý điều hành xuyên suốt của PVOIL: Kiên định với giá trị cốt lõi, linh hoạt trước biến động và chủ động dẫn dắt thay đổi để tạo ra tăng trưởng dài hạn.*

Năm 2026, năm đầu triển khai Kế hoạch 5 năm 2026–2030, PVOIL kiên định định hướng đã đặt ra, củng cố nền tảng kinh doanh xăng dầu truyền thống, song song mở rộng không gian tăng trưởng và đẩy nhanh chuyển dịch sang mô hình kinh doanh năng lượng đa dạng, bền vững; đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực quản trị, tạo nền tảng cho tăng trưởng dài hạn và gia tăng giá trị bền vững cho cổ đông và xã hội.

Thưa Quý Cổ đông, Nhà đầu tư và Đối tác,

Chúng tôi tin tưởng rằng, với sự tin tưởng và đồng hành của Quý Vị như đã dành cho PVOIL trong suốt những năm qua, PVOIL chắc chắn sẽ vượt qua khó khăn, thách thức trong năm 2026 để sẽ lại có một năm thành công với nhiều thành tích đáp ứng mong đợi của Quý Vị.

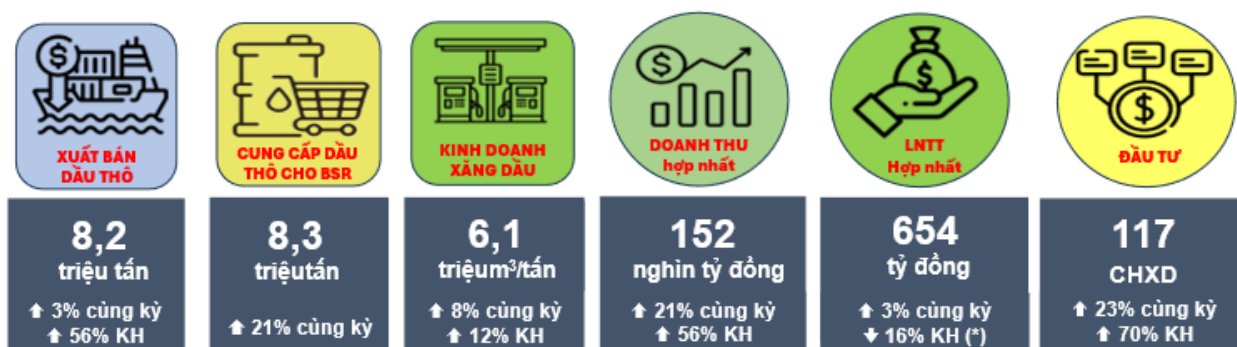
Xin trân trọng cảm ơn,



**Ông Cao Hoài Dương**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

## NHỮNG THÀNH TỰU NỔI BẬT TRONG NĂM 2025



(\*) Trong năm 2025 PVOIL đã thực hiện trích lập dự phòng 151 tỷ đồng trên BCTC của công ty mẹ và ghi nhận khoản lỗ tương ứng trên BCTC hợp nhất cho khoản đầu tư tài chính vào CTCP Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí (PVB) để từng bước khắc phục điểm ngoại trừ trên BCTC. Nếu không tính khoản trích lập này, PVOIL sẽ hoàn thành 108% kế hoạch lợi nhuận.

## PHẦN I

### THÔNG TIN CHUNG VỀ PVOIL

#### 1. Thông tin tổng quát

- 🔥 Tên giao dịch: TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CTCP
- 🔥 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0305795054
- 🔥 Vốn điều lệ: 10.342.295.000.000 đồng
- 🔥 Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 10.342.295.000.000 đồng
- 🔥 Địa chỉ: Tầng 14-18, Toà nhà PetroVietnam, số 1-5 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- 🔥 Số điện thoại: (84-28) 3910 6990
- 🔥 Số fax: (84-28) 3910 6980
- 🔥 Website: [www.pvoil.com.vn](http://www.pvoil.com.vn)
- 🔥 Mã cổ phiếu: OIL, giao dịch trên Upcom từ ngày 07/3/2018

#### Quá trình hình thành và phát triển

Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL) là đơn vị thành viên trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam nay là Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN), được thành lập theo Quyết định số 1250/QĐ-DKVN ngày 06/06/2008 của Tập đoàn trên cơ sở hợp nhất Tổng Công ty Thương mại Dầu khí (Petechim - thành lập tháng 04/1994) và Công ty Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm dầu (PDC - thành lập tháng 04/1996).

PVOIL là đơn vị duy nhất của Tập đoàn tham gia phát triển hoàn chỉnh khâu hạ nguồn của ngành Dầu khí trong các lĩnh vực xuất nhập khẩu, kinh doanh dầu thô và chế biến, tồn trữ, phân phối các sản phẩm dầu.

Trong gần 18 năm hoạt động dưới thương hiệu PVOIL, Tổng Công ty đã liên tục phát triển mở rộng hệ thống mạng lưới kinh doanh xăng dầu (KDXD) trong và ngoài nước thông qua mua bán sáp nhập doanh nghiệp. PVOIL cũng đã không ngừng tái cấu trúc, sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp theo định hướng tối ưu bộ máy, tập trung vào các hoạt động cốt lõi nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động. Đến cuối năm 2025, PVOIL có 25 công ty con, trong đó có 04 nước ngoài, 10 đơn vị trực thuộc và 10 công ty liên doanh, liên kết.

Quy mô hệ thống và sản lượng kinh doanh đã tăng gấp nhiều lần so với thời điểm thành lập, thể hiện ở những chỉ tiêu quan trọng sau đây:

|                 |        | 06/6/2008<br>Thành lập PVOIL | 01/8/2018<br>Công ty mẹ PVOIL<br>chuyển thành CTCP | 31/12/2025 |
|-----------------|--------|------------------------------|----------------------------------------------------|------------|
| Sản lượng KDXD  | m3/tấn | 2.000.000                    | 3.000.000                                          | 6.060.000  |
| Lao động        | Người  | 1.202                        | 5.829                                              | 7.414      |
| Dung tích kho   | m3     | 484.000                      | 962.000                                            | 970.000    |
| CHXD trực thuộc | CH     | 82                           | 530                                                | 950        |

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

### 2.1. Lĩnh vực kinh doanh chính



Xuất nhập khẩu dầu thô và  
kinh doanh dầu quốc tế



Kinh doanh phân phối  
các sản phẩm dầu



Sản xuất, chế biến xăng  
dầu, dầu mỡ nhờn,  
nhiên liệu sinh học

#### **Lĩnh vực ủy thác xuất/ bán dầu thô và kinh doanh dầu quốc tế**

PVOIL là doanh nghiệp duy nhất tại Việt Nam tổ chức tiếp thị và thực hiện dịch vụ ủy thác xuất/ bán dầu thô Việt Nam và dầu thô của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam khai thác tại các mỏ nước ngoài. Với bề dày 40 năm kinh nghiệm thực hiện dịch vụ, PVOIL đã trực tiếp xuất bán an toàn và hiệu quả gần 400 triệu tấn dầu thô các loại khai thác từ 16 mỏ dầu trong và ngoài nước.

PVOIL cũng đảm nhiệm việc cung cấp dầu thô nguyên liệu cho Công ty Lọc hóa dầu Bình Sơn (Nhà máy lọc dầu Dung Quất) với sản lượng bình quân 7 triệu tấn/năm từ nguồn trong nước và nhập khẩu theo yêu cầu.

#### **Lĩnh vực sản xuất xăng dầu, dầu mỡ nhờn, nhiên liệu sinh học**

**Sản xuất xăng dầu:** PVOIL thực hiện sản xuất, pha chế xăng dầu với sản lượng khoảng 600.000 m<sup>3</sup>/năm từ nguồn condensate khai thác trong nước của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam. Toàn bộ lượng xăng sản xuất tiếp tục được đưa vào pha chế xăng sinh học E5 RON 92.

**Sản xuất Nhiên liệu sinh học (NLSH):** PVOIL có hệ thống pha chế xăng E5 trên cả nước với tổng công suất đạt trên 1,5 triệu m<sup>3</sup> E5/năm. PVOIL hiện cung ứng ra thị trường khoảng 600.000 m<sup>3</sup> xăng E5 thương phẩm/năm.

**Sản xuất dầu mỡ nhờn:** PVOIL LUBE, công ty con của PVOIL, với giá trị thương hiệu kế thừa từ VIDAMO - một trong những doanh nghiệp đầu tiên ở Việt Nam sản xuất và kinh doanh dầu mỡ nhờn. Sản phẩm của PVOIL LUBE với hơn 140 loại dầu mỡ bôi trơn được sản xuất từ nguồn nguyên liệu chất lượng cao, chủ yếu cung cấp cho các khách hàng công nghiệp và các nhà thầu dầu khí và đang dần mở rộng đến đối tượng khách hàng lẻ thông qua mạng lưới phân phối xăng dầu của PVOIL. Sản phẩm dầu mỡ nhờn của PVOIL được sản xuất tại nhà máy Bình Chiểu (Tp. Hồ Chí Minh) công suất 20.000 tấn/năm.

**Kinh doanh sản phẩm dầu** Trong lĩnh vực kinh doanh phân phối xăng dầu tại thị trường nội địa, PVOIL xếp vị trí thứ 2 về sản lượng tiêu thụ, chiếm khoảng 23% thị phần. Tại Lào, PVOIL đứng đầu về sản lượng nhập khẩu, chiếm 12% thị phần và trong top 3 doanh nghiệp kinh doanh phân phối xăng dầu lớn nhất.

Bên cạnh hoạt động kinh doanh xăng dầu truyền thống, trong kế hoạch 5 năm 2026-2030, PVOIL đặt mục tiêu phát triển mở rộng một số lĩnh vực kinh doanh thuộc chuỗi giá trị ngành dầu khí. Sau nhiều nỗ lực, tháng 01/2025, PVOIL đã được Bộ Công thương cấp giấy phép thương nhân đầu mối nhiên liệu bay và đã thành lập Công ty CP Năng lượng Hàng không

PVOIL (PVOIL Aviation) trong tháng 12/2025, đồng thời tích cực chuẩn bị để triển khai kinh doanh, dự kiến từ quý 4/2026.

## 2.2. Địa bàn kinh doanh và hệ thống phân phối

### Trong nước:

Tính đến cuối năm 2025, PVOIL có hệ thống phân phối xăng dầu tại 34/34 tỉnh thành trên cả nước với khoảng 2.500 cửa hàng xăng dầu (CHXD), trong đó có 950 CHXD trực thuộc và gần 1.600 CHXD đại lý/nhượng quyền thương mại.

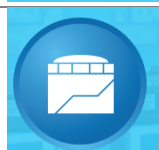
### Nước ngoài:

- **Tại Lào**, PVOIL có 02 công ty con là PVOIL Laos kinh doanh xuất nhập khẩu xăng dầu và PVOIL Laos Trading kinh doanh phân phối xăng dầu tại 15/18 tỉnh/thành của Lào với hệ thống phân phối 145 CHXD.
- **Tại Singapore**, PVOIL có công ty con là PVOIL Singapore chuyên kinh doanh dầu thô và sản phẩm dầu trên thị trường quốc tế.
- **Tại Campuchia**, PVOIL thành lập công ty con là PVOIL Campuchia để nghiên cứu đầu tư xây dựng nhà máy chế biến condensate tại đây.

## 2.3. Hệ thống cơ sở vật chất phục vụ kinh doanh



- 950 cửa hàng xăng dầu tại 34 tỉnh/thành trên cả nước.
- 16 cửa hàng xăng dầu tại Lào



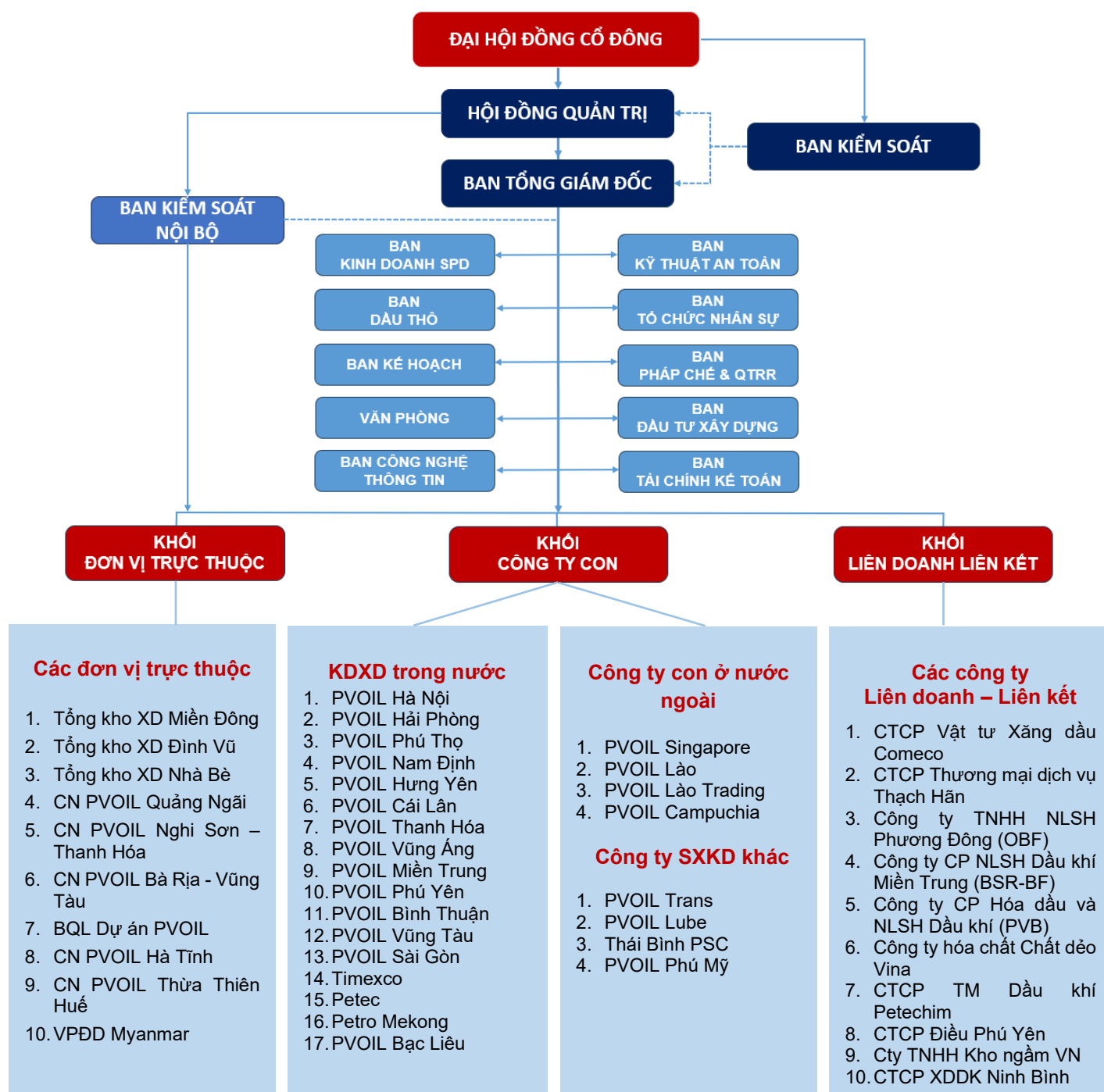
- 30 kho xăng dầu trên cả nước, tổng sức chứa gần 970 ngàn m<sup>3</sup>
- 09 kho xăng dầu tại Lào với tổng sức chứa 10.830 m<sup>3</sup>



- 200 xe bồn tổng dung tích gần 5.000 m<sup>3</sup>
- 06 sà lan tổng dung tích 6.900 m<sup>3</sup>

## 3. Mô hình quản trị công ty

Kể từ ngày 01/8/2018, Công ty mẹ Tổng Công ty Dầu Việt Nam chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần với mô hình tổ chức bộ máy như sơ đồ sau:



#### 4. Các công ty con, công ty liên doanh, liên kết

- Các công ty con: Chi tiết xin xem tại thuyết minh BCTC kiểm toán (trang 75-76 báo cáo này)
- Các công ty liên doanh, liên kết: Chi tiết xin xem tại thuyết minh BCTC kiểm toán (trang 77 và 78 báo cáo này)

## 5. Ban lãnh đạo Tổng công ty

### 5.1. Hội đồng quản trị

Cơ cấu Hội đồng quản trị PVOIL được ĐHĐCĐ thường niên 2025 thông qua gồm 7 thành viên, trong đó có 01 thành viên độc lập.

Thành viên HĐQT được ĐHĐCĐ bầu chọn và tham gia HĐQT PVOIL trong năm 2025 gồm:

#### **Ông Cao Hoài Dương, Chủ tịch HĐQT**

**Ngày sinh:** 30/01/1972

**Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư Công nghệ Hóa học; Thạc sĩ Hóa Công nghệ

#### **Kinh nghiệm nghề nghiệp**

Ông có hơn 30 năm đóng góp cho ngành dầu khí. Trải qua các vị trí từ chuyên viên, lãnh đạo cấp trung đến tham gia quản lý điều hành các doanh nghiệp trong ngành Dầu khí như: Phó Tổng giám đốc Liên doanh Lọc hóa dầu Nghi Sơn, Tổng giám đốc Tổng công ty Đạm và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo). Với tư duy chiến lược sắc bén và kiến thức sâu rộng trong nhiều lĩnh vực, ông khẳng định uy tín, vai trò qua từng vị trí công tác với nhiều đóng góp quan trọng. Tháng 01/2016, ông được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam - PVN) điều động về Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV giữ cương vị Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng công ty. Khi PVOIL chuyển sang hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần - từ 01/8/2018, ông tiếp tục đảm nhận vị trí Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc PVOIL. Đến ngày 23/9/2020 ông được HĐQT tín nhiệm bầu giữ chức Chủ tịch HĐQT. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, ông tiếp tục được tín nhiệm bầu làm Thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2023–2028 và được Hội đồng Quản trị bầu giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Cao Hoài Dương là người đại diện vốn Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam, số cổ phần nắm giữ là 27,52% vốn điều lệ của PVOIL. Ông có 5.100 cổ phần sở hữu cá nhân tại PVOIL.

#### **Ông Nguyễn Đăng Trình, Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc PVOIL**

**Ngày sinh:** 20/07/1982

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Tài chính ngân hàng

**Kinh nghiệm nghề nghiệp:** Ông có gần 20 năm làm việc trong ngành Dầu khí và đã kinh qua vị trí kế toán trưởng Công ty CP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Nam và, Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOIL); Tháng 6/2019 ông được HĐQT PVOIL bổ nhiệm giữ chức Phó Tổng giám đốc PVOIL. Từ 27/4/2023 ông được bầu làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028 đồng thời tiếp tục nắm giữ vị trí Phó Tổng Giám đốc PVOIL. Đến tháng 12/2024, ông được bổ nhiệm vào vị trí Tổng Giám đốc PVOIL.

Ông Trình là người đại diện vốn cho Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam tại PVOIL với số cổ phần nắm giữ chiếm 23% vốn điều lệ. Ông không có cổ phần sở hữu cá nhân tại PVOIL.

#### **Ông Đoàn Văn Nhuộm, Thành viên HĐQT**

**Ngày sinh:** 07/11/1963

**Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư Trắc địa công trình

**Kinh nghiệm nghề nghiệp:** Ông có gần 40 năm đóng góp cho ngành Dầu khí, đã tham gia quản lý điều hành nhiều đơn vị lớn trong ngành như Giám đốc Công ty kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam, Tổng Giám đốc Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo), Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Vận tải dầu khí (PV Trans). Ông đã có nhiều năm gắn bó với PVOIL, nguyên là Phó Giám đốc Công ty Kinh doanh các sản phẩm dầu mỏ (PDC) – tiền thân của PVOIL và là Tổng Giám đốc PVOIL từ tháng 10/2014-12/2015. Với kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, tháng 9/2020, ông được PVN điều động về PVOIL giữ cương vị Tổng Giám đốc Tổng công ty. Ông đồng thời được ĐHĐCĐ bầu làm thành viên HĐQT của Tổng công ty từ tháng 01/2021. Tháng 12/2024, ông thôi chức vụ Tổng Giám đốc Tổng công ty để nghỉ hưu theo chế độ.

ĐHĐCĐ thường niên 2025 đã biểu quyết nhất trí để ông thôi tham gia HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2028 kể từ ngày 27/4/2025.

## **Ông Trần Hoài Nam, Thành viên HĐQT PVOIL**

### **Phó Tổng Giám đốc HD Bank**

**Ngày sinh:** 14/08/1965

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Quản lý công nghiệp

**Kinh nghiệm nghề nghiệp:** Với kinh nghiệm quản lý và điều hành tại các công ty quy mô lớn (như Viện Đo lường Việt Nam, Ngân hàng Citibank Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM, Công ty CP Thương mại Dầu khí - PETECHIM, Công ty Cổ phần Hàng không VietJet...), ông Nam đã nhận được sự tín nhiệm của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP và được bầu làm Thành viên Hội đồng Quản trị trong hai nhiệm kỳ 2018–2023 và 2023–2028.

Ông hiện không sở hữu cổ phần tại PVOIL.

## **Ông Lê Văn Nghĩa, Thành viên HĐQT PVOIL**

### **Chủ tịch HĐQT PetroMekong, PVOIL Cái Lân, Comeco (kiêm nhiệm)**

**Ngày sinh:** 05/07/1966

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kế toán

**Kinh nghiệm nghề nghiệp:** Ông có nhiều năm kinh nghiệm quản lý và giám sát hoạt động tài chính doanh nghiệp và quản trị rủi ro. Gia nhập Tổng công ty Dầu Việt Nam từ 02/2011, ông lần lượt nắm giữ các chức vụ như Phó, Trưởng ban Kiểm soát nội bộ, thành viên HĐQT Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV. Ông tiếp tục cương vị thành viên HĐQT PVOIL sau khi Tổng công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình cổ phần từ ngày 01/8/2018 đến nay.

Ông Lê Văn Nghĩa là người đại diện vốn của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam tại PVOIL với tỷ lệ 10% vốn điều lệ. Ông có 600 cổ phần sở hữu của cá nhân tại PVOIL.

## **Ông Nguyễn Mậu Dũng, Thành viên HĐQT PVOIL**

### **Chủ tịch HĐQT PVOIL Phú Yên, PVOIL Nam Định, PVOIL Vũng Áng (kiêm nhiệm)**

**Ngày sinh:** 02/01/1968

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ quản trị kinh doanh

**Kinh nghiệm nghề nghiệp:** Gia nhập ngành Dầu khí từ hơn 30 năm trước, ông Nguyễn Mậu

Dũng đã nắm giữ nhiều vị trí quản lý quan trọng tại các đơn vị lớn và công ty mẹ Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam như: Giám đốc Xí nghiệp Đường ống bể chứa, Trưởng phòng Kinh tế Kỹ thuật PVECC (nay là PVC), Trưởng phòng Kinh tế Kỹ thuật Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Dầu khí (PVE), Phó tổng giám đốc Tổng công ty Khí Việt Nam (PVGAS), Trưởng ban Thương mại-Dịch vụ PVN. Ông Dũng được PVN giới thiệu và ĐHĐCĐ bất thường năm 2021 của PVOIL bầu làm thành viên HĐQT Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP vào tháng 01/2021 đến nay.

Ông là người đại diện vốn của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam tại PVOIL tại PVOIL với tỷ lệ 10% vốn điều lệ và hiện không sở hữu cổ phần cá nhân.

## **Bà Nguyễn Linh Giang, Thành viên HĐQT PVOIL**

### **Chủ tịch HĐQT PVOIL Hà Nội, PVOIL Thanh Hóa, PETEC (kiêm nhiệm)**

**Ngày sinh:** 23/3/1978

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ quản trị kinh doanh, Cử nhân Kế toán kiểm toán

**Kinh nghiệm nghề nghiệp:** với hơn 15 năm công tác trong ngành Dầu khí, từng đảm nhiệm qua các vị trí quản lý từ Phó phòng/Phó ban Tài chính Kế toán, Trưởng ban Kiểm toán nội bộ đến các chức vụ quản lý cấp cao: Phó Tổng Giám đốc/Thành viên HĐQT Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí. Bà Giang đã được Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam giới thiệu và ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của PVOIL bầu làm thành viên HĐQT Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP từ tháng 4/2025 đến nay.

Bà Giang là người đại diện vốn Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam tại PVOIL với tỷ lệ 10% vốn điều lệ và hiện không sở hữu cổ phần cá nhân.

## **Ông Nguyễn Xuân Quyền, Thành viên độc lập HĐQT PVOIL**

**Ngày sinh:** 06/8/1956

**Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư máy tàu biển.

**Kinh nghiệm nghề nghiệp:** Hơn 20 năm làm việc trong ngành Dầu khí trong đó có 10 năm làm việc tại PVOIL và đơn vị tiền thân, trước khi nghỉ hưu (ngày 01/9/2016), ông Quyền từng giữ chức thành viên Hội đồng thành viên PVOIL. Từ 27/4/2023 ông được bầu làm thành viên độc lập HĐQT PVOIL nhiệm kỳ 2023-2028.

Ông hiện không sở hữu cổ phần tại PVOIL

## **5.2. Ban kiểm soát**

### **Trưởng ban kiểm soát Nguyễn Đức Kện**

**Ngày sinh:** 25/9/1964

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Tài chính ngân hàng

**Kinh nghiệm nghề nghiệp:** Ông có gần 30 năm làm việc trong Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam, trong đó có 17 năm ở lĩnh vực tài chính kế toán và quản lý tài chính các dự án dầu khí tại Công ty Mẹ Tập đoàn và tại các đơn vị thành viên. Ông là Trưởng ban Kiểm soát PVOIL nhiệm kỳ 2018-2022, nhiệm kỳ 2023-2028 ông tiếp tục được PVN tín nhiệm giới thiệu và được bầu chọn làm Trưởng ban Kiểm soát.

Hiện ông không có cổ phần sở hữu tại PVOIL.

### **Thành viên Ban Kiểm soát Phạm Thanh Sơn**

**Ngày sinh:** 01/8/1968

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kinh tế, Thạc sĩ quản trị kinh doanh

**Kinh nghiệm nghề nghiệp:** Ông có gần 28 năm làm việc tại PVOIL và đơn vị tiền thân Petechim. Ông là kiểm soát viên của PVOIL từ ngày đầu thành lập – 06/6/2008 và tiếp tục được bầu làm thành viên ban kiểm soát khi PVOIL chuyển sang hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần từ 01/8/2018 đến nay.

Hiện ông không có cổ phần sở hữu tại PVOIL.

### **Thành viên Ban Kiểm soát Lê Vinh Văn**

**Ngày sinh:** 16/12/1969

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Tài chính kế toán, Cử nhân Ngữ văn Anh

**Kinh nghiệm nghề nghiệp:** Ông có hơn 20 năm làm việc trong ngành Dầu khí ở lĩnh vực Thương mại, Kế toán tài chính và Kiểm soát. Với kinh nghiệm hơn 15 năm làm công tác kiểm soát tại Tổng công ty Phân bón và hóa chất Dầu khí (PVFCCo), ông được PVN giới thiệu và ĐHĐCĐ thường niên 2023 của PVOIL bầu chọn làm thành viên Ban Kiểm soát PVOIL nhiệm kỳ 2023-2028 kể từ ngày 27/4/2023 đến nay.

Hiện ông không có cổ phần sở hữu tại PVOIL.

### **5.3. Ban điều hành**

#### **Tổng Giám đốc Nguyễn Đăng Trình**

**Ngày sinh:** 20/07/1982

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Tài chính ngân hàng

**Kinh nghiệm nghề nghiệp:** Ông có gần 20 năm làm việc trong ngành Dầu khí và đã kinh qua vị trí kế toán trưởng Công ty CP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Nam và Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOIL); Tháng 6/2019 ông được HĐQT PVOIL bổ nhiệm giữ chức Phó Tổng giám đốc PVOIL. Từ 27/4/2023 ông được bầu làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028 đồng thời tiếp tục nắm giữ vị trí Phó Tổng Giám đốc PVOIL. Đến tháng 12/2024, ông được bổ nhiệm vào vị trí Tổng Giám đốc PVOIL.

Ông Trình hiện là người đại diện vốn Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam tại PVOIL, nắm giữ 23% vốn điều lệ. Hiện ông không có cổ phần sở hữu cá nhân tại PVOIL.

#### **Phó Tổng Giám đốc Võ Khánh Hưng**

**Chủ tịch HĐQT Petechim**

**Giám đốc PVOIL Cambodia, Chủ tịch HĐTV PVOIL Lào & PVOIL Lào Trading (kiêm nhiệm đến 12/3/2026)**

**Ngày sinh:** 28/9/1965

**Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư kỹ thuật Hóa dầu; Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

**Kinh nghiệm nghề nghiệp:** PTGD Võ Khánh Hưng gắn bó với Petechim – đơn vị tiền thân của PVOIL ngay từ những ngày đầu thành lập (tháng 8/1992), ông Hưng là một trong những gương mặt tiêu biểu về sự cống hiến trong từng bước tiến của Tổng công ty. Trong suốt hơn 30 năm công tác, ông đã hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao phó. Ông được bổ

nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH MTV từ tháng 6/2008 và tiếp tục nắm giữ cương vị này sau khi Tổng Công ty chuyển sang hoạt động dưới mô hình CTCP. Theo nguyện vọng cá nhân, HĐQT PVOIL đã chấp thuận để ông từ nhiệm vị trí Phó Tổng giám đốc PVOIL kể từ ngày 03/3/2026.

## Phó Tổng Giám đốc Hoàng Đình Tùng

*Thành viên HĐQT PVOIL Singapore (kiêm nhiệm)*

**Ngày sinh:** 03/12/1978

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kế toán – Kiểm toán

**Kinh nghiệm nghề nghiệp:** Ông có 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu tại PVOIL và đơn vị tiền thân Petechim, đảm nhiệm qua các vị trí từ Chuyên viên Kinh doanh, Phó phòng Kinh doanh, Phó ban XNK Dầu thô và Sản phẩm dầu/Phó ban Kinh doanh Sản phẩm dầu, Giám đốc PVOIL Vũng Tàu và Trưởng ban Kinh doanh Sản phẩm dầu. Ông được HĐQT tín nhiệm bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty từ ngày 15/8/2023 đến nay.

Ông hiện đang sở hữu 1.000 cổ phần tại PVOIL.

## Phó Tổng Giám đốc Lê Thị Thu Hương

**Ngày sinh:** 09/10/1975

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh; Cử nhân Anh văn, Cử nhân Pháp văn

**Kinh nghiệm nghề nghiệp:** bà đã đảm nhiệm qua các vị trí Phó phòng quản lý Văn phòng đại diện ở nước ngoài - Sở Thương mại Hà Nội; Chuyên viên Vụ thương mại & Dịch vụ - Bộ KHĐT; Trưởng ban Luật và Hợp tác quốc tế PV Power; Phó trưởng ban Đầu tư phát triển PVN và Phó Tổng Giám đốc PVFCCo (từ 3/2013 – 8/2023). Bà được PVN giới thiệu và HĐQT PVOIL bổ nhiệm giữ vị trí Phó Tổng Giám đốc PVOIL từ ngày 15/8/2023.

Hiện bà không sở hữu cổ phần tại PVOIL.

## Phó Tổng Giám đốc Trương Đại Hoàng

*Chủ tịch HĐQT PVOIL Phú Thọ (kiêm nhiệm)*

**Ngày sinh:** 02/10/1974

**Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư Xây dựng dân dụng và Công nghiệp

**Kinh nghiệm nghề nghiệp:** Ông có trên 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, kinh qua các vị trí giám sát thi công, chỉ huy trưởng công trình, quản lý công tác xây dựng cơ bản tại một số dự án trọng điểm của ngành dầu khí. Ông đã gắn bó với PVOIL từ những ngày đầu mới thành lập, giữ vị trí Trưởng ban Đầu tư xây dựng. Đến tháng 10/2024, ông được HĐQT PVOIL bổ nhiệm giữ vị trí Phó Tổng Giám đốc PVOIL.

Hiện ông không sở hữu cổ phần tại PVOIL.

## Phó Tổng Giám đốc Lê Trung Hưng

*Chủ tịch HĐQT PVOIL Trans, Thái Bình PSC (kiêm nhiệm)*

**Ngày sinh:** 18/11/1982

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh quốc tế; Kỹ sư Công nghệ thông tin.

**Kinh nghiệm nghề nghiệp:** Ông Hưng đã có gần 20 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành Dầu khí. Ông Hưng gia nhập Tổng Công ty Dầu Việt Nam từ tháng 4/2012, trải qua các vị trí

quản lý tại văn phòng Tổng công ty và nhiều đơn vị thành viên trong hệ thống tại PVOIL Lào, PVOIL Lào Trading, PVOIL Thanh Hóa và PVOIL Trans. Tháng 4/2025, với thành tích và đóng góp nổi bật, ông được Lãnh đạo PVOIL tin tưởng, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP.

Ông Lê Trung Hưng hiện không sở hữu cổ phần tại PVOIL.

## Kế toán trưởng: Ông Nguyễn Ngọc Ninh

**Ngày sinh:** 07/10/1975

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Tài chính Tín dụng

**Kinh nghiệm nghề nghiệp:** Ông có hơn 20 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành Dầu khí ở lĩnh vực tài chính kế toán. Gắn bó với PVOIL từ tháng 11/2011, qua các vị trí Phó ban TCKT, Trưởng ban Kiểm soát nội bộ Tổng công ty, với năng lực và kinh nghiệm trong công tác quản lý tài chính, kế toán, kiểm toán, từ ngày 09/9/2019 đến nay ông được bổ nhiệm và giữ chức Kế toán trưởng Tổng công ty.

Hiện ông không có cổ phần sở hữu tại PVOIL.

## 6. Định hướng phát triển

PVOIL kiên định với định hướng phát triển Tổng công ty dựa trên các quan điểm sau:

- 👉 Phát triển phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam, tập trung vào các lĩnh vực hoạt động chính là XNK kinh doanh dầu thô và sản xuất, kinh doanh sản phẩm dầu kết hợp các dịch vụ phi xăng dầu tại cửa hàng xăng dầu.
- 👉 Thích ứng với xu thế chuyển dịch năng lượng, phấn đấu trở thành nhà cung cấp hàng đầu năng lượng đa dạng (bao gồm cả năng lượng truyền thống và năng lượng mới, năng lượng tái tạo) trong tương lai.
- 👉 Tiếp tục kiên định với định hướng phát triển hệ thống phân phối bán lẻ, đảm bảo tập trung nguồn lực, nâng cao hiệu quả sử dụng và phát huy tối đa cơ sở hạ tầng đã đầu tư.
- 👉 Phát triển ổn định, bền vững, an toàn và hiệu quả; gắn hoạt động SXKD với bảo vệ môi trường và hướng tới lợi ích chung của toàn xã hội.
- 👉 Không ngừng hoàn thiện mô hình tổ chức quản lý, ứng dụng CNTT, tự động hóa và mô hình quản trị tiên tiến nhằm đạt hiệu quả cao hơn.

### 6.1. Mục tiêu phát triển giai đoạn 2026-2030

#### ❖ Mục tiêu tổng quát

- ✔ Tập trung mở rộng thị phần cho các ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh truyền thống, cũng như các lĩnh vực mới và kinh doanh quốc tế. Chú trọng và tiên phong kinh doanh các sản phẩm chất lượng cao, thân thiện với môi trường.
- ✔ Giữ vai trò chính trong việc kinh doanh, cung cấp dầu thô cho các nhà máy lọc dầu trong nước.
- ✔ Tham gia vào thị trường kinh doanh phân phối nhiên liệu hàng không truyền thống (Jet A1) cũng như nhiên liệu hàng không bền vững (SAF).
- ✔ Tham gia tích cực và đóng vai trò quan trọng trong quá trình chuyển dịch năng lượng của ngành dầu khí. Phấn đấu trở thành nhà cung cấp hàng đầu đa dạng năng lượng, bao gồm năng lượng xăng dầu truyền thống cũng như các dạng năng lượng mới, năng lượng tái tạo.

- ✓ Phát triển mạnh mẽ các dịch vụ phi xăng dầu gắn với các cửa hàng xăng dầu; Phát triển mô hình Trạm cung cấp năng lượng.
- ✓ Tái cấu trúc toàn diện mô hình quản lý, kinh doanh để phát triển mạnh mẽ hơn, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả hoạt động.

## ❖ Mục tiêu cụ thể

- ✓ KDXD: Tăng trưởng sản lượng kinh doanh xăng dầu bình quân 5%/năm, giữ ổn định thị phần; đẩy mạnh dịch chuyển sản lượng qua các kênh phân phối trực tiếp đi đôi với hiệu quả hoạt động kinh doanh. Phần đầu sản lượng tỷ trọng bán lẻ đạt tối thiểu 30% vào năm 2030.
- ✓ Lợi nhuận trước thuế hợp nhất giai đoạn 2026-2030: 4000-5000 tỷ đồng.

## 6.2. Hoạt động sản xuất kinh doanh



**Lĩnh vực ủy thác dầu thô và kinh doanh dầu quốc tế:** Xuất/bán an toàn và hiệu quả toàn bộ lượng dầu thô Việt Nam và dầu thô của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam khai thác ở nước ngoài; cung cấp đầy đủ dầu thô nguyên liệu cho NMLD Dung Quất theo yêu cầu. Đồng thời, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh dầu quốc tế, khẳng định thương hiệu PVOIL trong lĩnh vực này.



**Lĩnh vực sản xuất, pha chế:** Triển khai sản xuất pha chế xăng sinh học đáp ứng nhu cầu thị trường và theo lộ trình của Chính phủ; đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm dầu mỡ nhờn thương hiệu PVOIL LUBE.



**Lĩnh vực kinh doanh xăng dầu:** Giữ ổn định thị phần và hệ thống phân phối; tập trung gia tăng tỷ trọng bán hàng vào các kênh tiêu thụ trực tiếp, bền vững (bán lẻ và bán khách hàng công nghiệp) và xúc tiến phát triển các dịch vụ phi xăng dầu tại CHXD.



**Lĩnh vực phi xăng dầu** tăng cường hợp tác triển khai các dịch vụ phi xăng dầu tại cửa hàng xăng dầu nhằm thích ứng với xu thế chuyển dịch năng lượng và gia tăng hiệu quả hoạt động.

## 6.3. Tái cấu trúc, đổi mới doanh nghiệp

Trong giai đoạn 2026-2030, PVOIL tiếp tục tập trung rà soát, sắp xếp, tổ chức lại hệ thống các đơn vị thành viên kinh doanh xăng dầu (KDXD) theo hướng thu gọn đầu mối nhằm tiết giảm chi phí, triệt tiêu cạnh tranh nội bộ và cải thiện hiệu quả hoạt động.

## 6.4. Nâng cao năng lực quản trị và phát triển nguồn nhân lực

Công tác nâng cao năng lực quản trị và phát triển nguồn nhân lực được chú trọng, thông qua các giải pháp:

- ✓ Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản trị điều hành hướng tới mô hình quản trị hiện đại, minh bạch, chuyên nghiệp theo các chuẩn mực quốc tế và áp dụng khoa học công nghệ, số hóa, tự động hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ khách hàng.

- ✓ Chú trọng chất lượng tuyển dụng mới; bố trí đúng người đúng việc; Tăng cường đào tạo, nâng cao năng lực và phát triển nguồn nhân lực....

## 7. Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của PVOIL

**Rủi ro lãi suất:** Lãi suất là một chỉ số tài chính quan trọng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của PVOIL do một phần vốn lưu động và đầu tư là vốn vay. Tuy nhiên, nhờ có dòng tiền tốt và tín nhiệm cao với các ngân hàng nên PVOIL luôn thu xếp được các khoản vay với lãi suất ưu đãi, giúp giảm thiểu chi phí kinh doanh.

**Rủi ro tỷ giá:** Là doanh nghiệp nhập khẩu, kinh doanh xăng dầu nên PVOIL chịu ảnh hưởng về biến động tỷ giá. PVOIL đã áp dụng hình thức giao dịch kỳ hạn để hạn chế rủi ro. Tuy nhiên, từ cuối năm 2018, nguồn cung từ 2 NMLD trong nước đã đáp ứng hơn 70% nhu cầu nội địa và PVOIL ưu tiên tiêu thụ nguồn hàng này, chỉ nhập khi thiếu hụt nên đã giảm thiểu được rủi ro về tỷ giá.

**Rủi ro về giá dầu:** Giá dầu thô và xăng dầu trên thế giới biến động liên tục, rất khó lường, phức tạp và phụ thuộc vào nhiều yếu tố như tình hình địa chính trị, tình hình kinh tế tại các nước như Mỹ, Trung Quốc, châu Âu; diễn biến nhu cầu và nguồn cung trên toàn thế giới cũng như các yếu tố tài chính, tâm lý thị trường. Để ứng phó, PVOIL đặc biệt chú trọng công tác phân tích, dự báo, theo dõi sát diễn biến thị trường và có chính sách điều hành linh hoạt.

**Rủi ro về nguồn cung xăng dầu:** Mặc dù nguồn cung trong nước đã đáp ứng được khoảng 70% nhu cầu tiêu thụ nhưng phần lớn nguyên liệu dầu thô vẫn phải nhập khẩu, chủ yếu từ Trung Đông - là khu vực thường xảy ra bất ổn về chính trị. Từ nhiều năm trước, PVOIL đã phối hợp với NMLD Dung Quất để xây dựng và triển khai thành công phương án nhập khẩu và phối trộn dầu nguyên liệu nhằm đa dạng nguồn cung cho Nhà máy. Đến hiện tại, sản lượng nhập khẩu chiếm 10-15% tổng nhu cầu nguyên liệu của NMLD Dung Quất. Đối với NMLD Nghi Sơn, trước nguy cơ đứt gãy nguồn cung dầu thô từ Trung Đông khi cuộc chiến Iran nổ ra vào đầu tháng 3 năm nay, PVOIL đang phối hợp với Nhà máy này để tìm kiếm nguồn dầu thay thế nhằm duy trì hoạt động của nhà máy và đảm bảo nguồn cung cho thị trường.

**Rủi ro về điều hành kinh doanh xăng dầu (KD XD) của Chính phủ:** Hoạt động kinh doanh của Công ty có liên quan mật thiết với giá dầu thô và xăng dầu trên thị trường thế giới và điều hành giá của Chính phủ. Điều hành KD XD của Chính phủ trong những năm gần đây đã thể hiện sự minh bạch và tiếp cận thị trường, tuy nhiên vẫn tiềm ẩn rủi ro cho doanh nghiệp (công thức giá, biên độ điều chỉnh giá; sử dụng các công cụ điều tiết khác như quỹ bình ổn và thuế; bắt buộc về tồn kho lưu thông 20 ngày; ấn định mức chi phí và lợi nhuận định mức trong KD XD). Vấn đề này kỳ vọng sẽ được giải quyết khi Chính phủ ban hành nghị định mới về quản lý KD XD và trao quyền quyết định giá bán lẻ cho các doanh nghiệp đầu mối.

**Rủi ro cháy nổ, ô nhiễm môi trường:** Kinh doanh xăng dầu là ngành nghề có rủi ro cao về cháy, nổ, hỏa hoạn, ô nhiễm môi trường... Khi có sự cố xảy ra sẽ để lại hệ lụy nặng nề đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Để hạn chế và kiểm soát rủi ro đặc thù này, PVOIL đã đầu tư, trang bị hệ thống phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định, tổ chức lực lượng chữa cháy tại chỗ, thuê đơn vị chuyên ngành triển khai các giải pháp phòng, chống tràn dầu và mua đầy đủ các loại bảo hiểm rủi ro tài sản, bảo hiểm cháy nổ...

**Rủi ro về pháp luật:** Là một công ty cổ phần đại chúng, hoạt động kinh doanh của PVOIL bị chi phối bởi các văn bản pháp luật do Nhà nước quy định, trong đó trọng yếu là Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác liên quan đến các ngành nghề hoạt động của Tổng công ty. Để hạn chế tối đa những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động, PVOIL luôn theo dõi và cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan trong hệ thống, đồng thời tham khảo và thuê tư vấn đối với những vấn đề pháp lý nằm ngoài khả năng của Tổng công ty.

**Rủi ro khác:** Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, hoạt động của PVOIL có thể chịu ảnh hưởng của thiên tai như động đất, dịch bệnh, lũ lụt... mà khi xảy ra có thể gây thiệt hại tài sản cũng như ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

## PHẦN II

### QUẢN TRỊ CÔNG TY

#### 1. Hội đồng quản trị

##### 1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Cơ cấu HĐQT PVOIL được ĐHĐCĐ thường niên 2025 thông qua gồm 7 thành viên, trong đó có 01 thành viên độc lập. Chi tiết xin xem tại Mục 6.1 Phần I của báo cáo này.

##### 1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Theo cơ cấu tổ chức của Tổng công ty, HĐQT quyết định thành lập Ban Kiểm soát nội bộ (KSNB) là bộ phận tham mưu, giúp việc trực thuộc HĐQT và giao chức năng, nhiệm vụ kiểm tra, giám sát hoạt động hệ thống cho Ban KSNB.

Thực hiện Nghị định số 05/2019/NĐ-CP ngày 22/11/2019 của Chính phủ và Thông tư số 66/2020/TT-BTC ngày 10/7/2020 của Bộ Tài chính về ban hành quy chế mẫu về kiểm toán nội bộ áp dụng cho doanh nghiệp, HĐQT đã giao bổ sung nhiệm vụ thực hiện công tác kiểm toán nội bộ cho Ban KSNB, đồng thời ban hành Quy chế Kiểm toán nội bộ của Tổng công ty tại Quyết định số 92/QĐ-DVN ngày 26/01/2022 và Quy trình kiểm toán nội bộ của Tổng công ty làm cơ sở triển khai hoạt động này.

##### 1.3. Hoạt động của HĐQT trong năm 2025

- ✓ HĐQT đã xây dựng và ban hành “Chương trình công tác năm 2025 của HĐQT Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP” theo Quyết định số 30/QĐ-DVN ngày 13/01/2025 theo đó cụ thể hóa các nội dung công tác, bao gồm các nhiệm vụ có tính chất chiến lược, định hướng phát triển trung, dài hạn đối với Tổng công ty; các nhiệm vụ thường xuyên gắn liền với kế hoạch SXKD hàng năm được ĐHĐCĐ giao và việc thực hiện chức năng lãnh đạo, quản lý các mặt hoạt động của Tổng công ty. Định kỳ 6 tháng/lần, HĐQT tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Chương trình công tác.
- ✓ HĐQT tổ chức phân công nhiệm vụ cho từng Thành viên HĐQT phù hợp với thể mạnh, năng lực chuyên môn và kinh nghiệm công tác của từng thành viên.
- ✓ Mỗi thành viên HĐQT luôn đề cao tinh thần làm việc trách nhiệm, dân chủ; Xử lý nhanh chóng, kịp thời các vấn đề, đề xuất/kiến nghị của Tổng Giám đốc; Ban hành các nghị quyết, quyết định phù hợp thẩm quyền. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT tuân thủ theo nguyên tắc đa số, dựa trên kết quả biểu quyết trực tiếp tại các cuộc họp hoặc biểu quyết thông qua hình thức phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT; Tuân thủ đầy đủ các quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty và Luật Doanh nghiệp.
- ✓ Trong năm, HĐQT đã tổ chức 07 cuộc họp, ban hành 108 nghị quyết để quản lý/chỉ đạo các hoạt động của PVOIL trên mọi lĩnh vực; Tổ chức giám sát và đánh giá kịp thời kết quả thực hiện nội dung các nghị quyết/quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT; Tổ chức giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác theo Điều lệ; Tổ chức giám sát trực tiếp toàn diện tình hình SXKD của các đơn vị thành viên trong hệ thống PVOIL và chỉ đạo các đơn vị khắc phục những tồn tại và yếu kém được phát hiện thông qua hoạt động kiểm tra, giám sát.
- ✓ Năm 2025, PVOIL hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản lượng và doanh thu. Riêng chỉ tiêu lợi nhuận, do trích lập dự phòng đầu tư tài chính tại Công ty Cổ phần Hóa

dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí (PVB) và diễn biến bất lợi từ thị trường xăng dầu thế giới, chỉ tiêu lợi nhuận đã không đạt kế hoạch. Các nhiệm vụ trọng tâm khác theo nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2025 đều được quyết liệt thực hiện và hoàn thành đúng kế hoạch.

- ✓ Chỉ đạo công tác truyền thông, quảng bá hình ảnh doanh nghiệp, tài trợ một số giải đua ô tô, tham gia triển lãm 80 năm thành tựu đất nước, lễ kỷ niệm 50 năm ngành Dầu khí, hội chợ mùa thu...; Chỉ đạo công tác phát triển văn hóa doanh nghiệp. Chỉ đạo và nghiêm túc triển khai công tác an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ đồng bào lũ lụt...
- ✓ Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên 2025 và thực hiện đầy đủ chế độ công bố thông tin đối với công ty đại chúng.
- ✓ Cuối năm 2025, HĐQT đã tổ chức họp kiểm điểm, nghiêm túc đánh giá công tác lãnh đạo, chỉ đạo cũng như kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của HĐQT; Đánh giá về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025; Kiểm điểm về việc khắc phục những hạn chế, khuyết điểm đã được cấp có thẩm quyền kết luận hoặc được chỉ ra ở các kỳ kiểm điểm trước.

#### 1.4. Các cuộc họp HĐQT trong năm 2025

| TT | Thời gian  | SL tham dự | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Kết quả                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|----|------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | 26/02/2025 | 6/7        | <ol style="list-style-type: none"> <li>Báo cáo kết quả SXKD 2 tháng đầu năm nhiệm vụ trọng tâm Quý I năm 2025 của PVOIL.</li> <li>Cập nhật tình hình triển khai công tác Tái cấu trúc các đơn vị thành viên.</li> <li>Cập nhật tình hình triển khai các dự án đầu tư có vốn góp của Tổng công ty.</li> <li>Cập nhật tình hình triển khai công tác quyết toán CPH của Tổng công ty.</li> <li>Rà soát công tác chuẩn bị tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của PVOIL.</li> </ol> | <p>Cuộc họp thống nhất giao Ban điều hành: (i) khẩn trương đẩy nhanh tiến độ liên quan đến công tác tái cấu trúc các đơn vị thành viên; (ii) tập trung hoàn thành các dự án đầu tư đưa vào sử dụng theo đúng tiến độ; (iii) hoàn thiện các hồ sơ và bám sát cơ quan có thẩm quyền để hoàn thành công tác quyết toán CPH Tổng công ty.</p> <p>Thống nhất ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Tổng công ty vào 8h30 ngày 25/4/2025 theo hình thức trực tuyến.</p> |
| 2  | 25/4/2025  | 6/7        | <ol style="list-style-type: none"> <li>Thảo luận về chủ trương hợp tác đầu tư Dự án tuyển ống ngầm cung cấp Jet-A1.</li> <li>Cập nhật tình hình và thảo luận phương án triển khai tiếp theo đối với các dự án NLSH có vốn góp của Tổng công ty.</li> <li>Thảo luận về các chỉ tiêu chiến lược, kế hoạch SXKD giai đoạn 2026 – 2030 của Tổng công ty (lần 2)</li> </ol>                                                                                                         | <p>Cuộc họp nghe báo cáo cập nhật tình hình triển khai các nội dung được đưa ra thảo luận và cho ý kiến chỉ đạo để Tổng giám đốc triển khai các công việc tiếp theo.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 3  | 16/05/2025 | 6/7        | <ol style="list-style-type: none"> <li>Báo cáo kết quả SXKD đến nửa đầu tháng 5 năm 2025 của PVOIL.</li> <li>Cập nhật tình hình triển khai các dự án đầu tư có vốn góp của Tổng công ty.</li> </ol>                                                                                                                                                                                                                                                                            | <p>Cuộc họp thống nhất giao Ban điều hành: (i) triển khai các giải pháp nhằm cải thiện chỉ tiêu lợi nhuận chưa đạt kế hoạch; (ii) ưu tiên bố trí nguồn lực phù hợp để đảm bảo tiến độ các dự án đầu tư của Tổng công</p>                                                                                                                                                                                                                                                |

| TT | Thời gian  | SL tham dự | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Kết quả                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|----|------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |            |            | <p>3. Thảo luận về phương án chuẩn bị, sản xuất, pha chế xăng E10 thay thế xăng khoáng.</p> <p>4. Tổng kết kế hoạch thực hành tiết kiệm năm 2025 của Tổng công ty.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | ty; (iii) đánh giá toàn diện về nhu cầu thị trường đối với xăng E10 để xác định quy mô đầu tư trình cấp thẩm quyền xem xét.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 4  | 05/09/2025 | 7/7        | <p>1. Báo cáo kết quả SXKD tháng 8, lũy kế 8 tháng đầu năm 2025 của PVOIL.</p> <p>2. Xem xét phương án tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu.</p> <p>3. Cập nhật tình hình và thảo luận phương án triển khai tiếp theo đối với các dự án NLSH có vốn góp của Tổng công ty.</p> <p>4. Báo cáo, cập nhật những thay đổi của Luật số 68/2025/QH15 về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp; những ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của PVOIL.</p> | Cuộc họp đạt được sự thống nhất về các nội dung được đưa ra thảo luận; thống nhất quan điểm kiên quyết trong việc xử lý dứt điểm các tồn tại tại các dự án NLSH có vốn góp của Tổng công ty.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 5  | 12/09/2025 | 6/7        | Xem xét Thỏa thuận cổ đông thành lập Công ty cổ phần Năng lượng Hàng không Dầu khí Việt Nam                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Cuộc họp đạt được sự thống nhất về nội dung được đưa ra thảo luận.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 6  | 04/11/2025 | 6/7        | <p>1. Báo cáo kết quả SXKD tháng 10, lũy kế 10 tháng đầu năm 2025 của PVOIL.</p> <p>2. Báo cáo kết quả rà soát và kế hoạch triển khai thực hiện các kiến nghị của kiểm toán nhà nước tại PVOIL.</p> <p>3. Xem xét nội dung Tờ trình bổ sung kế hoạch đầu tư tàu MR Size vận chuyển xăng dầu của Công ty mẹ.</p>                                                                                                                                                               | HĐQT thảo luận và thống nhất đánh giá cao kết quả SXKD 10 tháng đầu năm của Tổng công ty; đồng thời giao Ban điều hành: (i) triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm phấn đấu hoàn thành ở mức cao nhất chỉ tiêu lợi nhuận được Đại hội đồng cổ đông giao; (ii) chỉ đạo toàn hệ thống nghiêm túc, đầy đủ và kịp thời thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước; (iii) rà soát, đánh giá lại nhu cầu bổ sung kế hoạch đầu tư tàu MR Size, xác định phương án thực hiện tại Công ty mẹ hoặc đơn vị thành viên. |
| 7  | 24/12/2025 | 6/7        | <p>1. Thảo luận việc giao các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2026 cho Công ty mẹ và các đơn vị thành viên trong hệ thống.</p> <p>2. Xem xét Phương án kinh doanh của PVOIL Aviation.</p> <p>3. Xem xét Phương án tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên (PVOIL Phú Yên).</p>                                                                                                                                                                               | HĐQT thảo luận và thống nhất: (i) thông qua và giao chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2026 cho Công ty mẹ và các đơn vị thành viên; (ii) giao Ban điều hành bám sát tiến độ triển khai hoạt động kinh doanh nhiên liệu bay Jet-A1 và định kỳ báo cáo HĐQT tại các kỳ họp; (iii) giao Thư ký HĐQT tổ chức lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản đối với phương án tăng vốn điều lệ của PVOIL Phú Yên.                                                                                                                           |

### 1.5. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

Trong nhiệm kỳ 2023-2028, HĐQT của Tổng công ty có 07 thành viên, trong đó có 01 thành viên độc lập là ông Nguyễn Xuân Quyền.

Theo phân công nhiệm vụ trong HĐQT, Ông Nguyễn Xuân Quyền phụ trách lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, an toàn, sức khỏe và môi trường, sản xuất trong toàn hệ thống; Theo dõi, giám sát hoạt động tại 6 công ty con và 02 công ty liên kết.

Trong năm 2025, Thành viên độc lập HĐQT thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo phân công của HĐQT; Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT, có ý kiến và biểu quyết độc lập về các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT; Tham gia giám sát, chỉ đạo hoạt động của Ban điều hành và hoạt động của các đơn vị thành viên theo phân công công việc của HĐQT.

### **1.6. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty; Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm**

7/7 thành viên HĐQT đã tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty. Trong năm 2025, Ông Cao Hoài Dương, Chủ tịch HĐQT đã tham gia khóa học “Quản trị DN cho Lãnh đạo cấp cao”.

## **2. Ban Kiểm soát**

### **2.1. Thông tin về thành viên Ban kiểm soát (BKS)**

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP đã bầu 3 thành viên Ban kiểm soát làm việc chuyên trách cho nhiệm kỳ 2023-2028, thông tin xin xem tại Mục 6.2 Phần I của Báo cáo này.

### **2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát**

- ✓ Thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và tài chính tại Công ty Mẹ, việc chấp hành các quy định về kinh doanh xăng dầu, công tác quản lý vốn tại doanh nghiệp, công tác đầu tư tài chính ra ngoài doanh nghiệp, giám sát chuyên đề về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro.
- ✓ Giám sát tình hình chấp hành Điều lệ Tổng công ty và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các quy định của pháp luật; việc thực hiện các quy định, nghị quyết, quyết định, chỉ thị của các cơ quan quản lý cấp trên; các kiến nghị bằng biên bản của các đoàn thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.
- ✓ Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của các báo cáo tài chính quý/năm của Tổng công ty và các nhiệm vụ, công việc kiểm tra, giám sát khác theo kế hoạch.

### **2.3. Đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát**

- ✓ Ban Kiểm soát đã thực hiện đầy đủ và đáp ứng yêu cầu toàn bộ các nội dung công việc theo kế hoạch hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt, nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và Điều lệ Tổng công ty.
- ✓ Ban Kiểm soát thường xuyên theo dõi, giám sát, đánh giá tình hình, đồng thời đã có một số ý kiến tư vấn, cảnh báo, khuyến nghị đối với công tác quản lý và điều hành tại Công ty mẹ và một số đơn vị thành viên.

### **2.4. Nội dung các cuộc họp của Ban Kiểm soát**

Trong năm Ban Kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, triển khai thực hiện kế hoạch kiểm tra giám sát năm 2025, thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng/năm, thông qua báo cáo giám sát, báo cáo thẩm định tiền lương và báo cáo tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ của cá nhân, tập thể Ban kiểm soát, có ý kiến độc lập về các nội dung biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên.

## 2.5. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tổng công ty

- ✓ **Về hoạt động sản xuất kinh doanh:** Năm 2025 diễn biến thị trường kinh doanh xăng dầu rất khó khăn, giá dầu liên tục giảm ảnh hưởng lớn tới các kênh bán buôn và khách hàng công nghiệp, đặc biệt rủi ro giảm giá hàng tồn kho. Trong năm có 25 lần điều chỉnh giảm giá và giá điều chỉnh giảm có biên độ rộng hơn, rủi ro kinh doanh ở mức cao hơn so với các năm trước. Mặc dù vậy, Tổng công ty đã hoàn thành vượt mức hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết số 11/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2025, đặc biệt là sản lượng và doanh thu lập kỷ lục mới.
- ✓ **Công tác tái cấu trúc và đổi mới doanh nghiệp:** được đặc biệt chú trọng, đẩy mạnh phù hợp với định hướng được ĐHĐCĐ thường niên 2025 thông qua.
- ✓ **Công tác quản trị:** Tổng công ty hiện đang rà soát cập nhật hệ thống quy chế, quy trình nội bộ. Để đảm bảo tính tuân thủ cũng như từng bước áp dụng phương thức quản trị theo thông lệ tốt nhất, việc tăng cường các ý kiến trao đổi, phản biện với tư vấn trước khi chính thức ban hành là cần thiết, đặc biệt trong các lĩnh vực quản trị nhân sự, quản trị truyền thông, quảng bá thương hiệu, đảm bảo phù hợp với mô hình công ty cổ phần đại chúng có vốn của doanh nghiệp nhà nước chi phối hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh sản phẩm dầu.
- ✓ **Công tác tài chính kế toán:** Báo cáo tài chính phản ánh hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty trong năm tài chính. Tổng công ty lập và nộp báo cáo theo đúng quy định của Nhà nước, thực hiện báo cáo và công bố thông tin định kỳ cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán theo đúng quy định.

## 2.6. Danh sách thành viên BKS tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty trong năm

Trong năm 2025, Ông Nguyễn Đức Kện, Trưởng Ban kiểm soát đã hoàn thành khóa học DCP về quản trị công ty do VIOD tổ chức.

## 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát năm 2025

### 3.1. Lương, thù lao, phụ cấp của HĐQT, Ban điều hành và Ban kiểm soát

a) Tiền lương:

ĐVT: triệu đồng

| TT | Chức danh                                         | Số người BQ |              | Tiền lương, phụ cấp          |                 | % TH/KH |
|----|---------------------------------------------------|-------------|--------------|------------------------------|-----------------|---------|
|    |                                                   | KH          | TH           | KH                           | TH              |         |
| 1  | HĐQT chuyên trách (gồm 01 TV HĐQT kiêm TGD)       | 4           | 4,68         | 4.752,3                      | 11.662,1        | 245,4%  |
| 2  | Ban kiểm soát (chuyên trách)                      | 3           | 3            | 2.994,02                     | 5.616           | 187,6%  |
| 3  | Ban điều hành (gồm các Phó TGD và Kế toán trưởng) |             | 5,74         | Không thuộc diện trình ĐHĐCĐ | 12.775,4        |         |
|    | <b>Tổng cộng</b>                                  |             | <b>13,42</b> |                              | <b>30.053,5</b> |         |

**Ghi chú:** Tại thời điểm lập báo cáo kế hoạch tiền lương trình ĐHĐCĐ chưa xác định được nhân sự bổ sung TV HĐQT nên PVOIL chưa tính tới tiền lương của TV HĐQT này. Chi phí tiền lương thực hiện vượt kế hoạch do thay đổi chính sách về tiền lương, thù lao, tiền thưởng, chi tiết trình bày tại BCTC kiểm toán năm 2025 của Công ty mẹ Tổng công ty.

*b) Thù lao, phụ cấp của HĐQT, BKS không chuyên trách*

ĐVT: Triệu đồng

| TT | Chức danh               | Số người | Thù lao/Phụ cấp<br>01 tháng  | Quỹ thù<br>lao/Phụ cấp<br>KH 2025      | Quỹ thù<br>lao/Phụ cấp<br>TH 2025 |
|----|-------------------------|----------|------------------------------|----------------------------------------|-----------------------------------|
| 1  | Thành viên HĐQT         | 2        | 18,8 tr.đồng/<br>người/tháng | Không trình<br>bày chi tiết số<br>tiền | 525,65                            |
| 2  | Thành viên độc lập HĐQT | 01       | 18,8 tr.đồng/<br>người/tháng |                                        | 225,6                             |
|    | <b>Tổng cộng</b>        | <b>3</b> |                              |                                        | <b>751,25</b>                     |

Ghi chú:

- (i) Ông Đoàn Văn Nhuộm thôi làm Thành viên HĐQT từ 25/4/2025
- (ii) Ông Nguyễn Đăng Trình, TV HĐQT, Tổng Giám đốc.
- (iii) Chi phí thù lao, phụ cấp vượt kế hoạch do thay đổi chính sách về tiền lương, thù lao, tiền thưởng đã nêu chi tiết tại BCTC năm 2025.  
(Chi tiết xin xem Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 của công ty mẹ Tổng công ty)

### 3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Không phát sinh

### 3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

- ✓ Giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm giữa Tổng công ty với Người nội bộ: Không phát sinh
- ✓ Giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm giữa Tổng công ty với Người có liên quan đến người nội bộ: Trong năm PVOIL có phát sinh giao dịch với (i) một số công ty mà Người nội bộ của PVOIL nắm giữ/kiêm nhiệm các chức danh quản lý và (ii) với Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN) và Chi nhánh/đơn vị trực thuộc/các công ty con của PVN – là bên có liên quan của các thành viên HĐQT đại diện vốn của PVN tại PVOIL. Chi tiết xin xem Phụ lục 03 - Báo cáo tình hình quản trị năm 2025 và Thuyết minh số 41 - Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 của PVOIL.
- ✓ Giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm giữa các công ty con, các công ty mà Tổng công ty nắm quyền kiểm soát với Người nội bộ: không phát sinh.
- ✓ Giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm giữa các công ty con, các công ty mà Tổng công ty nắm quyền kiểm soát với những Người có liên quan đến Người nội bộ: Trong năm 2025 một số công ty con của PVOIL có phát sinh giao dịch với các công ty mà Người nội bộ của PVOIL giữ/kiêm nhiệm các chức danh quản lý. Chi tiết xin xem Phụ lục 04 – Báo cáo tình hình quản trị Tổng công ty năm 2025.

### 3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Tổng công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty đại chúng, cụ thể:

- ✓ Tổ chức họp đại hội cổ đông theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- ✓ Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được đảm bảo về nhân sự, hoạt động đúng chức trách nhiệm vụ quy định.
- ✓ Thực hiện đầy đủ và đúng hạn tất cả các nghĩa vụ công bố thông tin định kỳ và bất thường đối với công ty đại chúng.

- ✓ HĐQT ban hành đầy đủ và cập nhật thường xuyên các quy chế, quy định phục vụ quản trị Tổng công ty.
- ✓ Thực hiện đầy đủ và đúng hạn Báo cáo thường niên và Báo cáo quản trị áp dụng đối với công ty đại chúng quy mô lớn.

## PHẦN III

### TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

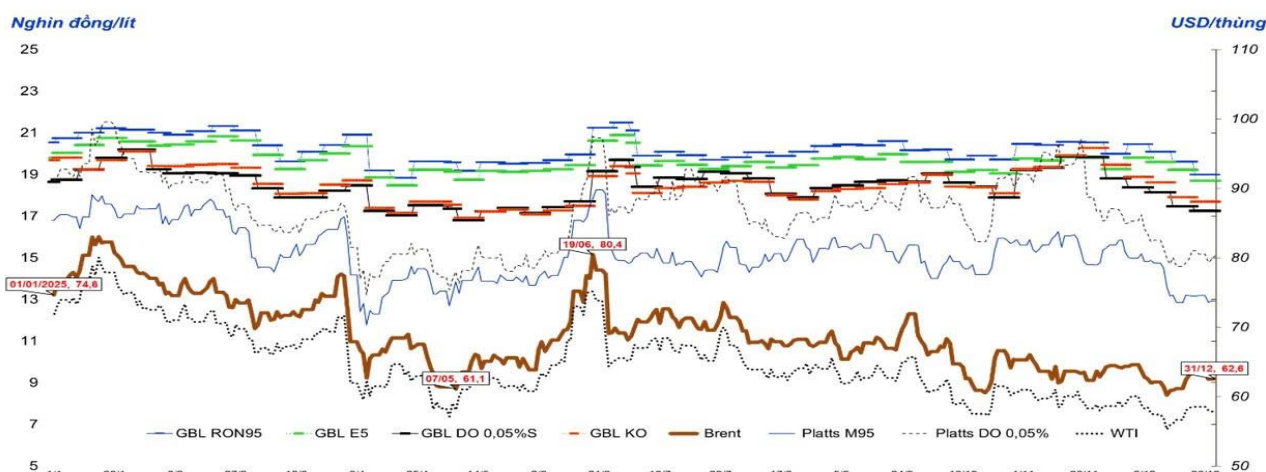
#### 1. Bối cảnh chung

Năm 2025, nền kinh tế toàn cầu chuyển hướng tích cực, lãi suất hạ nhiệt, lạm phát được kiểm soát, tuy nhiên vẫn bất ổn, đối mặt với nhiều rủi ro, bất định vì các yếu tố: bất ổn địa chính trị và xung đột quân sự, chiến tranh thương mại gây ra biến động về giá xăng dầu, giá nguyên vật liệu, giá cước vận tải, kéo dài thời gian vận chuyển và giao hàng, tạo áp lực lên lạm phát, khiến tăng trưởng toàn cầu chậm lại. Bên cạnh đó, biến đổi khí hậu và hiện tượng thời tiết cực đoan cũng đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến tăng trưởng chung. Tăng trưởng GDP toàn cầu ước đạt 3,2% trong năm 2025.

Kinh tế Việt Nam năm 2025 ghi nhận sự bứt phá với tăng trưởng GDP đạt 8,02%, lạm phát được kiểm soát ở mức 3,31%, quy mô kinh tế đạt 514 tỷ USD xếp thứ 32 thế giới, trở thành điểm sáng trong bối cảnh thế giới phục hồi chậm, địa chính trị bất ổn và cạnh tranh thương mại gay gắt. Động lực tăng trưởng chính từ hoạt động xuất khẩu và sản xuất công nghiệp được cải thiện, khu vực dịch vụ tăng trưởng tốt, đầu tư nước ngoài duy trì xu hướng tích cực. Trong năm, Chính phủ điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, phối hợp hài hòa với chính sách tài khóa vừa hỗ trợ tăng trưởng, vừa giữ vững ổn định vĩ mô.

Giá dầu thế giới tiếp tục biến động khó lường, tăng/giảm đan xen, tăng mạnh vào cuối quý 2 và giảm liên tục trong suốt nửa cuối năm do chịu tác động bởi các bất ổn địa chính trị như: Căng thẳng thuế quan giữa Mỹ và các đối tác thương mại lớn, cuộc chiến Nga và Ukraine và xung đột tại dải Gaza, sản lượng cung ứng của các nước OPEC+... Kết thúc năm, giá dầu Dated Brent giảm 8,4% so với đầu năm, về mức 62,6 USD/thùng. Trung bình năm 2025, giá dầu Brent DTD đạt 69,2 USD/thùng, giảm 14% so với trung bình năm 2024; giá bán lẻ các sản phẩm xăng dầu trong nước giảm từ 9 – 14% so với cùng kỳ.

Diễn biến giá dầu thế giới và điều hành giá bán lẻ của Chính phủ trong năm 2025 cụ thể như sau:



Trong hoạt động KDXD, Chính phủ tiếp tục quản lý, điều hành theo các Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, số 95/2021/NĐ-CP và số 80/2023/NĐ-CP, áp dụng chu kỳ điều hành giá bán lẻ xăng dầu 7 ngày/lần, thuế Bảo vệ môi trường tiếp tục được duy trì ở mức 2.000 đồng/lít đối với xăng (trừ xăng E5) và 1.000 đồng/lít đối với dầu. Thuế GTGT các mặt hàng xăng dầu giảm 2%, về mức 8% trong 6 tháng cuối năm 2025.

Sau nhiều nỗ lực của Chính phủ trong việc kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm trong lĩnh vực KDXD, thị trường ngày càng lành mạnh hơn. Tuy vậy, cạnh tranh vẫn diễn ra gay gắt vì số lượng thương nhân đầu mỗi đồng đảo với 27 doanh nghiệp và lực lượng trung gian với khoảng 260 thương nhân phân phối. Dự thảo Nghị định mới về quản lý KDXD với kỳ vọng giúp thu gọn đầu mối và thành phần trung gian trên thị trường vẫn chưa được thông qua vì nhiều lý do.

Tăng trưởng GDP trong năm ở mức cao, tuy nhiên, theo báo cáo của Bộ Công thương, tiêu thụ xăng dầu năm 2025 chỉ tương đương với cùng kỳ, cho thấy mức độ ảnh hưởng từ xu thế dịch chuyển năng lượng và sự gia tăng của xe điện đến hoạt động KDXD, cũng như ảnh hưởng của hiện tượng thời tiết cực đoan. Nguồn cung xăng dầu trong nước tương đối ổn định với sản lượng của hai nhà máy lọc dầu Dung Quất và Nghi Sơn đáp ứng khoảng 70% nhu cầu.

Bên cạnh những tín hiệu tích cực từ thị trường và công tác quản lý điều hành của Chính phủ, còn nhiều yếu tố gây khó khăn bất lợi cho hoạt động của Tổng công ty, ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD như: giá dầu thế giới giảm liên tục trong 6 tháng cuối năm, tỷ giá biến động tăng mạnh (tỷ giá đồng USD tăng 4% so với thời điểm đầu năm), thời tiết cực đoan và thiên tai xảy ra trên diện rộng và kéo dài gây thiệt hại về tài sản và làm giảm nhu cầu tiêu thụ xăng dầu, tác động từ xu thế dịch chuyển năng lượng và xe điện đến hoạt động kinh doanh...

Trong bối cảnh thị trường nhiều thách thức, tiếp nối đà tăng trưởng, thế và lực đã đạt được trong những năm trước, với tinh thần quyết tâm cao độ cùng với việc triển khai đồng bộ nhiều giải pháp quản lý điều hành, PVOIL đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức hầu hết các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 được ĐHCĐ thông qua.

## 2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và giai đoạn 5 năm 2021-2025

### 2.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản lượng năm 2025

Kết quả cụ thể từng lĩnh vực như sau:

| TT | Chỉ tiêu                                                                 | ĐVT          | TH 2024 | Năm 2025 |        | So sánh |      |
|----|--------------------------------------------------------------------------|--------------|---------|----------|--------|---------|------|
|    |                                                                          |              |         | KH       | TH     | Cùng kỳ | KH   |
| 1  | Sản lượng xuất khẩu/ bán dầu thô và nhập khẩu dầu thô cho NMLD Dung Quất | 1.000 tấn    | 9.538   | 8.853    | 10.858 | 114%    | 123% |
| -  | Xuất/bán (gồm bán cho BSR)                                               | „            | 7.905   | 7.001    | 8.167  | 103%    | 117% |
| -  | Nhập khẩu dầu thô cho BSR                                                | „            | 1.632   | 1.852    | 2.691  | 165%    | 145% |
| 2  | Sản xuất xăng dầu, DMN                                                   | 1.000 m3/tấn | 648     | 650      | 622    | 96%     | 96%  |
| -  | Trong đó: xăng E5                                                        | 1.000 m3     | 643     | 647      | 617    | 96%     | 95%  |
| 3  | Kinh doanh xăng dầu                                                      | 1.000 m3/tấn | 5.631   | 5.400    | 6.060  | 108%    | 112% |
|    | Tỷ trọng bán lẻ (*)                                                      | %            | 25,8%   | 27%      | 27,1%  |         |      |

#### 2.1.1 Xuất nhập khẩu dầu thô

PVOIL đã xuất bán an toàn, hiệu quả toàn bộ lượng dầu thô của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam và các chủ mỏ khác khai thác trên thềm lục địa Việt Nam với sản lượng đạt 10,9 triệu tấn, hoàn thành 123% kế hoạch năm và tăng 14% so với cùng kỳ.

PVOIL cũng đảm bảo cung cấp đầy đủ và kịp thời toàn bộ dầu thô nguyên liệu cho NMLD Dung Quất với tổng sản lượng 8,3 triệu tấn. Trong đó, cung cấp từ nguồn nội địa 5,6 triệu tấn và từ

nguồn nhập khẩu 2,7 triệu tấn.

### 2.1.2. Sản xuất xăng dầu, dầu mỡ nhờn

PVOIL tiếp tục tổ chức sản xuất, pha chế xăng E5 RON92 và dầu DO từ nguồn condensate do PV GAS cung cấp theo hợp đồng BCC. Sản lượng sản xuất, pha chế trong năm đạt 622 nghìn m<sup>3</sup>, hoàn thành 96% kế hoạch năm, giảm 4% so với cùng kỳ do nhu cầu tiêu thụ xăng E5 có xu hướng sụt giảm.

Bên cạnh đó, PVOIL đã chủ động cải tạo nâng cấp hệ thống pha chế và triển khai kinh doanh thí điểm xăng E10 RON95 từ 01/8/2025 để chuẩn bị cho lộ trình kinh doanh đại trà xăng E10 trên toàn quốc theo yêu cầu của Chính phủ từ 01/7/2026.

### 2.1.3 Kinh doanh xăng dầu

Trong bối cảnh giá dầu biến động không ngừng và nhu cầu tiêu thụ chỉ tương đương với cùng kỳ, nhờ áp dụng đồng bộ các giải pháp kinh doanh, tận dụng tối đa các cơ hội thị trường, làm tốt công tác dự báo thị trường, chủ động, linh hoạt trong công tác kinh doanh, điều độ hàng hóa, tổ chức cân đối nguồn hàng của hệ thống theo phương châm phát huy tốt chuỗi liên kết nguyên liệu – sản xuất – tồn chứa, phân phối trong lĩnh vực dầu thô và sản phẩm dầu với các đơn vị trong ngành (PVGAS, BSR, PVNDB), sản lượng kinh doanh xăng dầu của PVOIL trong năm 2025 tiếp tục duy trì đà tăng trưởng, xác lập kỷ lục mới.

Sản lượng tiêu thụ toàn hệ thống đạt 6,06 triệu m<sup>3</sup>/tấn, hoàn thành 112% kế hoạch năm, tăng trưởng 8% so với cùng kỳ, chiếm khoảng 23% thị phần kinh doanh nội địa.

## 2.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2025

ĐVT: tỷ đồng

| TT        | Chỉ tiêu             | TH 2024 | Năm 2025 |         | So sánh |      |
|-----------|----------------------|---------|----------|---------|---------|------|
|           |                      |         | KH       | TH      | Cùng kỳ | KH   |
| <b>I</b>  | <b>Hợp nhất</b>      |         |          |         |         |      |
| 1         | Tổng doanh thu       | 125.193 | 97.500   | 151.640 | 121%    | 156% |
| 2         | Lợi nhuận trước thuế | 633     | 780      | 654     | 103%    | 84%  |
| 3         | Lợi nhuận sau thuế   | 474     | 624      | 503     | 106%    | 81%  |
| 4         | Nộp NSNN             | 10.310  | 8.140    | 10.045  | 97%     | 123% |
| <b>II</b> | <b>Công ty mẹ</b>    |         |          |         |         |      |
| 1         | Tổng doanh thu       | 85.462  | 70.000   | 86.595  | 101%    | 124% |
| 2         | Lợi nhuận trước thuế | 448     | 630      | 451     | 101%    | 72%  |
| 3         | Lợi nhuận sau thuế   | 376     | 504      | 344     | 91%     | 68%  |

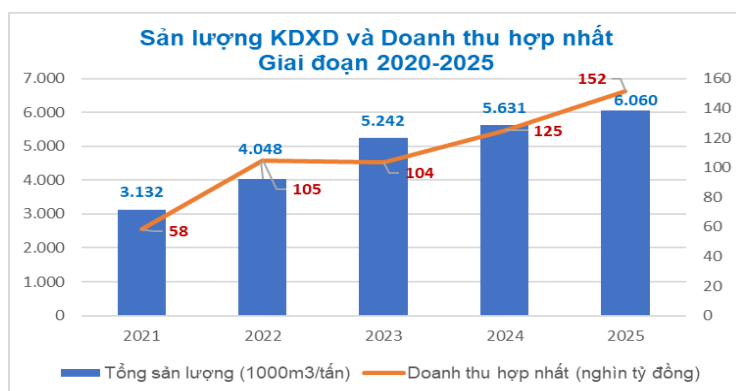
PVOIL tiếp tục lập kỷ lục về doanh thu trong năm 2025. Doanh thu hợp nhất toàn Tổng công ty đạt 151.640 tỷ đồng, hoàn thành 156% kế hoạch và tăng trưởng 21% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu từ mảng kinh doanh dầu quốc tế của PVOIL Singapore đạt 60 nghìn tỷ đồng, đóng góp 39% doanh thu.

Lợi nhuận hợp nhất trước thuế đạt 654 tỷ đồng, bằng 84% kế hoạch giao và tăng 3% so với cùng kỳ; LNTT công ty mẹ đạt 451 tỷ đồng, bằng 72% kế hoạch giao và tăng 1% so với cùng kỳ.

Nộp NSNN hợp nhất cả năm (không bao gồm số liệu nộp ngân sách của các đơn vị tại nước ngoài cho chính phủ nước sở tại) đạt 10.045 tỷ đồng, hoàn thành 123% kế hoạch năm và bằng 97% so với cùng kỳ.

PVOIL đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2025 được ĐHĐCĐ giao, trong đó các chỉ tiêu quan trọng gồm sản lượng kinh doanh xăng dầu, doanh thu vượt ngoài mong đợi và tiếp tục lập kỷ lục mới. Đối với chỉ tiêu lợi nhuận, trong bối cảnh thị trường bất lợi (giá dầu giảm sâu, tỷ giá đồng USD tăng mạnh...) PVOIL vẫn cơ bản hoàn thành mục tiêu kế hoạch đặt ra. Tuy nhiên, phù hợp với nguyên tắc thận trọng trong trình bày báo cáo tài chính trước cổ đông, PVOIL đã thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư tài chính tại CTCP Hóa dầu và NLSH Dầu khí (PVB) số tiền 151 tỷ đồng trong năm 2025 trên báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty mẹ và ghi nhận một khoản lỗ tương ứng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất là 184,8 tỷ đồng. Nếu không tính khoản này, PVOIL hoàn thành 107,5% kế hoạch lợi nhuận hợp nhất và 96% kế hoạch công ty mẹ.

### Kết quả 5 năm giai đoạn 2021-2025



Trong 5 năm 2021-2025, PVOIL có bước tăng trưởng đột phá về quy mô sản lượng KDXD – tăng gấp hơn 2 lần và doanh thu hợp nhất toàn hệ thống – tăng hơn 3 lần. Hiệu quả hoạt động được cải thiện tích cực, lợi nhuận trước thuế hợp nhất bình quân đạt 784 tỷ đồng/năm, ROE bình quân đạt trên 5%/Vốn CSH. Đến cuối năm 2025, PVOIL đã khắc phục hoàn toàn lỗ lũy kế (kể từ khi tiếp nhận Petec) trên báo cáo tài chính hợp nhất.

## 3. Tổ chức và nhân sự

### 3.1. Ban điều hành Tổng công ty

Xin xem mục 6.2 phần I của báo cáo này

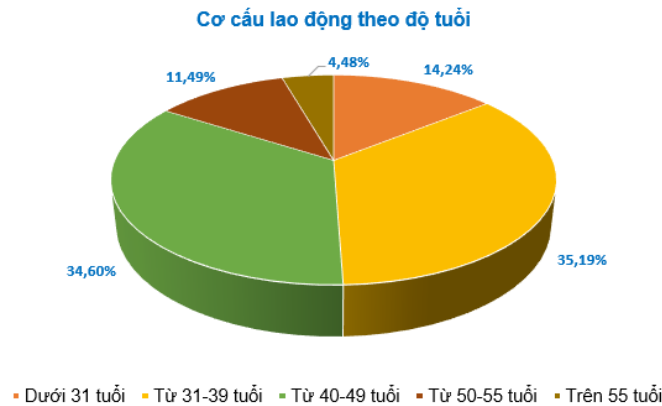
### 3.2. Những thay đổi trong năm của Ban điều hành

Trong năm 2025 nhân sự Ban điều hành PVOIL thay đổi như sau:

| TT | Họ tên            | Vị trí            | Ngày bổ nhiệm, miễn nhiệm |
|----|-------------------|-------------------|---------------------------|
| 1  | Ông Lê Trung Hưng | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm mới 03/4/2025    |

### 3.3. Báo cáo về lao động và chính sách đối với người lao động

#### 3.3.1. Lao động

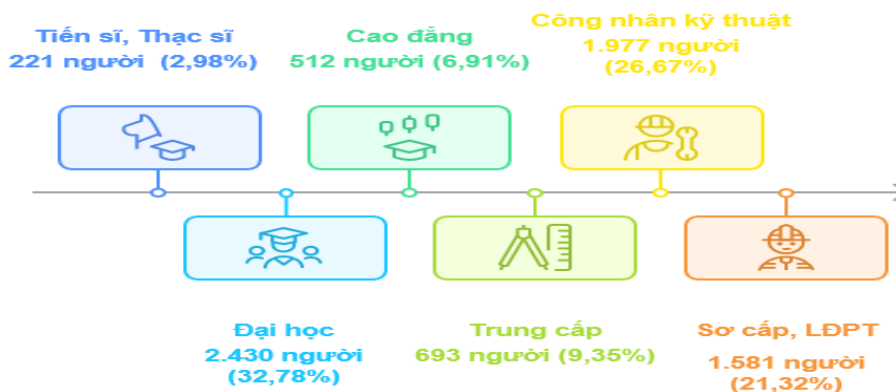


Tổng số CBNV toàn Tổng công ty tính đến ngày 31/12/2025 là **7.414** người.

Cơ cấu nguồn nhân lực của PVOIL với đa phần là lao động trẻ và đặc thù ngành với phần lớn lực lượng lao động làm việc trực tiếp tại các Kho xăng dầu và cửa hàng xăng dầu nên tỷ lệ lao động nữ khá thấp, chỉ chiếm hơn 30% tổng số lao động toàn Tổng công ty.



Cơ cấu lao động phân theo trình độ như sau:



#### 3.3.2. Chính sách đối với Người lao động

##### Chính sách lao động tiền lương

PVOIL luôn chú trọng xây dựng và thực hiện chính sách phúc lợi cho Người lao động nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Người lao động, tạo động lực làm việc, tạo sự đoàn kết, gắn bó trong nội bộ, khuyến khích lao động sáng tạo, cống hiến lâu dài. Các chính sách được xây dựng đảm bảo công khai, minh bạch, linh hoạt, gắn với kết quả sản xuất kinh doanh và định hướng phát triển ổn định, bền vững của Tổng công ty:

- ✓ Đảm bảo đầy đủ việc làm cho Người lao động, bố trí công việc phù hợp với chuyên môn, năng lực của Người lao động.

**Chính sách tiền lương:** Chính sách lương hiện tại đang đảm bảo được trả theo chức danh công việc đảm nhiệm, năng lực và kết quả công việc của mỗi CBNV. Tuy nhiên, với mong muốn tạo ra hệ thống lương, thưởng công bằng - minh bạch - hiệu quả hơn, phù hợp xu thế thị trường lao động, tiền lương thực sự gắn với năng suất và hiệu quả công việc, tạo động lực để người lao động làm việc tốt hơn và đóng góp nhiều hơn cho sự phát triển của

Tổng công ty, PVOIL đang triển khai đề án đổi mới chế độ quản lý lao động và tiền lương để tiếp tục tinh gọn bộ máy và nâng cao chất lượng lao động.

- ✓ Triển khai giao mục tiêu và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ (KPIs) cho CBNV nhằm nâng cao hiệu suất, chất lượng công việc, gắn với việc trả lương bổ sung, trả thưởng với thành tích đóng góp của từng cá nhân. Điều này góp phần tạo động lực cho CBNV luôn phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- ✓ Bên cạnh đó, PVOIL luôn tạo điều kiện tối ưu về chính sách về nhân sự, tiền lương với mong muốn cải thiện thu nhập tốt hơn cho Người lao động, giúp họ yên tâm công tác, đóng góp và cống hiến cho sự phát triển ổn định, bền vững của Tổng công ty, cụ thể:
  - ✓ Chính sách bảo hiểm, chăm sóc sức khỏe: ngoài chế độ BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của Nhà nước, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể CBNV và khám chuyên khoa cho lao động nữ theo quy định, PVOIL còn quan tâm, đầu tư vào bảo hiểm sức khỏe, Bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ nhằm tăng cường bảo vệ CBNV trước các rủi ro không lường trước, đồng thời nâng cao chất lượng chính sách phúc lợi của PVOIL cũng là biện pháp tạo động lực cho CBNV hăng say đóng góp tích cực cống hiến cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.
  - ✓ Các chính sách phúc lợi khác: tổ chức tham quan, nghỉ mát kết hợp teambuilding và các hoạt động phong trào (văn nghệ, thể thao,...) nhằm gắn kết và nâng cao sức khỏe tinh thần cho đội ngũ CBNV; tổ chức thăm hỏi, động viên Người lao động khi ốm đau, bệnh tật hoặc gặp hoàn cảnh khó khăn. Bên cạnh đó, PVOIL còn tổ chức các hoạt động cho con em người lao động nhân dịp Tết thiếu nhi, Tết trung thu, khen thưởng các em học sinh giỏi hoặc tổ chức các hoạt động hè... nhằm động viên tinh thần con em CBNV và giao lưu, chia sẻ gắn kết với nhau.
  - ✓ Hằng năm, PVOIL đều tổ chức đối thoại tại nơi làm việc để lắng nghe, giải đáp ý kiến của Người lao động cũng như là một kênh để công khai, thông báo, phổ biến đến Người lao động về tình hình SXKD, các quy chế, quy định, nội quy của Tổng công ty/Đơn vị, tình hình trích lập các quỹ...



Hình ảnh một số hoạt động phúc lợi tại PVOIL trong năm 2025

## Chính sách đào tạo:

Trong năm 2025 PVOIL đã triển khai nhiều khóa đào tạo chuyên sâu về nội dung và đa dạng về hình thức, cụ thể như sau:

- ✓ Đào tạo theo định hướng của PVN/PVOIL nhằm đồng bộ hóa năng lực theo chuẩn của PVN, gồm: Chương trình khung (Chứng nhận thành viên HĐQT; Phát triển năng lực lãnh đạo; Phát triển năng lực quản lý), Quản trị doanh nghiệp cho Lãnh đạo cấp cao, Trí tuệ cảm xúc cho Lãnh đạo sáng tạo, Phương pháp tư duy để cải thiện hiệu quả, Phân phối xăng dầu, Nâng cao năng lực đội ngũ nhân sự trong công tác kiểm soát nội bộ, tài chính kế toán, Chương trình PV Youth 2025, ...
- ✓ Đào tạo và cập nhật pháp luật và các quy định liên quan đến hoạt động KDXD: Luật đấu thầu, Luật lao động, Luật kế toán/thuế, thuế TNCN, ATVSLĐ & BVMT; PCCC, Ứng cứu sự cố tràn dầu, ...
- ✓ Đào tạo ứng dụng AI trong công việc tập trung vào ứng dụng thực tiễn để tối ưu hiệu suất và hình thành tư duy số.
- ✓ Đào tạo "Nâng cao nghiệp vụ PCCC tại các trạm sạc pin ở cửa hàng xăng dầu", đảm bảo an toàn cho mô hình kinh doanh mới.
- ✓ Đặc biệt, PVOIL tiếp tục triển khai đào tạo nội bộ cho cửa hàng trưởng và nhân viên bán hàng tại CHXD thông qua hình thức E-learning tích hợp AI với trên 120 video, giúp tối ưu chi phí, đảm bảo tính nhất quán và thúc đẩy chuyển đổi số trong toàn hệ thống.
- ✓ Tổ chức trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm thực tế về nghiệp vụ mua bán và kinh doanh dầu thô.
- ✓ Các nội dung đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng làm việc, kỹ năng mềm giúp CBNV nâng cao kiến thức, kỹ năng và tư duy làm việc hiệu quả hơn (Trò chuyện với GenZ; Kỹ thuật phân tích BCTC chuyên sâu; Nghiệp vụ kinh doanh dầu thô; soạn thảo, đàm phán, ký kết, thực hiện và giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại ...).

Hình thức đào tạo đa dạng, gồm: trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức.

- ✓ Kết quả đào tạo năm 2025, PVOIL triển khai đào tạo được 21.365 lượt người với chi phí 14,96 tỷ đồng.



Hình ảnh một số khóa đào tạo của Tổng công ty trong năm 2025

#### 4. Tình hình đầu tư và thực hiện dự án

Trong năm 2025, PVOIL tiếp tục đẩy mạnh công tác phát triển CHXD theo nhiều hình thức (đầu tư xây mới, nhận chuyển nhượng, thuê dài hạn). Toàn hệ thống PVOIL đã phát triển được 117 cửa hàng xăng dầu, hoàn thành 170% kế hoạch năm; nâng tổng số CHXD của PVOIL đến 31/12/2025 là 950 CHXD.

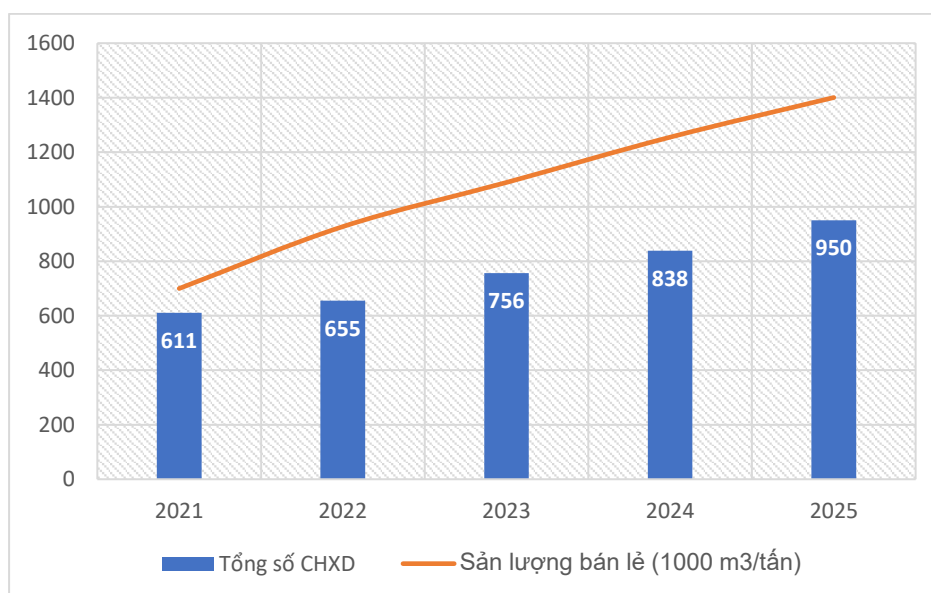
Bên cạnh đó, PVOIL cũng đồng thời triển khai mở rộng, nâng cấp các kho Nghi Sơn, Phú Thọ và đầu tư xây mới kho Ba Ngòi tại Cam Ranh, Khánh Hòa nhằm đáp ứng yêu cầu kinh doanh trong giai đoạn mới.

Tổng giá trị thực hiện đầu tư trong năm 2025 của toàn hệ thống PVOIL đạt 941 tỷ đồng, hoàn thành 86% kế hoạch năm trong đó công ty mẹ là 595 tỷ đồng. Chi tiết như sau:

*ĐVT: tỷ đồng*

| TT | Hạng mục đầu tư                   | KH 2025      | TH 2025    | TH/KH (%)  |
|----|-----------------------------------|--------------|------------|------------|
| 1  | Xây dựng mới và cải tạo kho, cảng | 419          | 241        | 58%        |
| 2  | Xây dựng mới và cải tạo CHXD      | 366          | 538        | 147%       |
| 3  | Mua sắm khác                      | 314          | 162        | 52%        |
|    | <b>TỔNG CỘNG</b>                  | <b>1.099</b> | <b>941</b> | <b>86%</b> |
|    | <i>Trong đó: - Công ty mẹ</i>     | 425          | 595        | 140%       |
|    | <i>- Công ty con</i>              | 674          | 346        | 51%        |
|    | <i>Đầu tư từ nguồn vốn CSH</i>    | 719          | 720        | 100%       |

Trong giai đoạn 2021-2025, nắm bắt cơ hội thị trường, PVOIL đã đẩy mạnh đầu tư phát triển hệ thống CHXD bán lẻ dưới nhiều hình thức, nhằm hiện thực hóa mục tiêu cải thiện cơ cấu bán hàng, đẩy mạnh tiêu thụ vào các kênh trực tiếp mang tính ổn định và bền vững. Số lượng CHXD tính đến cuối năm 2025 gấp 1,5 lần so với thời điểm đầu năm 2021, góp phần quan trọng để gia tăng sản lượng bán lẻ - tăng gấp 2 lần trong 5 năm qua.



Thông qua hệ thống CHXD trực thuộc, PVOIL cũng đẩy mạnh dịch vụ phi xăng dầu như trạm sạc, tủ đổi pin xe điện, cửa hàng tiện lợi .... mang lại hiệu quả tích cực, đóng góp đáng kể vào thu nhập của Tổng công ty.

## 5. Công tác tái cấu trúc và đổi mới doanh nghiệp

Trong năm 2025, PVOIL tiếp tục đẩy mạnh triển khai Kế hoạch tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2020 – 2025 với mục tiêu chính là rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị thành viên kinh doanh xăng dầu (KD XD) để đảm bảo hiệu quả hoạt động, tiết giảm chi phí quản lý vận hành, tránh trùng lặp, cạnh tranh nội bộ trên cùng địa bàn, lĩnh vực kinh doanh. Các công việc đã triển khai và hoàn thành trong năm cụ thể như sau:

- ✓ Hoàn tất sáp nhập PVOIL Tây Ninh vào PVOIL Sài Gòn vào tháng 3/2025.
- ✓ Hoàn tất sáp nhập PVOIL Trà Vinh vào PVOIL Bạc Liêu vào tháng 11/2025.
- ✓ Tiếp tục phối hợp với các cổ đông của BSR-BF, OBF và PVB triển khai phương án xử lý đối với các dự án nhiên liệu sinh học theo chỉ đạo của cấp thẩm quyền và tuân thủ trình tự, quy định của pháp luật; phối hợp với các ngân hàng chủ nợ để xử lý tài sản thế chấp tại BSR-BF và OBF; làm việc với các bên liên quan về phương án phá sản PVB.
- ✓ Công tác quyết toán cổ phần hóa: Tiếp tục làm việc với các cơ quan quản lý Nhà nước để xử lý các vướng mắc liên quan đến (i) quyết toán cổ phần hóa PETEC (ii) Phê duyệt giá đất tại thời điểm xác định GTDN theo khuyến nghị của KTNN (iii) Khấu trừ tiền thuê đất tại thời điểm chuyển sang CTCP.

## 6. Tình hình tài chính

### 6.1. Tình hình tài chính (hợp nhất)

| TT | Chỉ tiêu tài chính               | Năm 2024<br>(tỷ đồng) | Năm 2025<br>(tỷ đồng) | So sánh<br>(%) |
|----|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|----------------|
| 1  | Tổng giá trị tài sản             | 41.735                | 45.610                | 109%           |
| 2  | Tổng doanh thu                   | 125.193               | 151.640               | 121%           |
| -  | <i>Trong đó: Doanh thu thuần</i> | <i>124.460</i>        | <i>150.557</i>        | <i>121%</i>    |
| 3  | Lợi nhuận trước thuế             | 633,1                 | 654                   | 103%           |
| 4  | Lợi nhuận sau thuế               | 474,4                 | 503                   | 106%           |

### Chỉ số EBITDA

| TT | Chỉ tiêu Hợp nhất    | Năm 2024<br>(tỷ đồng) | Năm 2025<br>(tỷ đồng) | So sánh<br>(%) |
|----|----------------------|-----------------------|-----------------------|----------------|
| 1  | Lợi nhuận trước thuế | 633                   | 654                   | 103%           |
| 2  | Chi phí khấu hao     | 307                   | 331                   | 108%           |
| 3  | Chi phí lãi vay      | 188                   | 339                   | 180%           |
|    | <b>EBITDA</b>        | 1.128                 | 1,324                 | 117%           |

### 6.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (hợp nhất)

| TT | Chỉ tiêu                               | ĐVT | Năm 2024 | Năm 2025 |
|----|----------------------------------------|-----|----------|----------|
| 1  | <b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b> |     |          |          |
|    | Hệ số thanh toán ngắn hạn              | Lần | 1,19     | 1,16     |
|    | Hệ số thanh toán nhanh                 | Lần | 1,07     | 1,07     |
| 2  | <b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>          |     |          |          |
|    | Hệ số nợ phải trả/Tổng tài sản         | Lần | 0,73     | 0,75     |

| TT       | Chỉ tiêu                                                | ĐVT  | Năm 2024 | Năm 2025 |
|----------|---------------------------------------------------------|------|----------|----------|
|          | Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu                        | Lần  | 2,65     | 2,95     |
| <b>3</b> | <b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>                   |      |          |          |
|          | Vòng quay hàng tồn kho                                  | Vòng | 23,45    | 28,60    |
|          | Doanh thu thuần/Tổng tài sản                            | Lần  | 2,98     | 3,30     |
| <b>4</b> | <b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>                    |      |          |          |
|          | Hệ số LNST/Doanh thu thuần                              | %    | 0,4%     | 0,3%     |
|          | Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE)                         | %    | 4,2%     | 4,4%     |
|          | Hệ số LNST/Tổng tài sản BQ (ROA)                        | %    | 1,2%     | 1,2%     |
|          | Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | %    | 0,5%     | 0,4%     |

## 7. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ phiếu PVOIL được đăng ký giao dịch tại Sàn Upcom – Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 07/3/2018 với thông tin chi tiết như sau:

- 🔥 Mã chứng khoán: OIL
- 🔥 Mệnh giá: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng)
- 🔥 Loại chứng khoán: cổ phiếu phổ thông
- 🔥 Hạn mức sở hữu cổ phần (room) tối đa cho khối ngoại: 6,621%
- 🔥 Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 1.034.229.500 cổ phiếu
- 🔥 Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 201.425.936 cổ phiếu

### 7.1. Cơ cấu cổ đông của Tổng công ty

| STT        | Cổ đông                   | Số lượng      | Số CP sở hữu         | Giá trị (theo mệnh giá) (đồng) | Tỷ lệ %/VDL |
|------------|---------------------------|---------------|----------------------|--------------------------------|-------------|
| <b>I</b>   | <b>Cổ đông trong nước</b> |               |                      |                                |             |
|            | Tổ chức                   | 19            | 884.820.062          | 8.848.200.620.000              | 85,55%      |
|            | Cá nhân                   | 47.747        | 146.751.903          | 1.467.519.030.000              | 14,19%      |
| <b>II</b>  | <b>Cổ đông nước ngoài</b> |               |                      |                                |             |
|            | Tổ chức                   | 7             | 2.304.077            | 23.040.770.000                 | 0,22%       |
|            | Cá nhân                   | 52            | 353.458              | 3.534.580.000                  | 0,04%       |
| <b>III</b> | <b>Cổ phiếu quỹ</b>       | 0             | 0                    | 0                              | 0%          |
|            | <b>Tổng cộng</b>          | <b>47.825</b> | <b>1.034.229.500</b> | <b>10.342.295.000.000</b>      | <b>100%</b> |

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 27/3/2026

**7.2. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** không có

**7.3. Giao dịch cổ phiếu quỹ:** không có

**7.4. Các chứng khoán khác:** không có

## PHẦN IV

### BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD của Tổng công ty

Trong bối cảnh thị trường đầy biến động thách thức, trong năm kế hoạch 2025, PVOIL đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ, kế hoạch được ĐHCĐ giao trong mọi lĩnh vực, cụ thể:

- ✓ **Ủy thác XNK dầu thô:** Xuất bán an toàn và hiệu quả toàn bộ lượng dầu thô và condensate được giao; cung cấp đầy đủ, kịp thời dầu thô cho vận hành NMLD Dung Quất.
- ✓ **Kinh doanh phân phối xăng dầu:** Tiếp tục giữ đà tăng trưởng về sản lượng, lập kỷ lục mới về doanh thu, đồng thời với việc đảm bảo hiệu quả kinh doanh trong bối cảnh thị trường diễn biến bất lợi.
- ✓ **Thực hiện tốt và có hiệu quả các chuỗi liên kết nguyên liệu – sản xuất – tồn chứa – phân phối** trong lĩnh vực dầu thô và sản phẩm dầu với các đơn vị trong ngành. Phối hợp chặt chẽ và hiệu quả với các nhà máy lọc dầu trong nước trong công tác đảm bảo nguồn và cung ứng xăng dầu.
- ✓ **Công tác đầu tư phát triển CHXD:** Nắm bắt thời cơ, đẩy mạnh hoạt động phát triển CHXD dưới nhiều hình thức, phát triển mới 117 cửa hàng, gấp 1,7 lần kế hoạch giao.
- ✓ **Đẩy mạnh triển khai dịch vụ phi xăng dầu tại CHXD** và mang lại hiệu quả tích cực, đóng góp đáng kể vào thu nhập của Tổng công ty.
- ✓ **Công tác nâng cao chất lượng dịch vụ, năng lực quản trị, quảng bá thương hiệu,** ứng dụng CNTT và chuyển đổi số được chú trọng triển khai và đạt hiệu quả, giúp nâng cao vị thế và giá trị thương hiệu PVOIL, tạo nền tảng vững chắc cho các mục tiêu phát triển dài hạn.

#### 2. Những tiến bộ đạt được trong năm

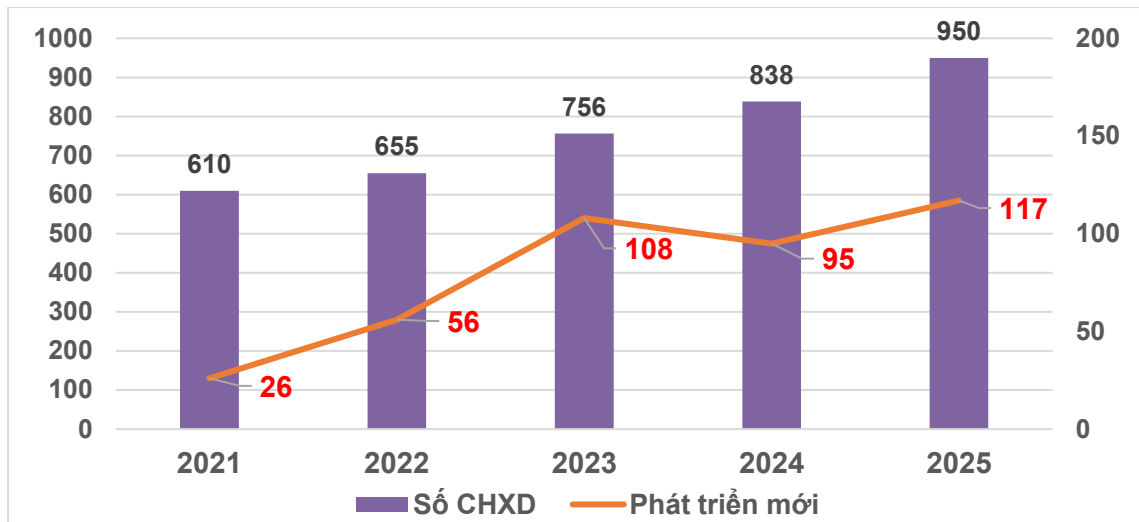
Để tồn tại và vươn lên phát triển bền vững trong một thị trường cạnh tranh khốc liệt và đầy bất ổn trong bối cảnh nội tại doanh nghiệp còn nhiều khó khăn đòi hỏi Ban lãnh đạo PVOIL phải thực sự linh hoạt trong công tác quản lý điều hành để có các đối sách phù hợp, đồng thời phải không ngừng tìm tòi đổi mới sáng tạo. Dấu ấn của PVOIL trong những năm qua tiếp tục được phát huy hiệu quả trong năm 2025. Đó là những thành tựu trong việc đa dạng hóa, hiện đại hóa hoạt động kinh doanh và liên tục cải thiện vị thế, uy tín thương hiệu trên thị trường.

##### 2.1. Phát triển hệ thống CHXD

Trong chiến lược phát triển của mình, PVOIL luôn kiên định với định hướng phát triển mở rộng hệ thống CHXD bán lẻ, đẩy mạnh sản lượng bán hàng vào các kênh tiêu thụ trực tiếp (bán lẻ, bán khách hàng công nghiệp) nhằm mục tiêu nâng cao hiệu quả hoạt động và tính ổn định, bền vững của hệ thống phân phối.

Trong năm 2025, PVOIL tiếp tục đẩy mạnh công tác phát triển CHXD dưới nhiều hình thức. Toàn hệ thống PVOIL đã phát triển được 117 cửa hàng xăng dầu, gấp 1,7 lần kế hoạch năm; nâng tổng số CHXD của PVOIL đến thời điểm cuối năm 2025 là 950 CHXD, vượt mục tiêu kế hoạch đề ra cho giai đoạn 5 năm 2021-2025 là 790 cửa hàng.

Kết quả phát triển hệ thống bán lẻ của PVOIL trong giai đoạn 2021-2025 thể hiện trong biểu đồ sau:



## 2.2. Phát triển sản phẩm mới

### ✓ Phát triển dịch vụ phi xăng dầu tại cửa hàng xăng dầu

Để thích ứng với xu hướng chuyển dịch năng lượng đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu và tại Việt Nam, PVOIL đã và đang đẩy mạnh hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, tận dụng tối đa những lợi thế sẵn có về hệ thống phân phối nhằm tối ưu hiệu quả hoạt động.

Trong năm 2025, Tổng công ty tiếp tục đẩy mạnh hợp tác với Vinfest/V-Green lắp đặt trạm sạc ô tô điện và cửa hàng đổi pin tại các cửa hàng xăng dầu. Đến cuối năm 2025, đối tác đã triển khai thi công lắp đặt gần 500 trạm sạc và hơn 400 tủ đổi pin xe máy điện tại CHXD của PVOIL. Đồng thời, đã triển khai thí điểm lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái kết hợp lưu trữ cấp nguồn cho trạm sạc.

Bên cạnh đó, PVOIL cũng hợp tác với Highland Coffee triển khai thí điểm mô hình kiosk café bên trong CHXD của PVOIL; triển khai lắp đặt máy bán nước tự động, cửa hàng tiện lợi mang thương hiệu PV Mart, trạm dịch vụ rửa xe tại một số CHXD trong hệ thống.

Ngoài ra, PVOIL cũng đã triển khai thu gom và xuất khẩu dầu ăn đã qua sử dụng (UCO) để sản xuất sản phẩm nhiên liệu hàng không bền vững (SAF), năm 2025 đã xuất khẩu 100 tấn và đang triển khai mở rộng mạng lưới thu gom tại các CHXD trong hệ thống.



**Một số dịch vụ phi xăng dầu tại CHXD của PVOIL**

## ✓ Triển khai kinh doanh nhiên liệu bay Jet A1

Triển khai kinh doanh nhiên liệu bay Jet A1 là mục tiêu đề ra cho PVOIL trong kế hoạch 5 năm 2026-2030 nhằm bổ sung động lực mới trong quá trình phát triển, khai thác tối đa cơ sở vật chất sẵn có của Tổng công ty và lợi thế khâu hạ nguồn của ngành Dầu khí để gia tăng hiệu quả hoạt động.

PVOIL đã được Bộ Công thương cấp giấy phép thương nhân đầu mối nhiên liệu bay vào ngày 10/01/2025, thành lập Công ty CP Năng lượng Hàng không PVOIL (PVOIL Aviation) trong tháng 12/2025 và đang tích cực chuẩn bị để triển khai kinh doanh, dự kiến từ quý 4/2026.

## ✓ Đầu tư trạm dừng nghỉ cho xe tải đường dài

Mô hình trạm dừng nghỉ dành cho xe tải đường dài kết hợp cây xăng đã được triển khai thành công ở rất nhiều quốc gia trong khu vực. Vào tháng 12/2023, PVOIL đã triển khai đầu tư thí điểm 1 trạm tại Thanh Hóa và thu kết quả khả quan ngay trong năm đầu đưa vào khai thác. Từ những thành công bước đầu và kinh nghiệm chia sẻ từ các đối tác, PVOIL tiếp tục đầu tư mở rộng mô hình này tại các CHXD hiện hữu của Tổng công ty trên phạm vi toàn quốc. Trong năm 2025 PVOIL đã hoàn thành và đưa vào khai thác 02 trạm: Bình Nguyên (Đà Nẵng) và Thạch Thanh (Hà Tĩnh) và đang triển khai thi công 02 trạm Bảo Long (Gia Lai) và Trạm Trọng Hóa (Quảng Trị).



**Trạm dừng nghỉ xe tải đường dài tiện nghi của PVOIL**

## 2.3. Ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số và nghiên cứu phát triển

PVOIL tiếp tục đẩy mạnh triển khai chuyển đổi số, ứng dụng CNTT, tự động hóa vào tất cả các lĩnh vực SXKD, qua đó giúp gia tăng hiệu quả vận hành, nâng cao chất lượng quản trị, tạo được sự thuận tiện cho khách hàng và nâng cao lợi thế cạnh tranh của PVOIL. Kết quả cụ thể như sau:

### ❖ Dự án ERP giai đoạn 2023-2025, trong đó:

- ✓ Hoàn thành nâng cấp PVOIL B2B và PVOIL Easy và Hệ thống phần mềm quản lý thông tin và hợp đồng mua bán dầu thô (PVOIL CIMS); Hoàn thành ứng dụng bán hàng cho khách hàng cá nhân PVOIL 4U, vận hành từ tháng 9/2025;
- ✓ Triển khai xây dựng và đưa vào vận hành kho dữ liệu tập trung (DW) và báo cáo phân

tích thông minh từ đầu tháng 7/2025; các phân hệ mua hàng, bán hàng và kho, dự kiến hoàn thành quý II/2026; Hệ thống Quản lý nguồn nhân lực (HRM), dự kiến hoàn thành trong tháng 3/2026;

❖ **Dự án hiện đại hóa CHXD PVOIL:** Hoàn thành lắp đặt thiết bị ghi nhận dữ liệu tự động tại các CHXD và kết nối vào phần mềm quản lý tập trung. Toàn bộ hệ thống đã vận hành chính thức từ tháng 12/2025.

❖ **Xây dựng Chiến lược chuyển đổi số giai đoạn 2025-2030:** Báo cáo Chiến lược và Lộ trình triển khai tổng thể đã hoàn thành trong tháng 4/2025. PVOIL đang xây dựng phương án chi tiết để triển khai các “sáng kiến số” theo lộ trình.

## 2.4. Phát triển thương hiệu PVOIL

Trong năm 2025, Tổng công ty đã xây dựng và triển khai đồng bộ kế hoạch truyền thông và phát triển thương hiệu. Các hoạt động được thực hiện đúng định hướng, góp phần tích cực nâng cao hình ảnh, uy tín và thương hiệu PVOIL.

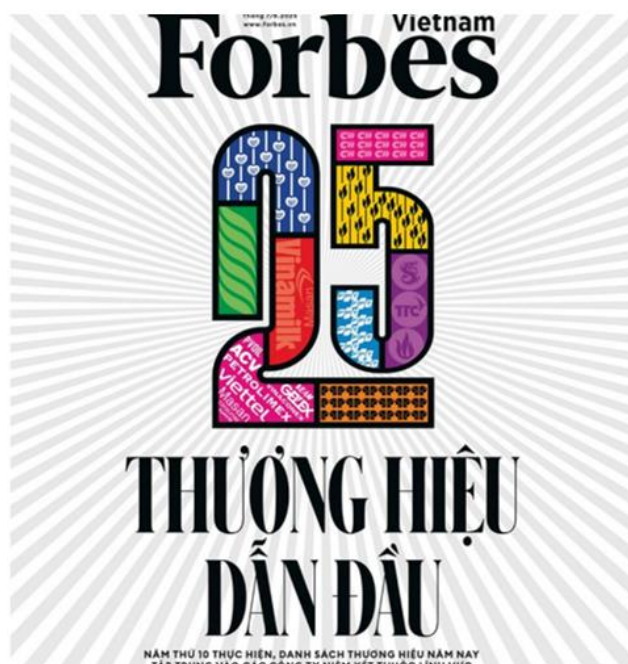
PVOIL tiếp tục đẩy mạnh quảng bá thương hiệu tại các địa điểm, phương tiện kinh doanh của Tổng công ty gồm 950 cửa hàng xăng dầu, 30 kho xăng dầu và 200 xe bồn và sà lan vận tải xăng dầu trên toàn quốc. PVOIL cũng tiếp tục tham gia tài trợ chính cho giải đua xe địa hình VOC PVOIL Cup 2025, tài trợ giải đua ô tô Gymkhana PVOIL Cup 2025 và duy trì các chương trình xã hội từ thiện truyền thống. Đồng thời, duy trì hiện diện trên nhiều kênh truyền thông, tài trợ các sự kiện kinh tế, văn hóa, thể thao, cộng đồng nhằm gia tăng nhận diện thương hiệu.



### Giải đua xe địa hình VOC PVOIL Cup 2025 và giải đua ô tô Gymkhana PVOIL Cup 2025

Tại hệ thống kho xăng dầu và cửa hàng xăng dầu, bên cạnh việc đầu tư chỉnh trang hình ảnh nhận diện đồng bộ và bảo đảm chất lượng hàng hóa, trong nhiều năm qua PVOIL đã liên tục cải thiện chất lượng dịch vụ xăng dầu và phát triển các dịch vụ phi xăng dầu. Đây là một trong những yếu tố quan trọng góp phần xây dựng và khẳng định uy tín thương hiệu PVOIL trên thị trường.

Ghi nhận những nỗ lực bền bỉ trong quá trình xây dựng và phát triển thương hiệu, năm 2025, PVOIL được Tạp chí Forbes Việt Nam xếp hạng 10/25 trong danh sách thương hiệu niêm yết dẫn đầu ngành công nghiệp sản xuất và dịch vụ. Theo đánh giá của Forbes, giá trị thương hiệu PVOIL đạt 132,3 triệu USD, tăng 26% so với năm 2024.



**Thương hiệu PVOIL được khẳng định và đánh giá cao về giá trị**

### 3. Tình hình tài chính

#### 3.1. Tình hình tài sản và nguồn vốn

##### Tình hình tài sản

| Cơ cấu tài sản                     | Năm 2024                  |             | Năm 2025                  |             |
|------------------------------------|---------------------------|-------------|---------------------------|-------------|
|                                    | Giá trị (đồng)            | Tỷ trọng    | Giá trị (đồng)            | Tỷ trọng    |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 4.123.668.695.965         | 10%         | 5.500.117.140.764         | 12%         |
| Hàng tồn kho                       | 3.540.185.208.884         | 8%          | 2.777.843.137.147         | 6%          |
| Tài sản cố định                    | 3.529.417.403.320         | 8%          | 3.701.417.142.785         | 8%          |
| Đầu tư tài chính dài hạn           | 707.543.604.915           | 2%          | 510.439.468.839           | 1%          |
| Tài sản khác                       | 29.833.654.595.820        | 71%         | 33.120.412.971.880        | 73%         |
| <b>Cộng tài sản</b>                | <b>41.734.469.508.904</b> | <b>100%</b> | <b>45.610.229.861.415</b> | <b>100%</b> |

##### Tổng tài sản

Tổng tài sản hợp nhất của PVOIL tại thời điểm 31/12/2025 là 45.610 tỷ đồng, tăng 3.876 tỷ đồng (9%) so với đầu năm 2025, bao gồm: tài sản ngắn hạn 38.938 tỷ đồng, tài sản dài hạn 6.672 tỷ đồng. Trong đó:

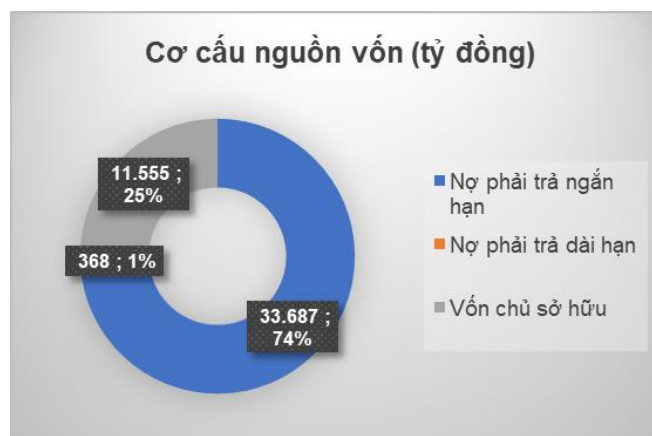
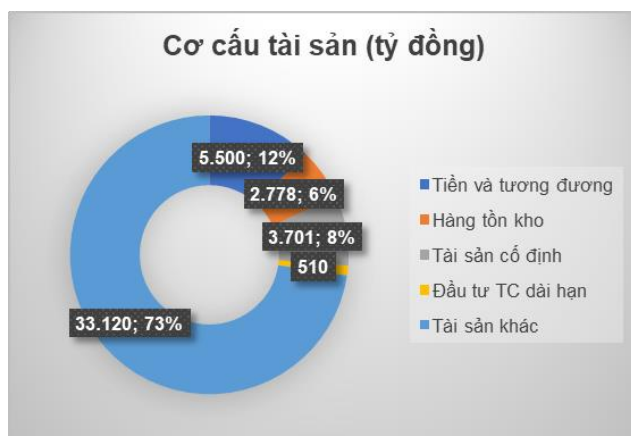
- ✓ Tài sản ngắn hạn tăng 3.395 tỷ đồng, tập trung tại khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 2.615 tỷ đồng, chỉ tiêu tiền và các khoản tương đương tiền tăng 1.376 tỷ đồng, hàng tồn kho giảm 762 tỷ đồng, các tài sản khác tăng 166 tỷ đồng.
- ✓ Tài sản dài hạn tăng 481 tỷ đồng, tập trung ở chỉ tiêu tài sản cố định hữu hình, tài sản dài hạn khác, tài sản dở dang dài hạn do đầu tư trong kỳ.

##### Nguồn vốn

Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2025 là 10.364 tỷ đồng (không bao gồm Lợi ích cổ đông không kiểm soát), tăng 58 tỷ đồng so với thời điểm 01/01/2025 do PVOIL đạt sản lượng, lợi

nhuận tăng trưởng trong năm giúp tăng vốn chủ sở hữu.

| Cơ cấu nguồn vốn      | Năm 2024                  |             | Năm 2025                  |             |
|-----------------------|---------------------------|-------------|---------------------------|-------------|
|                       | Giá trị (đồng)            | Tỷ trọng    | Giá trị (đồng)            | Tỷ trọng    |
| Nợ phải trả ngắn hạn  | 29.952.500.030.911        | 72%         | 33.687.203.067.665        | 74%         |
| Nợ phải trả dài hạn   | 333.581.690.362           | 1%          | 367.911.966.181           | 1%          |
| Vốn chủ sở hữu        | 11.448.387.787.631        | 27%         | 11.555.114.827.569        | 25%         |
| <b>Cộng nguồn vốn</b> | <b>41.734.469.508.904</b> | <b>100%</b> | <b>45.610.229.861.415</b> | <b>100%</b> |



### 3.2. Tình hình Nợ phải trả

Tổng nợ phải trả hợp nhất thời điểm 31/12/2025 là 34.055 tỷ đồng, tăng 3.769 tỷ đồng (12%) so với thời điểm đầu năm, chủ yếu ở chỉ tiêu nợ ngắn hạn. Cụ thể:

- Phải trả người bán ngắn hạn là 16.688 tỷ đồng, chủ yếu là công nợ nhà cung cấp xăng dầu và condensate.
- Phải trả ngắn hạn khác 4.493 tỷ đồng, chủ yếu là các khoản thu hộ, trả hộ tiền dầu thô xuất nhập khẩu ủy thác, thuế xuất khẩu dầu thô thu hộ, trả hộ.
- Vay và nợ ngắn hạn 10.735 tỷ đồng; Quỹ Bình ổn giá xăng dầu âm 138 tỷ đồng được trích lập, sử dụng theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 103/2021/TT-BTC ngày 18/11/2021 về việc hướng dẫn phương thức trích lập, chi sử dụng, quản lý Quỹ bình ổn giá xăng dầu và các văn bản liên quan.
- Các khoản phải trả khác bao gồm tiền thuế, lương, vay dài hạn và các khoản phải trả khác chưa đến hạn... tổng số 2.169 tỷ đồng

## 4. Kế hoạch SXKD năm 2026

### 4.1. Dự báo tình hình

Bước qua năm 2026, kinh tế thế giới được dự báo tăng trưởng chậm lại (khoảng 2,9% - 3,3%), bước vào giai đoạn "chông chênh" do tác động trễ của chính sách bảo hộ thương mại, nợ công cao và căng thẳng địa chính trị.

Bất ổn địa chính trị và xung đột quân sự trên thế giới tiếp tục gây ảnh hưởng trực tiếp đến thị trường dầu thô và xăng dầu toàn cầu. Cuộc xung đột Mỹ/Israel – Iran nổ ra vào ngày 28/2/2026 và liên tục leo thang gây khủng hoảng đặc biệt nghiêm trọng đến nguồn cung năng lượng thế giới, giá dầu thế giới tăng mạnh đột biến do tuyến huyết mạch vận chuyển dầu khí toàn cầu

qua eo biển Hormuz (chiếm khoảng 20% nguồn cung dầu thế giới) bị gián đoạn và các quốc gia Vùng Vịnh cắt giảm ít nhất 10 triệu thùng dầu mỗi ngày (tương đương gần 10% nhu cầu dầu toàn cầu). Giá dầu Brent có thời điểm tăng vọt lên mức 120 USD/thùng (ngày 09/03/2026), hiện dao động ở mức trên 100 USD/thùng, tăng do cuộc xung đột vẫn chưa có dấu hiệu hạ nhiệt, bất chấp việc IEA dự kiến giải phóng mức kỷ lục 400 triệu thùng từ kho dự trữ và OPEC+ đồng ý tăng sản lượng thêm 206.000 thùng/ngày từ tháng 4 để bù đắp sự thiếu hụt nguồn cung. Lo ngại xung đột kéo dài, nhiều quốc gia châu Á như Thái Lan, Nhật Bản, Hàn Quốc ... đã quyết định tạm dừng hoặc hạn chế xuất khẩu dầu thô và sản phẩm dầu mỏ khiến nguồn cung xăng dầu càng trở nên khó khăn, giá xăng dầu biến động mạnh theo giá dầu thô cùng với phụ phí tăng gấp nhiều lần, đang gây áp lực vô cùng lớn lên thị trường và hoạt động kinh doanh xăng dầu thế giới và trong nước.

Bên cạnh đó, cạnh tranh thương mại và xu hướng bảo hộ, áp dụng các hàng rào kỹ thuật có thể làm giảm tốc thương mại toàn cầu; biến đổi khí hậu và thời tiết cực đoan ngày càng rõ nét sẽ tiếp tục gây rủi ro đối với sản xuất nông nghiệp, an ninh năng lượng, logistics và ổn định giá cả.

Trong bối cảnh thế giới vô cùng bất ổn, Chính phủ tiếp tục kiên định với mục tiêu tăng trưởng GDP 2 con số dựa trên nền tảng tăng trưởng dựa trên chuyển đổi số, kinh tế xanh, FDI, và cải cách thể chế.

Trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, Nghị định sửa đổi về quản lý hoạt động KDXD (sắp ban hành) kỳ vọng sẽ góp phần lành mạnh thị trường với việc thu gọn đầu mối, giảm thành phần trung gian. Khi xảy ra xung đột Mỹ/Israel – Iran, giá bán lẻ xăng dầu, quỹ bình ổn và chính sách thuế được điều chỉnh linh hoạt nhằm mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô đồng thời với việc đảm bảo duy trì nguồn cung xăng dầu trong nước.

Theo kế hoạch đầu năm, 02 nhà máy lọc dầu Bình Sơn và Nghi Sơn hoạt động 100% công suất trong năm 2026, đáp ứng khoảng 70% nhu cầu tiêu thụ nội địa, trong đó NMLD Nghi Sơn cung ứng khoảng 40% sản lượng cho thị trường. Tuy nhiên, từ đầu tháng 3/2026, xung đột tại Iran đã làm gián đoạn hoàn toàn nguồn cung nguyên liệu cho Nhà máy Lọc dầu Nghi Sơn, dẫn đến nguy cơ nhà máy phải giảm công suất, thậm chí dừng hoạt động nếu xung đột kéo dài. Diễn biến này đang gây áp lực rất lớn đối với công tác bảo đảm nguồn hàng của các đầu mối kinh doanh xăng dầu, trong đó có PVOIL.

Kỳ vọng tăng trưởng kinh tế kéo theo nhu cầu vận tải, logistics, tiêu dùng tăng cao sẽ là cơ hội tốt để PVOIL tiếp tục gia tăng sản lượng, chiếm lĩnh thị phần. Tuy nhiên, PVOIL cũng đang đồng thời phải đối mặt với nhiều thách thức: biến động khó lường của nguồn cung, giá dầu, tỷ giá và sự gia tăng mạnh mẽ của xe điện, ...

## 4.2. Nhiệm vụ trọng tâm

-  **Lĩnh vực Dầu thô:** đảm bảo xuất khẩu/bán toàn bộ khối lượng dầu thô/condensate khai thác được trong và ngoài nước an toàn, hiệu quả; cung cấp đầy đủ dầu thô từ nguồn trong nước và nguồn nhập khẩu cho NMLD Dung Quất và cho giai đoạn sau khi hoàn tất nâng cấp và mở rộng. Có giải pháp phù hợp để gia tăng sản lượng kinh doanh dầu quốc tế của PVOIL Singapore đảm bảo hiệu quả góp phần tăng doanh thu toàn Tổng công ty.
-  **Sản xuất xăng dầu:** Sản xuất/pha chế xăng sinh học (E5,E10), dầu mỡ nhờn thương hiệu PVOIL với mục tiêu gia tăng sản lượng đi đôi với đảm bảo chất lượng và hiệu quả pha chế, đảm bảo đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của hệ thống và cung ứng cho các doanh nghiệp đầu mối khác.
-  **Kinh doanh xăng dầu và nhiên liệu bay Jet A1:** Tổ chức kinh doanh xăng dầu tuân thủ các quy định của Nhà nước, chính sách của Tổng công ty; phấn đấu gia tăng sản lượng kinh doanh trên cả 3 kênh phân phối để mở rộng thị phần, song song với đảm

bảo hiệu quả kinh doanh. Chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất và các điều kiện pháp lý để triển khai kinh doanh Jet A1.

-  **Phát triển sản phẩm mới và dịch vụ phi xăng dầu:** chú trọng công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới và tăng cường hợp tác triển khai các dịch vụ phi xăng dầu nhằm thích ứng với xu thế chuyển dịch năng lượng và gia tăng hiệu quả hoạt động; Tiếp tục phát triển trạm sạc, tủ đổi pin xe máy điện gắn với CHXD.
-  **Công tác đầu tư phát triển:** Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư phát triển CHXD dưới nhiều hình thức; Tìm kiếm cơ hội đầu tư trạm dịch vụ xe tải đường dài, xây dựng trạm dịch vụ xe tải đường dài trở thành biểu tượng của thương hiệu PVOIL; Đẩy mạnh đầu tư cơ sở vật chất phục vụ kinh doanh nhiên liệu bay.
-  **Công tác quản trị hệ thống và chuyển đổi số:** Tăng cường hiệu quả công tác quản lý dòng tiền và công nợ, tiết giảm chi phí; tiếp tục nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại các CHXD và kho xăng dầu; đẩy mạnh triển khai chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản lý điều hành.

### 4.3. Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu

#### Các chỉ tiêu sản lượng và tài chính

| TT          | Chỉ tiêu                                                  | Đơn vị tính  | KH 2026 | So với TH 2025 |
|-------------|-----------------------------------------------------------|--------------|---------|----------------|
| <b>I</b>    | <b>Các chỉ tiêu sản lượng</b>                             |              |         |                |
| 1           | Sản lượng XK/bán dầu thô và NK dầu thô cho NMLD Dung Quất | 1.000 tấn    | 9.609   | 89%            |
| 2           | SX xăng dầu, dầu mỡ nhờn                                  | 1.000 m3/tấn | 2.004   | 322%           |
| 3           | Sản lượng kinh doanh xăng dầu                             | 1.000 m3/tấn | 5.910   | 98%            |
|             | Tỷ trọng bán lẻ                                           | %            | 27,7%   | 102%           |
| <b>II</b>   | <b>Các chỉ tiêu tài chính</b>                             |              |         |                |
| <b>II.1</b> | <b>Hợp nhất</b>                                           |              |         |                |
| 1           | Doanh thu                                                 | Tỷ đồng      | 150.700 | 99%            |
| 2           | Lợi nhuận trước thuế                                      | Tỷ đồng      | 820     | 125%           |
| 3           | Lợi nhuận sau thuế                                        |              | 656     | 130%           |
| 4           | Nộp NSNN                                                  | Tỷ đồng      | 8.470   | 84%            |
| <b>II.2</b> | <b>Công ty mẹ</b>                                         |              |         |                |
| 1           | Doanh thu                                                 | Tỷ đồng      | 77.500  | 89%            |
| 2           | Lợi nhuận trước thuế                                      | Tỷ đồng      | 660     | 146%           |
| 3           | Lợi nhuận sau thuế                                        | Tỷ đồng      | 528     | 153%           |

#### Kế hoạch đầu tư XDCB

PVOIL tiếp tục tập trung đầu tư phát triển hệ thống CHXD bán lẻ dưới nhiều hình thức và nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất phục vụ kinh doanh xăng dầu trong năm 2026 với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

| TT       | Hạng mục đầu tư                   | Số lượng | Giá trị (tỷ đồng) | So với TH 2025 |
|----------|-----------------------------------|----------|-------------------|----------------|
| <b>1</b> | Xây dựng mới và cải tạo kho, cảng |          | 389               | 161%           |

| TT | Hạng mục đầu tư                  | Số lượng | Giá trị<br>(tỷ đồng) | So với TH<br>2025 |
|----|----------------------------------|----------|----------------------|-------------------|
| 2  | Xây dựng mới và cải tạo CHXD (*) | 113 CHXD | 490                  | 91%               |
| 3  | Đầu tư, mua sắm khác             |          | 222                  | 137%              |
|    | <b>TỔNG CỘNG</b>                 |          | <b>1,101</b>         | <b>117%</b>       |
|    | Trong đó: - Công ty mẹ           |          | 489                  | 82%               |
|    | - Công ty con                    |          | 612                  | 177%              |
|    | <b>Đầu tư từ nguồn vốn CSH</b>   |          | <b>782</b>           | <b>109%</b>       |

(\*) CHXD được phát triển mới theo các hình thức: xây mới, nhận chuyển nhượng, thuê dài hạn, hợp tác kinh doanh. Giá trị đầu tư kế hoạch được ghi nhận đối với các cửa hàng đầu tư theo hình thức xây mới và nhận chuyển nhượng. Đối với CHXD thuê dài hạn và hợp tác kinh doanh, chi phí liên quan được tính vào chi phí SXKD.

## 5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính công ty mẹ và hợp nhất năm 2025 của PVOIL do công ty TNHH Kiểm toán Delloitte Việt Nam thực hiện kiểm toán. Theo đó, cả hai báo cáo có 01 điểm loại trừ của đơn vị kiểm toán liên quan đến khoản đầu tư của PVOIL tại Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí (PVB) như sau:

### Ý kiến của kiểm toán trên BCTC hợp nhất:

Như trình bày tại Thuyết minh số 19 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị khoản đầu tư của Tổng Công ty vào Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí ("PVB"), công ty liên kết của Tổng Công ty, được phản ánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 86.769.670.407 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 271.593.756.068 đồng). Chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào PVB theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, dẫn đến việc chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về vấn đề này trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong năm 2025, Tổng Công ty đã ghi nhận bổ sung phần lỗ trong công ty liên kết, liên doanh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất với số tiền là 184,8 tỷ đồng (năm 2024: 0 đồng) dựa theo các đánh giá của Ban Tổng Giám đốc và số liệu thông tin tài chính tóm tắt chưa được kiểm toán của PVB cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được lập trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục trong khi tại ngày báo cáo hợp nhất này, dự án Nhà máy nhiên liệu sinh học Phú Thọ do PVB làm chủ đầu tư đã dừng triển khai và Tổng Công ty đang làm việc với các cổ đông của PVB và các bên liên quan về việc triển khai phương án phá sản cho PVB theo quy định của pháp luật. Dựa trên các thông tin hiện tại, chúng tôi cũng không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào PVB được phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như phần lỗ trong công ty liên kết, liên doanh có liên quan đến khoản đầu tư này cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

### Ý kiến của kiểm toán trên BCTC của công ty mẹ:

Như trình bày tại Thuyết minh số 18 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty đang phản ánh trên khoản mục "Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết" khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí ("PVB") tại ngày 31 tháng 12 năm

2025 với giá trị là 285.506.255.661 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 285.506.255.661 đồng), đồng thời ghi nhận khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn tương ứng là 190.299.147.235 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 38.475.189.606 đồng). Chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về việc trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cho khoản đầu tư vào PVB tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, dẫn đến việc chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về vấn đề này trên Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong năm 2025, Tổng Công ty đã trích lập bổ sung dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cho khoản đầu tư vào PVB và được phản ánh trên khoản mục chi phí tài chính của báo cáo kết quả kinh doanh riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 với số tiền 151,8 tỷ đồng (năm 2024: 0 tỷ đồng) dựa trên các đánh giá của Ban Tổng Giám đốc và số liệu thông tin tài chính tóm tắt chưa được kiểm toán của PVB cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được lập trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục trong khi tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, dự án Nhà máy nhiên liệu sinh học Phú Thọ do PVB làm chủ đầu tư đã dừng triển khai và Tổng Công ty đang làm việc với các cổ đông của PVB và các bên liên quan về việc triển khai phương án phá sản cho PVB theo quy định của pháp luật. Dựa trên các thông tin hiện tại, chúng tôi cũng không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cho khoản đầu tư vào PVB tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như chi phí tài chính có liên quan đến khoản dự phòng này cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

### **Giải trình của PVOIL:**

Đây là khoản đầu tư của PVOIL tại Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí (PVB) – công ty liên kết do PVOIL sở hữu 39,76% vốn điều lệ và là chủ đầu tư dự án Nhà máy nhiên liệu sinh học (NLSH) Phú Thọ. Dự án NLSH Phú Thọ đã dừng thi công từ năm 2012, trước thời điểm PVOIL chuyển đổi từ công ty TNHH MTV sang công ty cổ phần. Hiện tại Dự án vẫn trong tình trạng dở dang, công trình xây dựng chưa được nghiệm thu, quyết toán.

Đây là dự án nằm trong số 12 dự án, doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả thuộc ngành Công Thương theo Quyết định số 1468/QĐ-TTg ngày 29/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ. Theo Thông báo số 385/TB-VPCP ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ, dự án Nhà máy nhiên liệu sinh học Phú Thọ được đề nghị xem xét phương án giải thể, phá sản theo quy định pháp luật.

PVOIL đã có văn bản trình Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (trước đây là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam – gọi tắt là “PVN”) đề xuất được xác định lại khoản đầu tư này về mức 0 đồng khi thực hiện quyết toán cổ phần hóa. Trong quá trình thực hiện thủ tục phá sản dự án, nếu có phát sinh thu hồi từ thanh lý tài sản tại Nhà máy nhiên liệu sinh học Phú Thọ, PVOIL sẽ nộp toàn bộ về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp. Vấn đề này đã được PVN báo cáo các cấp có thẩm quyền xem xét xử lý, tuy nhiên đến nay chưa được chấp thuận.

Năm 2020, Chính phủ đã đồng ý việc đưa dự án Nhà máy NLSH Phú Thọ ra khỏi danh sách các dự án, doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả thuộc ngành Công Thương và giao PVN chủ động quyết định và thực hiện xử lý dự án theo thẩm quyền và quy định của pháp luật. PVOIL đã báo cáo và kiến nghị PVN chấp thuận phương án phá sản PVB. Tuy nhiên, sau nhiều nỗ lực, PVOIL vẫn không thể liên lạc và lập danh sách cổ đông PVB để tổ chức đại hội đồng cổ đông PVB nhằm xem xét phương án xử lý Dự án NLSH Phú Thọ cũng như phá sản Công ty PVB theo đúng thẩm quyền.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, PVOIL đã có văn bản báo cáo PVN về tình hình xử lý các vấn đề liên quan đến khoản đầu tư này và đang tiếp tục xem xét báo cáo các cơ quan có thẩm quyền về việc mở thủ tục phá sản PVB theo quy định của pháp luật.

## PHẦN V

### ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

#### 1. Đánh giá chung về các mặt hoạt động của Tổng công ty

Hoạt động SXKD năm 2025 của Tổng công ty diễn ra trong bối cảnh giá dầu thế giới liên tiếp biến động với xu hướng giảm và biên độ giảm sâu, kéo theo giá dầu trong nước liên tục giảm mạnh và tình trạng cạnh tranh chiết khấu gay gắt; Bên cạnh đó, tỷ giá USD/VND liên tục tăng làm cho chi phí tài chính tăng do lỗ chênh lệch tỷ giá. Các yếu tố trên đã tác động lớn tới kết quả kinh doanh năm 2025 của PVOIL.

Vượt qua những khó khăn, thách thức khách quan, tập thể PVOIL đã quyết liệt triển khai đồng bộ và hiệu quả các giải pháp ứng phó, tháo gỡ khó khăn và đạt được những kết quả SXKD ấn tượng. Doanh nghiệp tiếp tục tích lũy được nguồn lực, tạo được nền tảng bền vững cho mục tiêu tăng trưởng trong các giai đoạn tiếp theo. HĐQT đánh giá về kết quả từng lĩnh vực hoạt động trọng tâm của PVOIL trong năm qua như sau:

- ✔ **Nhiệm vụ chính - sản xuất kinh doanh:** PVOIL đã chủ động và linh hoạt trong công tác tạo nguồn, ưu tiên sử dụng nguồn xăng dầu sản xuất của 02 Nhà máy Lọc dầu trong nước, đồng thời bổ sung hợp lý nguồn hàng nhập khẩu, bảo đảm nguồn cung đầy đủ cho hệ thống, góp phần ổn định thị trường; Tiếp tục phát huy hiệu quả chuỗi liên kết từ tạo nguồn – tồn chứa – vận chuyển – phân phối trong lĩnh vực dầu thô và các sản phẩm dầu thông qua sự phối hợp chặt chẽ với các đơn vị trong Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam. Trong bối cảnh thị trường diễn biến phức tạp và chịu ảnh hưởng khách quan của thiên tai, lũ lụt trong những tháng cuối năm 2025, PVOIL đã chủ động triển khai đồng bộ, kịp thời các giải pháp điều hành, bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, ổn định và bền vững. Qua đó, sản lượng kinh doanh tiếp tục tăng trưởng, thị phần được mở rộng, hiệu quả khai thác hệ thống kho xăng dầu được nâng cao; các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 do Đại hội đồng cổ đông thường niên giao đều được hoàn thành, trong đó nhiều chỉ tiêu hoàn thành vượt mức.
- ✔ **Về lĩnh vực quản lý vốn:** Tình hình tài chính toàn hệ thống PVOIL được duy trì lành mạnh, an toàn; Việc huy động và sử dụng vốn được thực hiện đúng mục đích, công tác quản trị dòng tiền được triển khai hiệu quả, bảo đảm khả năng thanh khoản, đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư của cổ đông; Công tác quản lý công nợ tiếp tục được tăng cường, tập trung xử lý và thu hồi các khoản nợ tồn đọng, kiểm soát chặt chẽ và không để phát sinh nợ xấu mới; Đẩy mạnh quản lý chi phí theo hướng tiết kiệm, hiệu quả, chống lãng phí; Thực hiện giám sát định kỳ đối với các đơn vị thành viên, đặc biệt là các đơn vị thuộc diện giám sát đặc biệt để kịp thời xem xét, quyết định việc bổ sung vào hoặc đưa ra khỏi diện kiểm soát đặc biệt theo quy định.
- ✔ **Về công tác quản trị doanh nghiệp:** PVOIL thực hiện định kỳ rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ nhằm bảo đảm tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật, Nghị định và các văn bản pháp luật mới ban hành của Nhà nước, phù hợp với tình hình thực tiễn hoạt động; Xúc tiến xây dựng hệ thống Quản trị rủi ro; Hoàn thành dự án hiện đại hóa trụ bơm, nâng cao tính đồng bộ của các phương tiện phục vụ đo lường và bán hàng trên toàn bộ hệ thống CHXD trực thuộc PVOIL, qua đó tăng cường quản lý hoạt động bán lẻ và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng; Đẩy mạnh triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.

- ✓ **Về lĩnh vực đầu tư xây dựng:** Công tác đầu tư triển khai theo đúng kế hoạch và tiến độ đề ra, đặc biệt PVOIL đã tận dụng thời cơ, tiếp tục đẩy mạnh hoạt động phát triển CHXD dưới nhiều hình thức, kết hợp đầu tư trạm dừng chân xe tải đường dài.
- ✓ **Công tác tái cấu trúc- đổi mới doanh nghiệp:** PVOIL đã tập trung triển khai Kế hoạch sắp xếp, tái cơ cấu giai đoạn 2020 – 2025, tổ chức/sắp xếp lại các đơn vị thành viên để đảm bảo hiệu quả hoạt động, tiết giảm chi phí quản lý vận hành.
- ✓ **Về các dự án nhiên liệu sinh học:** Tiếp tục phối hợp với các cổ đông của BSR-BF, OBF và PVB triển khai phương án xử lý đối với các dự án nhiên liệu sinh học theo chỉ đạo của cấp thẩm quyền và tuân thủ trình tự, quy định của pháp luật; liên tục cập nhật thông tin về các dự án và báo cáo các cơ quan có thẩm quyền theo yêu cầu.
- ✓ **Công tác tổ chức, lao động và tiền lương:** Tiếp tục thực hiện đổi mới và hoàn thiện cơ cấu tổ chức của các Đơn vị thành viên; Xây dựng định biên, kế hoạch sử dụng lao động và tiền lương năm 2025, quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 của Tổng công ty và các công ty con; Công tác Lao động, Tiền lương và Chế độ chính sách được thực hiện đầy đủ, kịp thời; Công tác Đào tạo đạt kết quả cao, đáp ứng yêu cầu công việc; Công tác thi đua khen thưởng được thực hiện kịp thời tạo nhiều tác động tích cực đối với người lao động.
- ✓ **Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số:** Công tác ứng dụng công nghệ thông tin, tự động hóa và chuyển đổi số được đẩy mạnh và đồng bộ trong tất cả các lĩnh vực SXKD của Tổng công ty.
- ✓ **Chuyển dịch năng lượng:** Tổng công ty đã đạt được kết quả rất khả quan trong việc nghiên cứu và hợp tác phát triển dịch vụ trạm sạc/tủ đổi pin và các phi xăng dầu tại cửa hàng xăng dầu, hướng tới mô hình trạm phân phối năng lượng, bao gồm năng lượng mới, năng lượng tái tạo; Tổng công ty cũng đã đảm bảo cơ sở hạ tầng để triển khai đồng bộ kinh doanh xăng E10 từ tháng 4/2026, sớm hơn so với lộ trình của Chính phủ là từ 01/6/2026.
- ✓ **Công tác an ninh, an toàn – phòng chống cháy nổ (PCCN):** Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định của Nhà nước về công tác An toàn sức khỏe môi trường; Duy trì nghiêm ngặt công tác quản lý An toàn - PCCN. Thông qua việc đẩy mạnh kiểm tra, giám sát, khắc phục các tồn tại và tăng cường huấn luyện định kỳ, PVOIL đã kiểm soát tốt tình hình An toàn – PCCN tại văn phòng Tổng công ty, tại các đơn vị và tại hệ thống kho cảng xăng dầu và CHXD của PVOIL; Tổ chức thành công hội nghị đánh giá công tác an ninh, an toàn tại các công trình dầu khí; Cam kết tăng cường phối hợp với lực lượng an ninh, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ giám sát và đặc biệt chú trọng an ninh mạng, an ninh thông tin; Chủ động triển khai đồng bộ các biện pháp phòng chống thiên tai, đảm bảo an toàn cho người lao động và duy trì hoạt động cung ứng xăng dầu liên tục trên toàn hệ thống; Đánh giá/kiểm tra tình hình thực hiện Đề án 1114 tại tất cả các CHXD và Đề án 808 tại toàn bộ các kho/cảng trong hệ thống.
- ✓ **Công tác kiểm tra, giám sát:** Tổ chức giám sát chặt chẽ hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị thành viên thông qua các báo cáo của Người đại diện tại các công ty con, báo cáo kiểm tra, giám sát định kỳ của Ban KSNB, báo cáo giám sát tài chính hàng quý của Ban Điều hành, báo cáo thẩm định BCTC hàng quý của BKS Tổng công ty; Thực hiện các phương án hỗ trợ, khắc phục đối với các đơn vị gặp khó khăn, có lỗ lũy kế, các đơn vị thuộc diện giám sát đặc biệt; Triển khai các giải pháp khắc phục những tồn tại trong hệ thống đã được các đoàn thanh tra, kiểm tra bên ngoài và nội bộ đã chỉ ra.
- ✓ **Về định hướng phát triển và công tác xây dựng chiến lược:** Tiếp tục bám sát định hướng phát triển ngành Dầu khí và bối cảnh chuyển dịch năng lượng thực tế để xem xét, quyết định việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung kịp thời chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh của PVOIL cho phù hợp; Tiếp tục hợp tác kinh doanh, xây dựng chuỗi liên

kết giá trị với các đơn vị trong PVN, nghiên cứu và đề xuất các hình thức hợp tác, chuỗi liên kết mới nhằm tối ưu hóa hiệu quả SXKD của Tổng công ty; Nghiên cứu và triển khai kinh doanh các ngành nghề/sản phẩm mới trên cơ sở mặt bằng hệ thống CHXD/kho rộng khắp toàn quốc; Tìm kiếm cơ hội hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để thúc đẩy, phát triển hoạt động SXKD của Tổng công ty.

- ✔ **Công tác truyền thông và văn hóa Doanh nghiệp:** PVOIL đã xây dựng và triển khai đồng bộ kế hoạch truyền thông, phát triển thương hiệu và văn hóa doanh nghiệp. Các hoạt động được thực hiện đúng định hướng, góp phần tích cực nâng cao hình ảnh, uy tín, thương hiệu và khẳng định vai trò xã hội PVOIL. Năm 2025, thương hiệu PVOIL được Forbes Việt Nam bình chọn vào Top 10 thương hiệu niêm yết dẫn đầu ngành công nghiệp sản xuất và dịch vụ.
- ✔ **Công tác An sinh xã hội:** Trong năm, các chương trình an sinh xã hội được triển khai đồng bộ, thống nhất và đúng tiến độ. PVOIL đã chức nhiều hoạt động thiết thực chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động và cộng đồng; Triển khai nhiều phong trào ý nghĩa. Toàn thể CBCNV- người lao động tại PVOIL đều tích cực tham gia các phong trào quyên góp hỗ trợ đồng bào bị ảnh hưởng bởi thiên tai tại nhiều tỉnh, thể hiện rõ trách nhiệm cộng đồng và văn hóa Dầu khí.

## 2. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Tổng Giám đốc đã điều hành các mặt hoạt động của Tổng công ty một cách ổn định, đưa Tổng công ty vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, phát huy tối đa và hiệu quả các nguồn lực để thực hiện thành công kế hoạch SXKD với nhiều chỉ tiêu cơ bản tiếp tục đột phá và lập kỷ lục mới.

Trong năm, Ban Tổng Giám đốc đã làm tốt công tác dự báo diễn biến giá dầu thế giới, nhu cầu xăng dầu trong nước, từ đó có các giải pháp ứng phó kịp thời với biến động của thị trường; Chủ động trong công tác điều hành kinh doanh, tăng cường công tác sản xuất pha chế, quản trị tồn kho hợp lý, linh hoạt trong các khâu tạo/cấp nguồn xăng dầu cho các đơn vị thành viên; Phối hợp chặt chẽ với BSR, PVNDB xây dựng/thực hiện các phương án đảm bảo việc tiêu thụ tối đa sản phẩm từ các nhà máy lọc dầu trong nước, điều độ hàng hóa để hỗ trợ cho 2 NMLD hoạt động liên tục và ổn định; Gia tăng sản lượng và hiệu quả kinh doanh thông qua phát huy chuỗi liên kết với ĐVTV thuộc Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (BSR, PVNDB, PVGAS) về nguyên liệu, sản xuất, tồn chứa, phân phối trong lĩnh vực dầu thô và sản phẩm dầu; Tập trung phát triển thị trường, mở rộng quy mô kinh doanh; Điều hành hệ thống PVOIL hoạt động an toàn, ổn định. Kết quả đạt được như sau:

- ✔ ĐHĐCĐ năm 2025 của PVOIL đã diễn ra thành công theo đúng kế hoạch; Báo cáo thường niên năm 2024 và công tác công bố thông tin thực hiện minh bạch, đúng thời gian quy định.
- ✔ Ban Tổng giám đốc đã triển khai đầy đủ, nghiêm túc và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2025 được ĐHĐCĐ và HĐQT giao (ngoại trừ chỉ tiêu về lợi nhuận chưa đạt kế hoạch do trích lập dự phòng đầu tư tài chính tại PVB và biến động bất lợi từ giá dầu thế giới). Các chỉ tiêu cơ bản bao gồm: Sản lượng kinh doanh xăng dầu tăng trưởng đột phá, thiết lập mốc kỷ lục mới, đạt 6,060 nghìn m<sup>3</sup>/tấn, vượt 12% kế hoạch năm, tăng trưởng 8% so với cùng kỳ, chiếm khoảng 23% thị phần kinh doanh nội địa; Doanh thu tiếp tục xác lập kỷ lục mới, đạt 151,6 nghìn tỷ đồng, vượt 56% kế hoạch năm, tăng 21% so với cùng kỳ; Lợi nhuận trước thuế là 654 tỷ đồng, đạt 84% kế hoạch và tăng trưởng 3% so với cùng kỳ.
- ✔ Các nhiệm vụ trọng tâm khác đều được hoàn thành theo kế hoạch như: Tái cấu trúc - đổi mới doanh nghiệp; Đầu tư phát triển hệ thống cửa hàng xăng dầu và sắp xếp quy hoạch hệ thống kho cảng; Ứng dụng công nghệ 4.0 và chuyển đổi số; Quản trị hệ thống: kiểm

soát chi phí, quản lý tài chính an toàn và hiệu quả, nâng cao chất lượng dịch vụ tại các kho và cửa hàng xăng dầu thông qua việc triển khai Đề án 1114, Đề án 808, triển khai thí điểm các dịch vụ non-oil tại một số CHXD trong hệ thống, an ninh - an toàn - PCCN; Các hoạt động đoàn thể, an sinh xã hội, từ thiện, được quan tâm và triển khai tích cực trong toàn hệ thống với nhiều hoạt động ý nghĩa.

📌 **Đánh giá chung:** Trong quá trình điều hành hoạt động SXKD năm 2025 của PVOIL, Tổng Giám đốc và Ban Điều hành đã nghiêm túc tuân thủ quy định của pháp luật, phân cấp quản lý tại Điều lệ và các quy chế quản trị nội bộ của PVOIL cũng như các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT; Đã có nhiều giải pháp điều hành các mặt hoạt động của Tổng công ty và các đơn vị thành viên linh hoạt, kịp thời và đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ; Hoàn thành vượt mức kế hoạch SXKD và các nhiệm vụ trọng tâm đã được ĐHĐCĐ và HĐQT giao phó; Tiếp tục cải thiện thu nhập, nâng cao đời sống của người lao động; Tạo nền tảng ổn định và động lực phát triển mới trong toàn hệ thống.

### 3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT năm 2026

Ngày 16/01/2026, căn cứ định hướng chiến lược phát triển trung - dài hạn, kế hoạch 05 năm 2026 – 2030, chiến lược phát triển PVOIL đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và kế hoạch SXKD năm 2026 của Tổng công ty, HĐQT Tổng công ty đã ban hành Quyết định số 34/QĐ-DVN về Chương trình công tác năm 2026 của HĐQT PVOIL, cụ thể hóa các nhóm nhiệm vụ/công việc cần thực hiện và những mục tiêu đặt ra trong năm 2026 với những nội dung cụ thể:

- ✔ **Về công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông và quan hệ cổ đông:** Chỉ đạo việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của Công ty mẹ - PVOIL; Phê duyệt kế hoạch tổ chức, nội dung chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của các ĐVTV và các công ty liên kết/công ty có vốn góp khác.
- ✔ **Về hoạt động sản xuất kinh doanh:** Giám sát, đôn đốc và chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2026 trên cơ sở làm tốt công tác quản trị, theo dõi chặt chẽ diễn biến thị trường, điều hành kinh doanh linh hoạt, đảm bảo nguồn cung cấp xăng dầu đầy đủ cho hệ thống, ổn định thị trường; Phát huy tối đa lợi thế cạnh tranh, nắm bắt các cơ hội phát triển, tận dụng hiệu quả các lợi ích từ chuỗi liên kết sản xuất - vận chuyển - phân phối trong Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng quốc gia Việt Nam; Nâng cao sản lượng kinh doanh, mở rộng thị phần; Khai thác hiệu quả hệ thống kho xăng dầu; Thường xuyên giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD thông qua kết quả hoạt động SXKD hàng tháng/quý và cả năm của Tổng công ty và các ĐVTV trong toàn hệ thống; Chỉ đạo các giải pháp cần thiết nhằm đảm bảo mục tiêu hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch hoạt động SXKD năm 2026.
- ✔ **Công tác quản trị tài chính và công nợ:** Tập trung công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động tại các ĐVTV; Đảm bảo việc quản lý, huy động và sử dụng vốn đúng mục đích, chặt chẽ, an toàn và hiệu quả; Tăng cường hiệu quả công tác cân đối vốn, quản trị dòng tiền và quản lý công nợ chặt chẽ để giảm thiểu nợ xấu phát sinh mới, tích cực thu hồi công nợ, đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh và thực hiện các biện pháp quản trị rủi ro theo quy định; Chỉ đạo công tác giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp; Xem xét chủ trương tăng vốn điều lệ cho một số ĐVTV nhằm đáp ứng nhu cầu vốn phát triển doanh nghiệp; Chỉ đạo rà soát, đánh giá tình hình hoạt động của một số đơn vị thuộc diện giám sát đặc biệt để quyết định bổ sung vào/đưa ra khỏi diện bị kiểm soát đặc biệt.

- ✔ **Công tác đầu tư:** Đẩy mạnh công tác đầu tư theo kế hoạch năm đã phê duyệt; Tập trung triển khai các dự án chuyển tiếp từ năm 2025, đảm bảo tiến độ và hiệu quả; Tiếp tục đẩy mạnh công tác phát triển hệ thống CHXD, kết hợp các dịch vụ non-oil nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư; Nghiên cứu, tìm kiếm các cơ hội nhằm triển khai các sản phẩm/dịch vụ mới trên hệ thống CHXD hiện hữu; Triển khai đầu tư các Trạm dịch vụ xe tải đường dài/trạm dừng nghỉ trên đường cao tốc; Tập trung chỉ đạo hoàn thiện các thủ tục pháp lý và đẩy nhanh công tác đầu tư hạ tầng để triển khai kinh doanh nhiên liệu hàng không Jet-A1 đúng quy định; Tiếp tục nhiệm vụ rà soát, sắp xếp quy hoạch hệ thống kho, cảng trong toàn hệ thống PVOIL nhằm tiết giảm chi phí vận hành, tăng cường hiệu quả sử dụng kho cảng; Xem xét các vấn đề liên quan đến công tác đầu tư, mua bán, chuyển nhượng tài sản/dự án của Tổng công ty và công ty liên kết.
- ✔ **Công tác quản trị hệ thống:** Chỉ đạo việc rà soát và cải tiến hệ thống văn bản nội bộ của Tổng công ty theo tiêu chuẩn quản trị doanh nghiệp hiện đại; Chỉ đạo triển khai công tác quản trị rủi ro doanh nghiệp (khung COSO-ERM).
- ✔ **Công tác tái cấu trúc, đổi mới doanh nghiệp:** Chỉ đạo công tác xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch tái cơ cấu PVOIL giai đoạn 2026 – 2030 sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tập trung các nhiệm vụ trọng tâm như: Chỉ đạo bám sát và phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền để thúc đẩy việc quyết toán cổ phần hóa PVOIL và PETEC; Chỉ đạo công tác rà soát, kiện toàn cơ cấu tổ chức của PVOIL theo hướng tinh gọn, cải cách chế độ tiền lương theo hướng hiện đại, khuyến khích tăng năng suất lao động; Tiếp tục chỉ đạo/quyết định phương án tăng vốn điều lệ cho các ĐVTV phục vụ cho nhu cầu đầu tư phát triển trong các năm tiếp theo; Tiếp tục chỉ đạo công tác sáp nhập/chuyển đổi ĐVTV từ CTCP sang TNHH MTV, bao gồm giải pháp hoán đổi cổ phần của Công ty mẹ - PVOIL; Thúc đẩy công tác M&A để tiếp tục mở rộng quy mô hoạt động theo định hướng; Chỉ đạo tập trung việc thoái vốn tại các đơn vị ngoài lĩnh vực kinh doanh chính của PVOIL; Chỉ đạo công tác tái cấu trúc toàn diện hoạt động kinh doanh tại Lào (PVOIL Lào – PVOIL Lào Trading); Chỉ đạo tiếp tục triển khai phương án xử lý các vướng mắc, tồn tại của các dự án NLSH.
- ✔ **Công tác chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ 4.0:** Tiếp tục giám sát và chỉ đạo đẩy mạnh công tác chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ 4.0 trong hệ thống PVOIL với trọng tâm: Phê duyệt chiến lược và lộ trình triển khai chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030, hoàn thiện các phần hành thuộc dự án ERP và ứng dụng AI trong quản trị, điều hành; Hoàn thành dự án hiện đại hóa trụ bơm tại CHXD; Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ 4.0, chuyển đổi số và các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt; Đầu tư, nâng cấp công nghệ, phần mềm quản lý và thiết bị hạ tầng CNTT phục vụ SXKD.
- ✔ **Công tác chuyển dịch năng lượng:** Chỉ đạo phối hợp với các đơn vị trong ngành (BSR, VPI, PVFCo, ...) nghiên cứu và triển khai cơ hội phát triển sản phẩm năng lượng mới (SAF, hydrogen, amoniac,...); Nghiên cứu tham gia chuỗi giá trị sản xuất, kinh doanh nhiên liệu hàng hải bền vững...; Nghiên cứu và triển khai các phương án đầu tư nhân rộng mô hình kinh doanh thích nghi/phù hợp với xu thế năng lượng mới và nâng cao hiệu quả khai thác cơ sở vật chất hiện có; Triển khai kinh doanh Xăng E10 trong toàn hệ thống kể từ tháng 4/2026, sớm hơn lộ trình quy định của Chính phủ.
- ✔ **Công tác nghiên cứu khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo:** Tiếp tục chỉ đạo hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, đào tạo nguồn nhân lực nhằm tạo động lực phát triển mới trong hệ thống; Tập trung nguồn lực triển khai hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học để tạo ra các sản phẩm mới, có tính thực tiễn ứng dụng vào

hoạt động SXKD.

- ✓ **Công tác kiểm tra, giám sát:** Tổ chức giám sát thường xuyên và chặt chẽ hoạt động sản xuất kinh doanh của các ĐVTV; Giám sát thường xuyên việc thực hiện quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của Người đại diện tại các ĐVTV; Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nhằm đảm bảo các đơn vị trong hệ thống vận hành đúng định hướng, mục tiêu đã đặt ra.
- ✓ **Công tác xây dựng và triển khai chiến lược:** Tiếp tục chỉ đạo công tác kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026 – 2030; Xây dựng chiến lược phát triển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 bám sát xu thế chuyển dịch năng lượng toàn cầu, nhằm linh hoạt và gia tăng hiệu quả cho hoạt động SXKD.
- ✓ **Công tác xây dựng chuỗi liên kết giá trị PVN, xây dựng và phát triển thương hiệu:** Tiếp tục chỉ đạo công tác hợp tác kinh doanh, xây dựng các chuỗi liên kết giá trị với các đơn vị trong PVN; Chỉ đạo công tác phát triển thương hiệu PVOIL về độ phủ và giá trị thương hiệu; Đẩy mạnh hoạt động tái tạo Văn hóa doanh nghiệp; Tiếp tục chỉ đạo các công tác truyền thông, các hoạt động an sinh xã hội và các sự kiện văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao.

## PHẦN VI

### BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

#### 1. Thông điệp phát triển bền vững

Phát triển bền vững (Sustainable Development) là một khái niệm quan trọng định nghĩa về quá trình phát triển đáp ứng nhu cầu mọi mặt của xã hội hiện tại mà vẫn đảm bảo sự tiếp tục phát triển của thế hệ tương lai. Nói cách khác, phát triển bền vững nhằm mục tiêu tạo ra một sự cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và công bằng xã hội.

Trong hai thập kỷ qua, trên bình diện quốc tế, vấn đề phát triển bền vững ngày càng được đặc biệt quan tâm và trở thành yêu cầu phát triển của toàn cầu, là xu thế chung mà toàn nhân loại đang nỗ lực hướng tới.

Với tầm nhìn và sứ mệnh của mình, PVOIL cam kết không chỉ cung cấp nguồn năng lượng an toàn, chất lượng cao, giảm thiểu tác động tiêu cực lên môi trường mà còn đóng góp tích cực vào việc thúc đẩy sự phát triển của xã hội và cộng đồng. Điều này đòi hỏi sự đầu tư nghiêm túc vào công nghệ, quy trình vận hành và các sản phẩm năng lượng thay thế, đồng thời thể hiện cam kết minh bạch và rõ ràng trong các hoạt động hàng ngày.

Trong bối cảnh Chính phủ Việt Nam đặt mục tiêu đạt được carbon net zero vào năm 2050, PVOIL cam kết sẽ đồng hành cùng Chính phủ và xã hội trong việc giảm thiểu tác động của ngành xăng dầu đối với môi trường. Chúng tôi sẽ đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ xanh, đổi mới sáng tạo và nghiên cứu, áp dụng các giải pháp năng lượng tái tạo nhằm giảm lượng khí thải CO2 trong toàn bộ chuỗi cung ứng và hoạt động của mình.

Bên cạnh đó, PVOIL cam kết tiếp tục xây dựng và triển khai các sáng kiến bảo vệ môi trường, cải thiện hiệu quả sử dụng năng lượng và phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường. Chúng tôi cũng sẽ thúc đẩy các chương trình cộng đồng, nâng cao nhận thức và hành động bảo vệ môi trường trong toàn xã hội.

Chúng tôi tin rằng, với sự nỗ lực không ngừng, PVOIL sẽ góp phần tạo nên một tương lai bền vững, không chỉ vì lợi ích của doanh nghiệp mà còn vì lợi ích của cộng đồng và thế hệ mai sau.

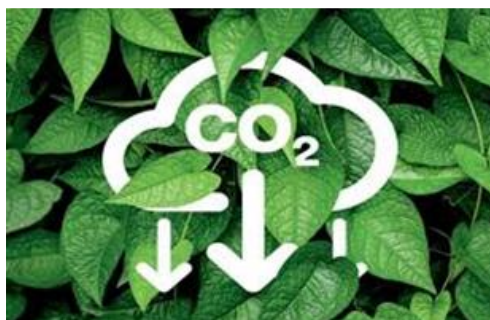
Trách nhiệm trong sản xuất và kinh doanh sản phẩm xăng dầu hướng đến mục tiêu phát triển bền vững của PVOIL được thể hiện qua các hành động cụ thể như sau:

**Phát triển sản phẩm năng lượng xanh, năng lượng tái tạo:** PVOIL là đơn vị tiên phong cả nước giúp Chính phủ từng bước triển khai lộ trình đưa xăng sinh học E5, E10 ra thị trường để



thay thế xăng truyền thống. Xăng sinh học E5 RON 92 đã được PVOIL đưa vào kinh doanh thí điểm từ 01/8/2010 và bán đại trà thay thế xăng khoáng RON 92 kể từ ngày 01/01/2018 đến nay. Tháng 8/2025, PVOIL tiếp tục tiên phong thí điểm đưa ra thị trường xăng sinh học E10 RON 95, đồng thời chuẩn bị cơ sở vật chất để sẵn sàng triển khai kinh doanh đại trà mặt hàng này theo lộ trình của Chính phủ - dự kiến trong tháng 4/2026.

Bên cạnh đó, PVOIL cũng đang nghiên cứu triển khai lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời cung cấp nguồn năng lượng sạch cho trạm sạc pin xe điện, góp phần giảm thiểu khí thải carbon từ việc sử dụng nhiên liệu hóa thạch.



**Giảm thiểu tác động đến môi trường:** PVOIL đặc biệt chú trọng công tác đầu tư, nâng cấp hệ thống xử lý chất thải tại các kho xăng dầu và cửa hàng xăng dầu trong toàn hệ thống. Đồng thời, tăng cường kiểm soát ô nhiễm tại tất cả các khâu pha chế - tồn chứa - vận chuyển và phân phối xăng dầu.

Bên cạnh đó, Tổng công ty khuyến khích người lao động nghiên cứu và ứng dụng các sáng kiến cải tiến quy trình sản xuất và vận hành, cải thiện thiết bị và

công nghệ để giảm thiểu lãng phí năng lượng và sử dụng năng lượng một cách hiệu quả nhất.



**Bảo vệ và phát triển cộng đồng:** PVOIL xác định sự công nhận của cộng đồng chính là thước đo chuẩn xác cho sự phát triển bền vững của Tổng công ty. Vì vậy, PVOIL luôn đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan, đồng thời thực thi trách nhiệm với xã hội, cộng đồng thông qua nhiều hoạt động thiết thực và bằng cả tấm lòng.

PVOIL cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đồng thời chủ động

tham gia vào các sáng kiến, dự án về phát triển bền vững do Chính phủ và các tổ chức quốc tế phát động.



**Đảm bảo tính minh bạch và báo cáo hiệu quả:**

PVOIL tuân thủ quy định về báo cáo môi trường định kỳ và công khai các chỉ số liên quan đến tác động môi trường từ các hoạt động sản xuất và phân phối xăng dầu, dầu mỡ nhờn. PVOIL cũng duy trì hiệu quả hệ thống đánh giá về an toàn sức khỏe và môi trường để đảm bảo rằng các mục tiêu phát triển bền vững đang được thực hiện đúng hướng và đạt được kết quả như mong đợi.

**với các bên liên quan**

**2. Nguyên tắc hoạt động của PVOIL đối**

|  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | <p><b>Đối với nhân viên</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Đảm bảo việc làm; Xây dựng chính sách đãi ngộ tương xứng với sự cống hiến, đóng góp của Người lao động.</li> <li>✓ Đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn; Tổ chức giao và đánh giá công việc bằng KPIs, khuyến khích nâng cao năng suất, chất lượng/hiệu quả công việc.</li> <li>✓ Môi trường làm việc chuyên nghiệp, an toàn và thân thiện.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                          |
|  | <p><b>Đối với khách hàng</b></p> <p>PVOIL đảm bảo cung cấp sản phẩm chất lượng và dịch vụ tốt nhất cho khách hàng. PVOIL là đơn vị tiên phong trong lĩnh vực phát triển kinh doanh xăng sinh học E5 thay thế nhiên liệu hóa thạch, góp phần giảm phát thải, bảo vệ môi trường. Sản phẩm xăng dầu, dầu mỡ nhờn và nhiên liệu sinh học mà PVOIL cung ứng ra thị trường luôn đảm bảo tuyệt đối về chất lượng và đầy đủ về số lượng. Bên cạnh đó, Tổng công ty đã và sẽ tiếp tục duy trì trong toàn hệ thống các chương trình hành động thiết thực như 1114 và 808 nhằm nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại các kho xăng dầu và cửa hàng xăng dầu.</p> |
|  | <p><b>Đối với cổ đông và nhà đầu tư</b></p> <p>PVOIL luôn hướng tới mục tiêu tối đa hóa giá trị doanh nghiệp với các nỗ lực hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra. Đồng thời, cung cấp đầy đủ, kịp thời, công khai minh bạch thông tin về tình hình hoạt động của Tổng công ty thông qua các buổi hội thảo, các kênh truyền thông, website và các phương tiện công bố thông tin theo quy định.</p>                                                                                                                                                                                                                                             |
|  | <p><b>Đối với đối tác kinh doanh</b></p> <p>Tổng công ty giữ nguyên tắc cạnh tranh lành mạnh, hợp tác cùng có lợi và đảm bảo hài hòa lợi ích cho khách hàng.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|  | <p><b>Đối với cộng đồng và xã hội</b></p> <p>Tổng công ty cam kết thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và xã hội bằng các hoạt động thiết thực.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |

### 3. Báo cáo về công tác an toàn, sức khỏe và bảo vệ môi trường (ATSKMT)

#### 3.1. Duy trì hiệu quả Hệ thống ATSKMT

##### 3.1.1. Bộ máy quản lý công tác ATSKMT

- ✓ Bộ máy quản lý công tác ATSKMT tại PVOIL đã được thiết lập, thường xuyên kiện toàn và tổ chức hoạt động đồng bộ, nhịp nhàng, chặt chẽ từ Tổng công ty đến các Đơn vị trực thuộc và các Đơn vị thành viên trong toàn hệ thống, từ các cấp lãnh đạo cao nhất đến chuyên viên chuyên trách/bán chuyên trách.
- ✓ Xây dựng đội ngũ An toàn vệ sinh viên trong toàn Tổng công ty nhằm hỗ trợ trong công tác đảm bảo ATSKMT trong các hoạt động SXKD.
- ✓ Xây dựng chương trình quản lý an toàn, báo cáo đánh giá định lượng rủi ro và Kế hoạch ứng phó tình huống khẩn cấp đáp ứng theo quy định của pháp luật.

##### 3.1.2. Duy trì, cải tiến hệ thống quản lý ATSKMT

- ✓ Hệ thống quản lý chất lượng tích hợp (HTQLTH) của PVOIL đã triển khai xây dựng, duy trì và tuân thủ từ năm 2012 trong toàn hệ thống và đã được Viện tiêu chuẩn Anh BSI đánh giá và cấp chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn - Môi trường - Chất lượng theo yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc tế về Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp ISO 45001:2018. Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015 và Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015. Hệ thống được tái đánh giá chứng nhận định kỳ, đánh giá giám sát hằng năm và lần đánh giá gần nhất là tháng 10/2025.
- ✓ Việc triển khai các đề án 1114 “Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại CHXD” và đề án 808 “Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng tại Kho xăng dầu” đã đóng góp tích cực trong việc đảm bảo tuân thủ quy trình nghiệp vụ, thành thạo các quy tắc về an toàn PCCC, an toàn vận hành, sử dụng thành thạo trang thiết bị PCCC và xử lý sự cố tại CHXD và các kho trong toàn hệ thống.



**Hình ảnh kho xăng dầu và CHXD xanh – sạch đẹp – an toàn của PVOIL**

- ✓ Việc duy trì tuân thủ và cải tiến HTQLTH được PVOIL thực hiện nghiêm túc, thông qua:
  - ✓ Công tác kiểm tra, đánh giá nội bộ của Tổng công ty về ATSKMT được duy trì thực

hiện hàng năm.

- ✔ Công tác kiểm tra, đánh giá định kỳ hàng tháng đối với Đề án 1114 “Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại CHXD” và Đề án 808 “Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng tại Kho xăng dầu” với 04 lượt cho tất cả các kho và CHXD trong hệ thống.
- ✔ Hoạt động đánh giá giám sát định kỳ HTQLTH của Viện Tiêu chuẩn Anh (BSI): Các phát hiện sự không phù hợp và khuyến nghị cải tiến của BSI đều được theo dõi, lập kế hoạch và triển khai khắc phục, phòng ngừa, cải tiến theo Quy trình khắc phục sự không phù hợp.
- ✔ Trong năm 2025, PVOIL đã đào tạo giai đoạn 1 cho các CBNV làm việc trực tiếp tại các CHXD có trạm sạc trong hệ thống về “Nâng cao nghiệp vụ PCCC tại các trạm sạc pin ở Cửa hàng xăng dầu”; Tổ chức hướng dẫn sử dụng trang thiết bị ứng cứu sự cố tràn dầu tại CHXD đã trang bị và các khóa đào tạo An toàn vệ sinh lao động theo Nghị định 44/2016/NĐ-CP.

### 3.2. Công tác An toàn - An ninh, PCCC, ứng cứu tình huống khẩn cấp

Trong năm 2025, PVOIL tiếp tục duy trì triển khai các biện pháp từ phòng ngừa đến sẵn sàng ứng cứu sự cố để đảm bảo an toàn, PCCN trong toàn hệ thống với các hoạt động tiêu biểu sau:

- ✔ Tất cả các kho, CHXD trong hệ thống PVOIL định kỳ tổ chức diễn tập phương án PCCC, huấn luyện, bồi dưỡng định kỳ nghiệp vụ về PCCC và cứu nạn, cứu hộ theo quy định, ứng phó sự cố môi trường và cứu nạn thoát hiểm với sự tham gia của lực lượng chức năng địa phương nhằm nâng cao tính sẵn sàng ứng cứu của lực lượng ứng cứu tại chỗ và ý thức an toàn của CBNV.
- ✔ Tổng công ty đã kết hợp tổ chức các khóa đào tạo trực tiếp về ATSKMT theo quy định pháp luật; triển khai “Đánh giá an toàn kho cảng” theo thông lệ quốc tế, đào tạo cho các CBNV làm việc trực tiếp giai đoạn 1 tại các CHXD có trạm sạc trong hệ thống về “Nâng cao nghiệp vụ PCCC tại các trạm sạc pin ở Cửa hàng xăng dầu”, an toàn vệ sinh lao động, diễn tập, thực tập PCCC định kỳ.



Một số hình ảnh diễn tập PCCC và ứng cứu sự cố tràn dầu tại kho xăng dầu năm 2025

- ✓ PVOIL thường xuyên theo dõi, cập nhật triển khai các văn bản pháp luật mới ban hành. Năm 2025, Tổng công ty tiếp tục theo dõi, hướng dẫn các đơn vị trong toàn hệ thống triển khai Luật PCCC và Cứu nạn cứu hộ 2024 và các văn bản dưới Luật cho các Đơn vị.
  - ✓ Đối với công tác Phòng chống lụt bão, thiên tai, PVOIL thường xuyên theo dõi và cảnh báo kịp thời về các tình huống thiên tai, bão lụt nhằm đảm bảo an toàn cho người lao động làm việc tại các Kho/cảng và giảm thiệt hại về tài sản; Ban chỉ đạo Văn phòng tình huống khẩn cấp thực hiện trực điện thoại 24/24 trong các dịp Lễ, Tết hoặc các thời điểm có bão, lũ... nhằm kịp thời chỉ đạo, xử lý các tình huống khẩn cấp; Tổ chức lực lượng trực ứng cứu tràn dầu trong quá trình xuất nhập hàng hóa tại tất cả các kho trong hệ thống.
- PVOIL luôn duy trì chế độ báo cáo hàng tháng, kiểm tra định kỳ và đột xuất công tác an toàn, an ninh và PCCC tại các đơn vị trong toàn hệ thống PVOIL.

### 3.3. Chăm sóc sức khỏe người lao động

- ✓ Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CBCNV; khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động trực tiếp, và khám chuyên sâu đối với một số trường hợp có nghi ngờ về mắc bệnh nghề nghiệp.
- ✓ Tổng công ty đã tổ chức triển khai đo kiểm tra môi trường lao động tại các vị trí làm việc, trang bị bảo hộ lao động cá nhân, thực hiện chế độ bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật cho người lao động làm việc tại Kho cảng/CHXD.
- ✓ Đối với các Đơn vị có bếp ăn tập thể, luôn kiểm soát chặt chẽ nguồn gốc thực phẩm đảm bảo dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm cho người lao động.
- ✓ Ngoài ra, để giúp người lao động được đảm bảo về tài chính trong trường hợp phải khám chữa bệnh và nằm viện, PVOIL nhiều năm qua đã áp dụng chính sách mua bảo hiểm sức khỏe /Bảo hiểm tai nạn cho CBCNV của mình.

### 3.4. Công tác bảo vệ môi trường và kiểm soát chất thải

- ✓ PVOIL thường xuyên theo dõi, cập nhật triển khai các văn bản pháp luật mới ban hành. Năm 2025, Tổng công ty tiếp tục theo dõi, hướng dẫn các đơn vị trong toàn hệ thống triển khai các văn bản hướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường cho các Đơn vị, ghi nhận các vướng, mắc khó khăn của Đơn vị trong quá trình triển khai để báo cáo các cấp thẩm quyền nhằm tháo gỡ vướng mắc cho Đơn vị.
- ✓ Định kỳ giám sát chất lượng môi trường, diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu, quản lý chất thải nguy hại, vận hành hiệu quả hệ thống xử lý nước thải.
- ✓ Áp dụng các biện pháp quản lý rủi ro trong hoạt động bảo vệ môi trường và kiểm soát chất thải thông qua việc nhận diện, đánh giá các khía cạnh môi trường có ý nghĩa từ các hoạt động tồn trữ, pha chế, kinh doanh và vận chuyển xăng dầu để từ đó đưa ra giải pháp nhằm ngăn ngừa các sự cố ô nhiễm môi trường.

### 3.5. Xây dựng văn hóa an toàn sức khỏe, môi trường

Cùng với việc sử dụng công nghệ, PVOIL còn quan tâm đến việc tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho CBCNV thông qua việc tổ chức các hoạt động thiết thực như:

- ✓ Duy trì việc tuyên truyền định kỳ tháng hành động vì an toàn vệ sinh lao động, ngày môi trường thế giới, giờ trái đất, ngày toàn dân phòng cháy chữa cháy... Giúp nâng cao nhận thức của cán bộ công nhân viên về tuân thủ yêu cầu Pháp luật về an toàn – phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và sức khỏe người lao động.

- ✓ Tổ chức sơ kết, tổng kết công tác An toàn Sức khỏe Môi trường tạo điều kiện chia sẻ kinh nghiệm, bài học trong việc triển khai hiệu quả và xử lý các vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện công tác ATSKMT giữa các đơn vị thành viên trong hệ thống.

### 3.6. Các chỉ số an toàn sức khỏe và nghề nghiệp

Tỷ lệ chấn thương, bệnh nghề nghiệp ngày nghỉ ốm, sự vắng mặt và số trường hợp tử vong có liên quan đến làm việc theo từng khu vực của Tổng công ty trong năm 2025 được thống kê như sau:

| STT      | Các chỉ tiêu                                                                                                                                                                                               | ĐVT         | Số liệu  |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| <b>1</b> | <b>Tai nạn lao động</b>                                                                                                                                                                                    |             | <b>0</b> |
| -        | Tổng số vụ tai nạn lao động                                                                                                                                                                                | Vụ          | 0        |
| -        | Tổng số người bị tai nạn lao động                                                                                                                                                                          | Người       | 0        |
| -        | Tổng chi phí cho tai nạn lao động (cấp cứu, điều trị, trả lương trong ngày nghỉ, bồi thường, trợ cấp ...)                                                                                                  | Triệu đồng  | 0        |
| -        | Thiệt hại về tài sản (tính bằng tiền)                                                                                                                                                                      | Triệu đồng  | 0        |
| -        | Số ngày công nghỉ vì tai nạn lao động                                                                                                                                                                      | Ngày        | 0        |
| <b>2</b> | <b>Bệnh nghề nghiệp</b>                                                                                                                                                                                    |             | <b>0</b> |
| -        | Tổng số người bị bệnh nghề nghiệp cộng dồn tại thời điểm báo cáo                                                                                                                                           | Người       | 0        |
| -        | Số ngày công nghỉ vì bệnh nghề nghiệp                                                                                                                                                                      | Ngày        | 0        |
| -        | Số người phải nghỉ trước tuổi hưu vì bệnh nghề nghiệp                                                                                                                                                      | Người       |          |
| -        | Tổng chi phí cho người bị bệnh nghề nghiệp phát sinh trong năm (Các khoản chi không tính trong kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động như: điều trị, trả tiền lương trong ngày nghỉ, bồi thường, trợ cấp....) | Triệu đồng  | 0        |
| <b>3</b> | <b>Kết quả phân loại sức khỏe của người lao động</b>                                                                                                                                                       |             |          |
| -        | Loại I                                                                                                                                                                                                     | Người       | 1.452    |
| -        | Loại II                                                                                                                                                                                                    | Người       | 2.805    |
| -        | Loại III                                                                                                                                                                                                   | Người       | 2.301    |
| -        | Loại IV                                                                                                                                                                                                    | Người       | 73       |
| -        | Loại V                                                                                                                                                                                                     | Người       | 8        |
| <b>4</b> | <b>Số ngày nghỉ ốm</b>                                                                                                                                                                                     | <b>Ngày</b> | <b>0</b> |

### 3.7. Nhiệm vụ chính công tác ATSKMT 2026

Những thành tích đạt được trong năm 2025 đã khẳng định những nỗ lực không ngừng của Ban lãnh đạo và tập thể cán bộ công nhân viên Tổng công ty trong công tác đảm bảo ATSKMT, củng cố thương hiệu và hình ảnh của PVOIL vì một tương lai an toàn và phát triển bền vững. Để tiếp tục phát huy thành tích đó PVOIL đã xây dựng một số nhiệm vụ chính trong năm 2026 như sau:

- ✓ Đảm bảo hiệu quả trong hoạt động sản xuất và kinh doanh của PVOIL an toàn, chất lượng và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về Chất lượng - ATSKMT.
- ✓ Duy trì cập nhật và đánh giá chứng nhận thành công Hệ thống quản lý theo phiên bản mới ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015 và ISO 45001:2018.
- ✓ Tăng cường đào tạo và tập huấn để bổ sung kiến thức về ATSKMT nhằm đáp ứng yêu cầu Pháp luật và nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động.

- ✓ Tổ chức các khóa đào tạo chuyên đề về tín chỉ cacbon, giảm nhẹ phát thải, làm nền tảng cho việc triển khai các dự án trung hòa cacbon.
- ✓ Không để xảy ra tai nạn lao động nặng trở lên tại các Đơn vị trong toàn Hệ thống.
- ✓ Không để xảy ra sự cố môi trường bị cơ quan chức năng xử phạt và đảm bảo tuân thủ đầy đủ yêu cầu pháp luật về bảo vệ môi trường.
- ✓ Tiếp tục cải thiện điều kiện lao động, phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp cho CBCNV trong toàn Tổng công ty.
- ✓ Củng cố lực lượng Ứng cứu khẩn cấp, nâng cao tính sẵn sàng ứng phó sự cố bão lũ nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản trong các cơn bão.

#### 4. Tuân thủ về môi trường

Ý thức được hoạt động kinh doanh xăng dầu tiềm ẩn nhiều rủi ro cho môi trường, bên cạnh việc tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, Tổng công ty tiếp tục duy trì việc triển khai đồng bộ các giải pháp để phòng ngừa và hạn chế rủi ro như:

- ✓ Trang bị đầy đủ thiết bị, bố trí nhân lực đủ năng lực, đảm bảo các hệ thống xử lý môi trường được vận hành, bảo trì, bảo dưỡng theo đúng quy định.
- ✓ Tổ chức lực lượng quản lý công tác an toàn, sức khỏe, môi trường và ứng cứu sự cố khẩn cấp tại tất cả các đơn vị trong hệ thống.
- ✓ Xây dựng phương án ứng cứu sự cố tràn dầu, kế hoạch ứng phó sự cố môi trường và thuê lực lượng ứng cứu chuyên nghiệp tại các kho cảng xăng dầu.
- ✓ Các kho xăng dầu và cửa hàng xăng dầu đều đảm bảo được cơ quan chuyên ngành cấp/cấp lại các giấy phép về an toàn, bảo vệ môi trường (Giấy chứng nhận đủ điều kiện An toàn PCCC, Báo cáo Đánh giá tác động môi trường, Giấy phép môi trường....) trước khi đi vào hoạt động và trong quá trình hoạt động.
- ✓ Duy trì hiệu quả hệ thống quản lý tích hợp về ATSKMT theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015 và ISO 45001:2018.

#### 5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường

##### 5.1. Tác động lên môi trường

###### **Khí thải**

- Tổng lượng khí thải phát sinh từ các nhà máy của PVOIL năm 2025 khoảng 1,621 tấn, trong đó Khí thải NOx là 1,204 tấn, CO là 0,168 tấn, VOC là 0,114 tấn và bụi là 0,136 tấn.
- Khí thải phát sinh từ các nhà máy đều được thu gom và xử lý tuân thủ theo quy định về bảo vệ môi trường của Việt Nam trước khi thải ra môi trường. Năm 2025, PVOIL không có sự cố do khí thải gây ra.
- Các nguồn khí thải đều được các quan trắc định kỳ và giám sát chặt chẽ, đảm bảo hàm lượng chất ô nhiễm phát thải ra môi trường đáp ứng tiêu chuẩn thải hiện hành.
- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính của PVOIL:
  - ✓ Lắp đặt mái phao tại các bồn kho xăng dầu.
  - ✓ Thực hiện nhập kín tại các CHXD.
  - ✓ Cải tiến công nghệ thu hồi sản phẩm khí trong quá trình chưng cất làm nhiên liệu cho lò gia nhiệt.

### **Nước thải**

- Nước thải tại các kho xăng dầu, CHXD và nhà máy của Tổng công ty phần lớn là nước thải nguy hại (nhiễm dầu), đều đã được xử lý để đảm bảo tiêu chuẩn xả thải ra môi trường. Hệ thống xử lý nước thải tại các kho, nhà máy của PVOIL được đầu tư và nâng cấp và thường xuyên được bảo trì, bảo dưỡng.
- Định kỳ thực hiện quan trắc chất lượng nước thải theo cam kết trong các Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy phép môi trường. Kết quả giám sát môi trường tại các đơn vị trong năm 2025 chưa có ghi nhận bất kỳ trường hợp thải nước không tuân theo quy định.

### **Chất thải rắn**

- Hoạt động của PVOIL phát sinh chủ yếu các loại chất thải như chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại. Năm 2025, lượng chất thải sinh hoạt phát sinh khoảng 770 tấn, chất thải công nghiệp thông thường phát sinh khoảng 69,2 tấn, chất thải nguy hại khoảng 275,5 tấn.
- Các loại chất thải được phân loại, thu gom, lưu giữ an toàn và chuyển giao xử lý theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

## 5.2 Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm, dịch vụ chính của PVOIL trong năm:
  - ✓ Condensate (Naptha): 99.233 m<sup>3</sup>
  - ✓ Dầu gốc sản xuất dầu nhớt: 4.419 tấn
  - ✓ Phụ gia sản xuất dầu nhớt: 334 tấn
  - ✓ Nước khoáng: 17.780 m<sup>3</sup>
  - ✓ Bao bì đóng gói sản phẩm dầu nhớt:

| Stt | Tên bao bì    | Đơn vị tính | Số lượng   |
|-----|---------------|-------------|------------|
| 1   | Vỏ lon/can    | Cái         | 441.879    |
| 2   | Vỏ xô         | Cái         | 55.356     |
| 3   | Vỏ phuy       | Cái         | 16.397     |
| 4   | Hộp carton    | Cái         | 23.982     |
| 5   | Vỏ lon nhôm   | Cái         | 900.000    |
| 6   | Vỏ chai PET   | Cái         | 14.300.000 |
| 7   | Vỏ hộp carton | Cái         | 634.000    |

- Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không áp dụng.

## 5.3. Tiêu thụ năng lượng

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 15.386.987 kW, giảm 1.5% so với năm 2024.
- Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng và thống kê năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: chưa thực hiện

## 5.4. Tiêu thụ nước

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Nguồn cung cấp từ nước thủy cục hoặc

giếng khoan.

- Lượng nước sử dụng trong năm 2025 là 316.197 m<sup>3</sup>, tăng 1,8% so với năm 2024.
- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: nước thải tại các kho xăng dầu và CHXD của Tổng công ty phần lớn là nước thải nguy hại (nhiễm dầu), đều đã được xử lý để đảm bảo tiêu chuẩn xả thải ra môi trường. Tuy nhiên, Tổng công ty chưa thực hiện tái chế và tái sử dụng lượng nước thải nêu trên.

### **5.5. Thích ứng với biến đổi khí hậu và chuyển dịch năng lượng**

Với sứ mệnh góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, dưới sự hướng dẫn của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam, Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP đã có những hoạt động tham gia nhằm góp phần giảm thiểu ảnh hưởng của Biến đổi khí hậu trong quá trình tồn trữ và kinh doanh xăng dầu:

- Hợp tác với Công ty Vinfast lắp đặt hệ thống trạm sạc xe điện tại các CHXD nhằm từng bước thực hiện các hoạt động chuyển dịch năng lượng.
- Thực hiện kiểm kê phát thải khí nhà kính và khí ô nhiễm trong hoạt động lọc hóa dầu tại Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Phú Mỹ.
- Phổ biến và triển khai đến các đơn vị thành viên các văn bản quy định pháp luật, văn bản hướng dẫn của Tập đoàn về thích ứng với biến đổi khí hậu.
- Triển khai một số biện pháp tiết kiệm năng lượng trong hoạt động sản xuất kinh doanh như: thay thế dần các bóng đèn điện lắp đặt ngoài trời bằng bóng đèn sử dụng điện mặt trời, thay thế dần các vòi nước tự động nhằm tiết kiệm nước. ...
- Tổ chức hội thảo khoa học nội bộ để trình bày các nội dung: i) Nhiên liệu hàng không bền vững SAF, ii) Phát triển bền vững, iii) Xe điện và xu hướng công nghệ.
- Xây dựng kế hoạch chuẩn bị triển khai chương trình kiểm kê khí thải và giảm nhẹ phát thải trong năm 2026.

### **5.6. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

## **6. Chính sách Lao động**

Việc tuyển dụng, đào tạo, trả lương, trả thưởng, giải quyết chế độ chính sách đối với người lao động được đảm bảo công bằng, kịp thời. Bên cạnh đó, Tổng công ty xây dựng các chế độ phúc lợi, lợi ích tốt nhất có thể cho Người lao động.

### **6.1. Thực hiện Luật lao động**

- ✓ Tổng công ty luôn tuân thủ theo các quy định của pháp luật lao động và các văn bản hướng dẫn thi hành; cam kết không để xảy ra vi phạm trong quá trình thực hiện.
- ✓ Năm 2025, Công ty mẹ - PVOIL không xảy ra tranh chấp lao động, không có khiếu kiện liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

### **6.2. Tình hình thực hiện Thỏa ước lao động tập thể và quy chế, quy định nội bộ**

- ✓ Việc ký kết và tổ chức thực hiện Thỏa ước lao động tập thể được thực hiện đầy đủ theo đúng trình tự, quy định của pháp luật hiện hành. Người lao động Tổng công ty luôn nêu

cao ý thức, thực hiện tốt nội quy lao động, các quy chế, quy định nội bộ của Tổng công ty và từng đơn vị, các quy định về hợp đồng lao động, đào tạo, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, tiền lương, khen thưởng, phúc lợi, an toàn và vệ sinh lao động, kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất, chế độ thai sản, hưu trí.... được cụ thể hóa tại thỏa ước lao động tập thể và các văn bản nội bộ liên quan khác.

- ✓ Tổng công ty và các đơn vị thành viên tổ chức hội nghị người lao động năm 2025 theo đúng trình tự và quy định của pháp luật, kết hợp với việc tổ chức Hội nghị tổng kết hoạt động SXKD. Hội nghị tổng kết công tác Đảng, Công đoàn để đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

### 6.3. Lao động nữ

- ✓ Tỷ lệ lao động nữ chiếm hơn 30% tổng số lao động của toàn Tổng công ty. Lao động nữ được tạo điều kiện thuận lợi để tham gia quản lý, điều hành trong bộ máy của Tổng công ty và các đơn vị thành viên.
- ✓ Ngoài các chế độ đối với Người lao động nói chung, Tổng công ty và các đơn vị còn áp dụng đầy đủ các chế độ riêng cho người lao động nữ (ví dụ: khám sức khỏe chuyên khoa, chế độ nghỉ thai sản, nghỉ khác của lao động nữ. ...) phù hợp theo quy định của pháp luật lao động, thỏa ước lao động tập thể và các văn bản nội bộ.

## 7. Báo cáo các vấn đề về xã hội

### 7.1. Việc làm và thu nhập



**Tổng số CBNV PVOIL tính đến ngày 31/12/2025**  
**7.414 người**



**Thu nhập bình quân tháng của Người lao động**  
**18,89 triệu đồng/người/tháng**



#### Các khoản phúc lợi

- ✓ Sức khỏe, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tai nạn
- ✓ Bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm hưu trí tự nguyện
- ✓ Thăm quan, nghỉ mát
- ✓ Tổ chức ăn ca, sinh nhật
- ✓ Văn hóa, văn nghệ, thể thao...



#### Không phân biệt đối xử

PVOIL cam kết không phân biệt đối xử trên cơ sở chủng tộc, màu da, giới tính, tôn giáo, quan điểm chính trị, nguồn gốc quốc gia hoặc xuất thân xã hội. Trong năm 2025 không có vụ việc phân biệt đối xử xảy ra tại PVOIL.



## Không sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức

PVOIL cam kết không sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức, sử dụng lao động đúng theo độ tuổi pháp luật quy định.

### 7.2. Trách nhiệm với sản phẩm, dịch vụ

PVOIL cung cấp đầy đủ thông tin về sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng, người tiêu dùng biết thông qua các kênh thông tin như: Website, Facebook, pano quảng cáo. PVOIL cũng thực hiện giới thiệu dịch vụ mới qua báo chí và các cuộc hội thảo.

Bên cạnh đó PVOIL cũng duy trì các đường dây nóng để tiếp nhận thông tin phản hồi của khách hàng tại tất cả các CHXD và Kho xăng dầu trong toàn hệ thống.

Khách hàng có thể góp ý, khiếu nại thông qua các hình thức sau:

 Gửi thư tới địa chỉ:

- 🔥 Tổng công ty Dầu Việt Nam-CTCP (PVOIL),
- 🔥 Tầng 14-18 Toà nhà PetroVietnam,
- 🔥 Số 1-5 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh

 Gửi email tới địa chỉ: **contact@pvoil.com.vn**

 Gọi điện tới số: **(84.28) 39119333**

 Phản ánh, khiếu nại của khách hàng đối với các kho xăng dầu:

 **0988.43.17.17**: tiếp nhận thông tin phản ánh/ khiếu nại của khách hàng tại các kho xăng dầu từ khu vực Thừa Thiên Huế (kho Chân Mây) trở ra phía Bắc.

 **0988.21.17.17**: tiếp nhận thông tin phản ánh/ khiếu nại của khách hàng tại các kho xăng dầu từ khu vực Đà Nẵng (kho Liên Chiểu) trở vào phía Nam.

 **08.96618800** Hỗ trợ PVOIL Easy trên toàn quốc.

 Phản ánh, khiếu nại của khách hàng đối với CHXD: theo số hotline niêm yết tại cửa hàng.

### 7.3. Trách nhiệm đối với cộng đồng

Nhận thức đầy đủ trách nhiệm đối với cộng đồng và mong muốn góp phần xây dựng xã hội ngày một tốt đẹp, nhân ái hơn, trong năm 2025 bên cạnh các chương trình xã hội từ thiện mang tính truyền thống từ nhiều năm qua. PVOIL đã đẩy mạnh các hoạt động ý nghĩa thiết thực nhằm chung tay chia sẻ với cộng đồng. Tổng chi phí ủng hộ cho công tác thiện nguyện trong năm đạt gần **38,2 tỷ đồng** với các hoạt động cụ thể sau:

 Tham gia các hoạt động tài trợ xây dựng trường học, các trung tâm y tế và các nhà Đại đoàn kết tại các địa phương trong cả nước: **30,3 tỷ đồng**.

 Các hoạt động từ thiện, hỗ trợ khác: **7,9 tỷ đồng**.



### Một số hình ảnh về công tác xã hội từ thiện của PVOIL trong năm 2025

- ✓ Phụng dưỡng Mẹ Việt Nam Anh Hùng và Mẹ của Liệt sỹ tại huyện Củ Chi.
- ✓ Chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu mồ côi do ảnh hưởng của dịch Covid-19 tại xã Nhà Bè và xã Hiệp Phước.
- ✓ Thăm hỏi và tặng quà cho Mẹ Việt Nam Anh Hùng và Mẹ, vợ của các Liệt sỹ tại các xã trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh nhân ngày 27/7.
- ✓ Thăm hỏi tặng quà Tết Mẹ Việt Nam Anh Hùng và Mẹ, Vợ của các Liệt sỹ tại huyện Củ Chi, các cháu mồ côi do ảnh hưởng Covid-19 tại huyện Nhà Bè, Trung tâm nuôi dưỡng trẻ mồ côi Thiên Phước, tặng quà cho người nghèo.
- ✓ Đóng góp, ủng hộ người dân các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Điện Biên, Sơn La, Lạng Sơn, Gia Lai, Khánh Hòa, Đắk Lắk khắc phục hậu quả bão lụt.
- ✓ Chương trình “Cùng PVOIL về quê đón Tết” Xuân Bính Ngọ 2026 do Đoàn Thanh niên PVOIL phối hợp với Trung tâm hỗ trợ học sinh, sinh viên TP. Hồ Chí Minh và Đoàn trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh... tổ chức. Đây là năm thứ 8 PVOIL thực hiện chương trình rất ý nghĩa này, mỗi năm hỗ trợ trên 1.100 lượt sinh viên về quê đón Tết.

### XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT TỔNG GIÁM ĐỐC

  
**NGUYỄN ĐĂNG TRÌNH**

## **PHẦN VII - BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2025**

-----

### **TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

## **MỤC LỤC**

| <b><u>NỘI DUNG</u></b>                        | <b><u>TRANG</u></b> |
|-----------------------------------------------|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC                 | 64 - 65             |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP                     | 66 - 67             |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT                 | 68 - 70             |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT | 71                  |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT           | 72 - 73             |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT        | 74 - 117            |

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Công ty mẹ - Tổng Công ty”) và các Công ty con (Công ty mẹ - Tổng Công ty và các Công ty con được gọi chung là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

|                       |                                                  |
|-----------------------|--------------------------------------------------|
| Ông Cao Hoài Dương    | Chủ tịch                                         |
| Ông Nguyễn Đăng Trình | Thành viên                                       |
| Ông Nguyễn Mậu Dũng   | Thành viên                                       |
| Ông Lê Văn Nghĩa      | Thành viên                                       |
| Ông Trần Hoài Nam     | Thành viên                                       |
| Bà Nguyễn Linh Giang  | Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025)   |
| Ông Đoàn Văn Nhuộm    | Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025) |
| Ông Nguyễn Xuân Quyền | Thành viên độc lập                               |

#### **Ban Tổng Giám đốc**

|                       |                                                         |
|-----------------------|---------------------------------------------------------|
| Ông Nguyễn Đăng Trình | Tổng Giám đốc                                           |
| Ông Trương Đại Hoàng  | Phó Tổng Giám đốc                                       |
| Ông Lê Trung Hưng     | Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 03 tháng 4 năm 2025)   |
| Bà Lê Thị Thu Hương   | Phó Tổng Giám đốc                                       |
| Ông Hoàng Đình Tùng   | Phó Tổng Giám đốc                                       |
| Ông Võ Khánh Hưng     | Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 03 tháng 3 năm 2026) |

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và

- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Đăng Trình**  
**Tổng Giám đốc**  
Ngày 05 tháng 3 năm 2026



Số: 0274/VN1A-HN-BC

Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam  
Tầng 12, Tòa nhà Diamond Park Plaza  
16 Láng Hạ, Phường Giảng Võ  
Thành phố Hà Nội  
Việt Nam  
Điện thoại: +84 24 710 50000  
www.deloitte.com/vn

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Kính gửi:* **Các cổ đông**

**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

**Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Công ty mẹ - Tổng Công ty”) và các Công ty con (Công ty mẹ - Tổng Công ty và các Công ty con được gọi chung là “Tổng Công ty”), được lập ngày 05 tháng 3 năm 2026, từ trang 6 đến trang 55 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ** Như trình bày tại Thuyết minh số 19 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị khoản đầu tư của Tổng Công ty vào Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí (“PVB”), công ty liên kết của Tổng Công ty, được phản ánh tại ngày 31 tháng 12 năm

2025 là 86.769.670.407 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 271.593.756.068 đồng). Chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào PVB theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, dẫn đến việc chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về vấn đề này trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong năm 2025, Tổng Công ty đã ghi nhận bổ sung phần lỗ trong công ty liên kết, liên doanh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất với số tiền là 184,8 tỷ đồng (năm 2024: 0 đồng) dựa theo các đánh giá của Ban Tổng Giám đốc và số liệu thông tin tài chính tóm tắt chưa được kiểm toán của PVB cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được lập trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục trong khi tại ngày báo cáo hợp nhất này, dự án Nhà máy nhiên liệu sinh học Phú Thọ do PVB làm chủ đầu tư đã dừng triển khai và Tổng Công ty đang làm việc với các cổ đông của PVB và các bên liên quan về việc triển khai phương án phá sản cho PVB theo quy định của pháp luật. Dựa trên các thông tin hiện tại, chúng tôi cũng không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào PVB được phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như phần lỗ trong công ty liên kết, liên doanh có liên quan đến khoản đầu tư này cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

#### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **Các vấn đề cần nhấn mạnh**

Như trình bày tại Thuyết minh số 1, Thuyết minh số 2 và Thuyết minh số 8 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh (nếu có) liên quan đến việc quyết toán cổ phần hóa của Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (“PETEC” - Công ty con của Tổng Công ty) và Công ty mẹ - Tổng Công ty do PETEC và Công ty mẹ - Tổng Công ty chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày PETEC và Công ty mẹ - Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



**Nguyễn Quang Trung**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0733-2023-001-1  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM**  
Ngày 05 tháng 3 năm 2026  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Đỗ Trần Mạnh**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 6141-2023-001-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN                                      | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm               | Số đầu năm                |
|----------------------------------------------|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   | <b>100</b> |             | <b>38.937.992.400.304</b> | <b>35.543.078.564.691</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>110</b> | <b>5</b>    | <b>5.500.117.140.764</b>  | <b>4.123.668.695.965</b>  |
| 1. Tiền                                      | 111        |             | 4.152.408.650.355         | 2.757.928.959.997         |
| 2. Các khoản tương đương tiền                | 112        |             | 1.347.708.490.409         | 1.365.739.735.968         |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>         | <b>120</b> |             | <b>13.468.396.878.002</b> | <b>10.852.966.805.960</b> |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                    | 121        |             | 168.047                   | 168.047                   |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh  | 122        |             | (120.347)                 | (148.247)                 |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn           | 123        | 6           | 13.468.396.830.302        | 10.852.966.786.160        |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>      | <b>130</b> |             | <b>16.709.167.508.931</b> | <b>16.488.183.407.266</b> |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | 131        | 7           | 11.624.820.366.060        | 10.257.657.924.743        |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn          | 132        |             | 288.026.741.991           | 210.200.439.931           |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác                    | 136        | 8           | 5.647.430.106.482         | 6.851.993.590.990         |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi        | 137        | 9           | (857.462.540.185)         | (838.062.610.461)         |
| 5. Tài sản thiếu chờ xử lý                   | 139        |             | 6.352.834.583             | 6.394.062.063             |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                      | <b>140</b> | <b>10</b>   | <b>2.777.843.137.147</b>  | <b>3.540.185.208.884</b>  |
| 1. Hàng tồn kho                              | 141        |             | 2.792.855.534.098         | 3.540.400.938.532         |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho            | 149        |             | (15.012.396.951)          | (215.729.648)             |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>              | <b>150</b> |             | <b>482.467.735.460</b>    | <b>538.074.446.616</b>    |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                | 151        | 11          | 67.501.120.675            | 48.244.067.966            |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ       | 152        | 12          | 59.166.800.393            | 194.344.974.493           |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước  | 153        | 13          | 355.799.814.392           | 295.485.404.157           |

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN                                        | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm               | Số đầu năm                |
|------------------------------------------------|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                      | <b>200</b> |             | <b>6.672.237.461.111</b>  | <b>6.191.390.944.213</b>  |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>           | <b>210</b> |             | <b>50.308.898.770</b>     | <b>31.977.085.054</b>     |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng             | 211        | 7           | 19.718.254.473            | 20.449.094.473            |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn             | 216        | 8           | 50.308.898.770            | 31.611.665.054            |
| 3. Phải thu dài hạn khác                       | 219        | 9           | (19.718.254.473)          | (20.083.674.473)          |
| 4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi           |            |             |                           |                           |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                     | <b>220</b> |             | <b>3.701.417.142.785</b>  | <b>3.529.417.403.320</b>  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                    | 221        | 14          | 2.209.211.975.893         | 2.058.039.983.209         |
| - Nguyên giá                                   | 222        |             | 7.483.334.962.720         | 7.068.968.725.573         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                       | 223        |             | (5.274.122.986.827)       | (5.010.928.742.364)       |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính              | 224        | 15          | 4.896.520.704             | 6.571.060.687             |
| - Nguyên giá                                   | 225        |             | 7.283.780.091             | 8.551.263.997             |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                       | 226        |             | (2.387.259.387)           | (1.980.203.310)           |
| 3. Tài sản cố định vô hình                     | 227        | 16          | 1.487.308.646.188         | 1.464.806.359.424         |
| - Nguyên giá                                   | 228        |             | 1.890.533.621.525         | 1.832.391.653.985         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                       | 229        |             | (403.224.975.337)         | (367.585.294.561)         |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                | <b>230</b> | <b>17</b>   | <b>94.648.109.919</b>     | <b>98.067.904.587</b>     |
| - Nguyên giá                                   | 231        |             | 139.193.437.163           | 139.193.437.163           |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                       | 232        |             | (44.545.327.244)          | (41.125.532.576)          |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>             | <b>240</b> |             | <b>241.431.344.055</b>    | <b>208.531.485.428</b>    |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang             | 242        | 18          | 241.431.344.055           | 208.531.485.428           |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>             | <b>250</b> |             | <b>510.439.468.839</b>    | <b>707.543.604.915</b>    |
| 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết     | 252        | 19          | 444.956.972.805           | 640.875.493.556           |
| 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác              | 253        | 20          | 108.911.654.132           | 108.911.654.132           |
| 3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn           | 254        | 20          | (43.429.158.098)          | (42.243.542.773)          |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                | <b>260</b> |             | <b>2.073.992.496.743</b>  | <b>1.615.853.460.909</b>  |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                   | 261        | 11          | 2.073.971.133.107         | 1.615.832.097.273         |
| 2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263        |             | 21.363.636                | 21.363.636                |
| 3. Lợi thế thương mại                          |            |             |                           |                           |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>         | <b>270</b> |             | <b>45.610.229.861.415</b> | <b>41.734.469.508.904</b> |

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN                                   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm               | Số đầu năm                |
|---------------------------------------------|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
|                                             |            |             |                           |                           |
| <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                       | <b>300</b> |             | <b>34.055.115.033.846</b> | <b>30.286.081.721.273</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                       | <b>310</b> |             | <b>33.687.203.067.665</b> | <b>29.952.500.030.911</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn              | 311        | 21          | 16.688.155.673.666        | 13.532.386.670.554        |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn        | 312        |             | 114.122.669.017           | 74.715.783.727            |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước      | 313        | 13          | 1.111.363.671.418         | 831.226.700.666           |
| 4. Phải trả người lao động                  | 314        |             | 357.825.932.718           | 307.706.829.468           |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                | 315        | 22          | 120.228.368.675           | 94.877.481.392            |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn        | 318        |             | 8.227.718.137             | 13.431.228.603            |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác                   | 319        | 23          | 4.493.168.043.487         | 7.624.488.086.822         |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn        | 320        | 24          | 10.734.739.374.557        | 7.423.447.631.211         |
| 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                | 322        |             | 197.786.782.197           | 188.634.784.675           |
| 10. Quỹ bình ổn giá                         | 323        | 25          | (138.415.166.207)         | (138.415.166.207)         |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                       | <b>330</b> |             | <b>367.911.966.181</b>    | <b>333.581.690.362</b>    |
| 1. Phải trả người bán dài hạn               | 331        | 21          | -                         | 618.584.000               |
| 2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn         | 336        |             | 11.420.757.542            | 7.734.338.843             |
| 3. Phải trả dài hạn khác                    | 337        |             | 29.405.224.538            | 24.700.583.741            |
| 4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn         | 338        | 24          | 144.795.565.153           | 110.600.366.921           |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả          | 341        | 26          | 172.586.098.853           | 182.828.528.032           |
| 6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ     | 343        |             | 9.704.320.095             | 7.099.288.825             |
| <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                    | <b>400</b> |             | <b>11.555.114.827.569</b> | <b>11.448.387.787.631</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                    | <b>410</b> | <b>27</b>   | <b>11.555.114.827.569</b> | <b>11.448.387.787.631</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                   | 411        |             | 10.342.295.000.000        | 10.342.295.000.000        |
| 2. Vốn khác của chủ sở hữu                  | 414        |             | 46.336.045.222            | 23.612.446.327            |
| 3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản          | 416        |             | (163.981.446.150)         | (163.981.446.150)         |
| 4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái               | 417        |             | (90.876.457.352)          | (112.620.670.583)         |
| 5. Quỹ đầu tư phát triển                    | 418        |             | 232.085.924.925           | 248.191.611.116           |
| 6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu            | 420        |             | 26.304.465.771            | 25.872.097.529            |
| 7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối        | 421        |             | 129.441.320.807           | 69.573.192.438            |
| - (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước            | 421a       |             | (225.446.679.424)         | (257.014.772.452)         |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | 421b       |             | 354.888.000.231           | 326.587.964.890           |
| 8. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát      | 429        | 28          | 1.033.509.974.346         | 1.015.445.556.954         |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b><br>(440=300+400) | <b>440</b> |             | <b>45.610.229.861.415</b> | <b>41.734.469.508.904</b> |

Phùng Tố Vân  
Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Ninh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Đăng Trình  
Tổng Giám đốc  
Ngày 05 tháng 3 năm 2026

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                                                      | Thuyết minh |           | Năm nay                    | Năm trước                  |
|-------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------|----------------------------|----------------------------|
|                                                                               | Mã số       |           |                            |                            |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                                     | 01          | 31        | 150.560.541.732.558        | 124.468.577.433.501        |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                                               | 02          | 31        | 3.962.885.173              | 8.938.566.744              |
| 3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>          | <b>10</b>   | <b>31</b> | <b>150.556.578.847.385</b> | <b>124.459.638.866.757</b> |
| 4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp                                       | 11          | 32        | 146.163.095.709.193        | 120.320.303.001.607        |
| 5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>            | <b>20</b>   |           | <b>4.393.483.138.192</b>   | <b>4.139.335.865.150</b>   |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                                              | 21          | 34        | 785.104.315.492            | 674.301.503.214            |
| 7. Chi phí tài chính                                                          | 22          | 35        | 450.165.619.672            | 357.145.880.617            |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay                                                   | 23          |           | 339.136.317.595            | 188.029.415.891            |
| 8. Phần (lỗ)/lãi trong công ty liên kết, liên doanh                           | 24          | 19        | (176.456.156.767)          | 14.247.712.497             |
| 9. Chi phí bán hàng                                                           | 25          | 36        | 2.885.598.738.282          | 2.774.265.069.214          |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp                                              | 26          | 36        | 1.087.627.702.836          | 1.077.540.899.929          |
| 11. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))</b> | <b>30</b>   |           | <b>578.739.236.127</b>     | <b>618.933.231.101</b>     |
| 12. Thu nhập khác                                                             | 31          | 37        | 298.215.954.547            | 58.673.745.327             |
| 13. Chi phí khác                                                              | 32          | 37        | 222.921.621.336            | 44.461.820.069             |
| 14. <b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>                                          | <b>40</b>   | <b>37</b> | <b>75.294.333.211</b>      | <b>14.211.925.258</b>      |
| 15. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>                       | <b>50</b>   |           | <b>654.033.569.338</b>     | <b>633.145.156.359</b>     |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                              | 51          | 38        | 162.499.344.546            | 146.891.912.999            |
| 17. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại                    | 52          |           | (11.902.036.889)           | 11.821.159.043             |
| 18. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>             | <b>60</b>   |           | <b>503.436.261.681</b>     | <b>474.432.084.317</b>     |
| Trong đó:                                                                     |             |           |                            |                            |
| 18.1. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ                                       | 61          |           | 434.732.765.729            | 411.034.698.303            |
| 18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát                          | 62          |           | 68.703.495.952             | 63.397.386.014             |
| 19. <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                                           | <b>70</b>   | <b>39</b> | <b>343</b>                 | <b>276</b>                 |

Phùng Tố Vân  
Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Ninh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Đăng Trình  
Tổng Giám đốc  
Ngày 05 tháng 3 năm 2026

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                                                                  | Mã số     | Năm nay                    | Năm trước                |
|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|----------------------------|--------------------------|
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                                         |           |                            |                          |
| <b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>                                                            | <b>01</b> | <b>654.033.569.338</b>     | <b>633.145.156.359</b>   |
| <b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>                                                       |           |                            |                          |
| Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư và phân bổ lợi thế thương mại               | 02        | 330.628.528.329            | 307.066.321.875          |
| Các khoản dự phòng                                                                        | 03        | 35.016.764.452             | (7.956.282.965)          |
| (Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04        | (17.027.667.978)           | 46.415.942.466           |
| Lãi từ hoạt động đầu tư                                                                   | 05        | (452.370.206.069)          | (563.081.493.118)        |
| Chi phí lãi vay                                                                           | 06        | 339.136.317.595            | 188.029.415.891          |
| Các khoản điều chỉnh khác                                                                 | 07        | 8.000.000.000              | 5.913.234.282            |
| <b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>                   | <b>08</b> | <b>897.417.305.667</b>     | <b>609.532.294.790</b>   |
| Tăng các khoản phải thu                                                                   | 09        | (110.096.198.716)          | (3.696.556.697.572)      |
| Giảm hàng tồn kho                                                                         | 10        | 747.545.404.434            | 649.236.024.217          |
| Tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)  | 11        | 412.084.824.504            | 2.248.841.692.917        |
| Tăng chi phí trả trước                                                                    | 12        | (477.396.088.543)          | (228.500.437.058)        |
| Tiền lãi vay đã trả                                                                       | 14        | (322.579.164.874)          | (186.749.153.172)        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                                         | 15        | (125.304.424.067)          | (104.185.926.756)        |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                                    | 17        | (111.598.560.907)          | (107.603.736.936)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                      | <b>20</b> | <b>910.073.097.498</b>     | <b>(815.985.939.570)</b> |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                                            |           |                            |                          |
| 1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                            | 21        | (564.376.029.801)          | (399.194.445.239)        |
| 2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                         | 22        | 26.757.937.756             | 4.138.329.212            |
| 3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác                                       | 23        | (14.022.772.959.785)       | (12.412.725.027.532)     |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                           | 24        | 11.406.042.915.643         | 11.449.322.496.876       |
| 5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                    | 27        | 528.922.794.840            | 751.059.775.118          |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                          | <b>30</b> | <b>(2.625.425.341.347)</b> | <b>(607.398.871.565)</b> |

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                                  | Mã số     | Năm nay                  | Năm trước                  |
|-----------------------------------------------------------|-----------|--------------------------|----------------------------|
| <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>        |           |                          |                            |
| 1. Tiền thu từ đi vay (*)                                 | 33        | 4.232.173.707.124        | 4.650.037.576.614          |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay (*)                                | 34        | (885.348.286.243)        | (4.170.391.674.018)        |
| 3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính                         | 35        | (1.338.479.303)          | (1.353.779.754)            |
| 4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                | 36        | (302.576.764.633)        | (229.693.261.285)          |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>       | <b>40</b> | <b>3.042.910.176.945</b> | <b>248.598.861.557</b>     |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>      | <b>50</b> | <b>1.327.557.933.096</b> | <b>(1.174.785.949.578)</b> |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>                   | <b>60</b> | <b>4.123.668.695.965</b> | <b>5.377.029.776.926</b>   |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ   | 61        | 26.442.465.512           | (39.319.025.940)           |
| Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo                   | 62        | 22.448.046.191           | (39.256.105.443)           |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61+62)</b> | <b>70</b> | <b>5.500.117.140.764</b> | <b>4.123.668.695.965</b>   |

(\*) Trong năm, Tổng Công ty phát sinh các giao dịch liên quan đến việc vay/trả các khoản vay ngắn hạn có kỳ hạn không quá 03 tháng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty. Dòng tiền liên quan đến các giao dịch này được trình bày trên cơ sở thuần trong phần lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính nêu trên. Cho mục đích cung cấp thêm thông tin, tiền thu từ đi vay ngắn hạn và tiền trả nợ vay ngắn hạn thuộc các hợp đồng vay có kỳ hạn không quá 03 tháng được trình bày như sau:

| CHỈ TIÊU               | Mã số | Năm nay              | Năm trước            |
|------------------------|-------|----------------------|----------------------|
| 1. Tiền thu từ đi vay  | 33    | 42.343.386.282.349   | 32.066.217.759.058   |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay | 34    | (39.144.671.502.995) | (28.154.928.419.321) |

  
**Phùng Tố Vân**  
 Người lập biểu

  
**Nguyễn Ngọc Ninh**  
 Kế toán trưởng

  
  
**Nguyễn Đăng Trình**  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 05 tháng 3 năm 2026

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo*

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các Công ty con (Công ty mẹ và các Công ty con được gọi chung là “Tổng Công ty”), trước đây là Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên, là đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam (tên gọi trước đây là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (“PVN”)). Theo Quyết định số 1250/QĐ-DKVN ngày 06 tháng 6 năm 2008 của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam, Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên được thành lập trên cơ sở hợp nhất Tổng Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dầu khí và Công ty TNHH Một thành viên Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm Dầu mỏ.

Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104005189 ngày 26 tháng 6 năm 2008 và thay đổi lần 16 ngày 16 tháng 01 năm 2016. Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2008 với vốn điều lệ là 7.220.000.000.000 đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 16 ngày 16 tháng 01 năm 2016, vốn điều lệ sau điều chỉnh của Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên là 10.884.251.000.000 đồng.

Từ ngày 01 tháng 8 năm 2018, Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động sang công ty cổ phần với tên gọi Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 17 ngày 01 tháng 8 năm 2018 và cập nhật thay đổi lần thứ 21 ngày 05 tháng 8 năm 2025. Vốn điều lệ của Tổng Công ty sau khi chuyển thành công ty cổ phần là 10.342.295.000.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty mẹ được chấp thuận giao dịch trên Thị trường công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCoM”) vào ngày 07 tháng 3 năm 2018 với mã chứng khoán là OIL.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng số nhân viên của Tổng Công ty (không bao gồm các công ty con) là 695 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 685 người).

#### Hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

- Kinh doanh sản phẩm dầu: Kinh doanh và xuất nhập khẩu sản phẩm Ethanol; Kinh doanh và xuất nhập khẩu dầu và dầu thô trong và ngoài nước; Phân phối và kinh doanh sản phẩm dầu; Sản xuất sản phẩm Ethanol, sản phẩm dầu; Kinh doanh nhiên liệu máy bay; Xuất nhập khẩu sản phẩm dầu và các sản phẩm có nguồn gốc từ dầu, hóa chất; Kinh doanh và xuất nhập khẩu vật tư thiết bị trong chế biến và kinh doanh sản phẩm dầu; Mua bán phân bón; Kinh doanh hóa chất trong lĩnh vực chế biến sản phẩm dầu.
- Dịch vụ: Cho thuê kho bãi; Cho thuê xe ô tô, xe có động cơ khác, kho xăng dầu, cửa hàng xăng dầu, hệ thống thiết bị pha chế xăng dầu; Đại lý tàu biển; Môi giới và cung ứng tàu biển, vận tải dầu khô và sản phẩm dầu; Hoạt động điều hành cảng biển, cảng đường thủy nội địa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải ven biển và viễn dương, vận tải đường thủy nội địa; Hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe ô tô; Kinh doanh khách sạn, du lịch; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác, mô tô, xe máy; Tư vấn đầu thầu; Xây dựng các hệ thống bồn, bể chứa sản phẩm dầu; Dịch vụ lấy mẫu, phân tích và thử nghiệm mẫu xăng dầu; Quảng cáo tại các kho xăng dầu, cửa hàng xăng dầu và trên các phương tiện vận tải xăng dầu..

#### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

## Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty gồm Công ty mẹ và 25 công ty con. Danh sách các công ty con như sau:

| Tên công ty con                                       | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ quyền biểu quyết |             | Hoạt động chính                                                                                                                                                       |
|-------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                       |                            | Tỷ lệ phần sở hữu (%)  | nắm giữ (%) |                                                                                                                                                                       |
| Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa (ii)      | Thanh Hóa                  | 100,00%                | 100,00%     | Kinh doanh xăng, dầu các loại; kinh doanh thương mại, dịch vụ thương mại; kinh doanh xuất nhập khẩu; khai thác, chế biến khoáng sản; bất động sản...                  |
| Công ty TNHH MTV Kinh doanh dầu nội địa PVOIL Lào     | Lào                        | 100,00%                | 100,00%     | Bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm có liên quan.                                                                                                                         |
| Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Lào                 | Lào                        | 100,00%                | 100,00%     | Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm có liên quan.                                                                                                                       |
| Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Bạc Liêu (iv)       | Cà Mau                     | 100,00%                | 100,00%     | Bán buôn thực phẩm. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Mua bán xăng dầu và các sản phẩm liên quan.                                              |
| Công ty TNHH MTV Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam    | Tp. Hồ Chí Minh            | 100,00%                | 100,00%     | Vận tải hàng hoá đường bộ. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí. Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh.                                             |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận           | Lâm Đồng                   | 95,26%                 | 95,26%      | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Vận tải hàng hoá bằng đường bộ.                |
| Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP (i) | Tp. Hồ Chí Minh            | 94,78%                 | 95,09%      | Xuất nhập khẩu, tổ chức kênh bán buôn xăng dầu; chi tiết xuất nhập khẩu thiết bị toàn bộ, máy móc và thiết bị lẻ; xuất nhập khẩu phân bón; cung cấp dịch vụ hàng hải. |
| Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông                       | Cần Thơ                    | 89,37%                 | 89,37%      | Xây dựng tổng kho xăng dầu. Chế biến và kinh doanh các sản phẩm dầu khí, xuất nhập khẩu các sản phẩm dầu mỏ.                                                          |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân              | Quảng Ninh                 | 80,19%                 | 80,19%      | Kho bãi và lưu giữ hàng hoá. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Vận tải hàng hoá và đường bộ và thuỷ.                                      |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV OIL Miền Trung    | Đà Nẵng                    | 72,29%                 | 72,29%      | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa.                   |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV OIL Hải Phòng     | Hải Phòng                  | 72,00%                 | 72,00%      | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa.                   |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội               | Hà Nội                     | 71,84%                 | 71,84%      | Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm có liên quan. Dịch vụ kho cảng. Vận tải hàng hoá.                                                                                 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ              | Phú Thọ                    | 71,68%                 | 71,68%      | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Vận chuyển các sản phẩm dầu khí.                                                                        |

| Tên công ty con                                     | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ phần sở hữu (%) | Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%) | Hoạt động chính                                                                                                                                     |
|-----------------------------------------------------|----------------------------|-----------------------|------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hưng Yên           | Hưng Yên                   | 68,00%                | 68,00%                             | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Xây dựng các loại nhà.                                                                |
| Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ | Tp. Hồ Chí Minh            | 67,64%                | 67,64%                             | Bán buôn, bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm có liên quan. Sản xuất chế biến nhiên liệu và dung môi. Kinh doanh nhiên liệu sinh học.                   |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên            | Đắk Lắk                    | 67,13%                | 67,13%                             | Mua bán xăng dầu và các sản phẩm liên quan; mua bán khí đốt; vận tải hàng hoá.                                                                      |
| Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil                     | Tp. Hồ Chí Minh            | 62,66%                | 62,66%                             | Khai thác, sản xuất, vận chuyển, bán buôn và bán lẻ các sản phẩm liên quan đến xăng, dầu và khí đốt.                                                |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (iii)      | Tp. Hồ Chí Minh            | 65,18%                | 66,93%                             | Kinh doanh xăng dầu. Khai thác dầu thô. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên. Sản xuất hoá chất cơ bản.                       |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu           | Tp. Hồ Chí Minh            | 57,18%                | 57,18%                             | Bán buôn, bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm có liên quan. Sản xuất chế biến nhiên liệu và dung môi. Kinh doanh nhiên liệu sinh học.                   |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định           | Ninh Bình                  | 56,75%                | 56,75%                             | Mua bán, kinh doanh các sản phẩm dầu mỏ. Đại lý bán buôn, bán lẻ xăng dầu. Kinh doanh nhiên liệu sinh học.                                          |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng           | Hà Tĩnh                    | 56,50%                | 56,50%                             | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Kho bãi và lưu giữ hàng hoá. Vận tải hàng hoá bằng đường thuỷ nội địa.                |
| Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức   | Tp. Hồ Chí Minh            | 51,01%                | 51,01%                             | Kinh doanh xăng, dầu, mỡ, nhớt. Kinh doanh vận tải xăng dầu. Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Sắt thép, vật liệu xây dựng.                      |
| Công ty TNHH MTV Kinh doanh dầu Quốc tế Singapore   | Singapore                  | 51,00%                | 51,00%                             | Mua bán, kinh doanh các loại dầu thô và các sản phẩm dầu trên thị trường quốc tế. Tham gia mua bán và cung cấp dầu thô tại Việt Nam.                |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Thái Bình           | Hưng Yên                   | 51,00%                | 51,00%                             | Bán buôn và kinh doanh nước khoáng.                                                                                                                 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Campuchia          | Campuchia                  | 51,00%                | 51,00%                             | Đang trong quá trình thành lập.                                                                                                                     |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh (iii)     | Tây Ninh                   | 0,00%                 | 0,00%                              | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa. |
| Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh (iv)     | Vĩnh Long                  | 0,00%                 | 0,00%                              | Kinh doanh xăng dầu, kinh doanh hàng tiêu dùng.                                                                                                     |

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty ghi nhận và phản ánh trên báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty khoản góp vốn cổ phần vào PETEC lớn hơn giá trị PETEC đang theo dõi và hạch toán với số tiền 111.225.298.544 đồng (so với giá trị đầu tư trước điều chỉnh theo giá trị đánh giá lại để cổ phần hóa là 2.464.251.000.000 đồng). Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng khoản chênh lệch này sẽ được xử lý khi PETEC thực hiện xong

công tác quyết toán cổ phần hóa. Ngày 12 tháng 02 năm 2025, Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam đã ban hành Nghị quyết số 1004/NQ-DKVN chấp thuận chủ trương dừng chuyển nhượng cổ phần của Tổng Công ty tại PETEC cho Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP (“PV GAS”).

- (ii) Ngày 25 tháng 12 năm 2024, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 93/NQ-DVN về việc phê duyệt kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh 5 năm từ năm 2025 đến năm 2029 và Phương án tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa (“PVOIL Thanh Hóa”). Theo đó, vốn điều lệ của PVOIL Thanh Hóa sau khi tăng là 200.000.000.000 đồng (vốn điều lệ hiện tại là 97.205.000.000 đồng). Công ty mẹ - Tổng Công ty đã chuyển số tiền 80.073.593.305 đồng tương ứng phần tăng vốn điều lệ cho PVOIL Thanh Hóa vào ngày 22 tháng 01 năm 2025.
- (iii) Ngày 03 tháng 3 năm 2025, Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh (“PVOIL Tây Ninh”) đã hoàn tất các thủ tục sáp nhập vào Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (“PVOIL Sài Gòn”) căn cứ theo Nghị quyết số 43/NQ-DVN ngày 10 tháng 06 năm 2024 về việc phê duyệt phương án sáp nhập PVOIL Tây Ninh vào PVOIL Sài Gòn và hợp đồng sáp nhập số 58/XDSG.PVOIL-PVOILTN/08-24/K ký ngày 20 tháng 08 năm 2024. Ngày 03 tháng 3 năm 2025, PVOIL Sài Gòn đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 12 ngày 03 tháng 3 năm 2025 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Theo đó, kể từ ngày 03 tháng 3 năm 2025, mọi giao dịch, nghĩa vụ và quyền lợi liên quan đến khách hàng, đối tác của PVOIL Tây Ninh được chuyển giao và thực hiện tại PVOIL Sài Gòn.
- (iv) Ngày 30 tháng 11 năm 2025, Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh (“PVOIL Trà Vinh”) đã hoàn tất các thủ tục sáp nhập vào Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Bạc Liêu (“PVOIL Bạc Liêu”) căn cứ theo Nghị quyết số 76/NQ-DVN ngày 16 tháng 09 năm 2025 về việc phê duyệt phương án sáp nhập PVOIL Trà Vinh vào PVOIL Bạc Liêu và hợp đồng sáp nhập số 09/HĐSN-PVOILTV-PVOILBL/2025 ký ngày 13 tháng 11 năm 2025. Ngày 01 tháng 12 năm 2025, PVOIL Bạc Liêu đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 22 do Sở Tài chính tỉnh Cà Mau cấp. Theo đó, kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2025, mọi giao dịch, nghĩa vụ và quyền lợi liên quan đến khách hàng, đối tác của PVOIL Trà Vinh được chuyển giao và thực hiện tại PVOIL Bạc Liêu.

### Danh sách các công ty liên kết sở hữu trực tiếp:

| Tên công ty liên kết                                   | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ phần sở hữu (%) | Tỷ lệ quyền biểu quyết (%) | Hoạt động chính                                                                                                                                        |
|--------------------------------------------------------|----------------------------|-----------------------|----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Công ty Cổ phần Điều Phú Yên                           | Đắk Lắk                    | 47,79%                | 47,79%                     | Sản xuất, chế biến hàng nông sản xuất khẩu,...                                                                                                         |
| Công ty Cổ phần Thương mại Thạch Hãn                   | Quảng Trị                  | 44,99%                | 44,99%                     | Kinh doanh xăng dầu, công nghệ phẩm, nông sản, thực phẩm,...                                                                                           |
| Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu                      | Tp. Hồ Chí Minh            | 44,87%                | 44,94%                     | Xuất nhập khẩu xăng dầu, vận chuyển hàng hóa                                                                                                           |
| Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí | Hà Nội                     | 39,76%                | 39,76%                     | Sản xuất, kinh doanh nhiên liệu sinh học                                                                                                               |
| Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung | Quảng Ngãi                 | 34,28%                | 34,28%                     | Sản xuất, kinh doanh nhiên liệu sinh học                                                                                                               |
| (i) Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí                 | Tp. Hồ Chí Minh            | 29,00%                | 29,00%                     | Mua bán thiết bị, phụ tùng, vật tư, hóa chất ngành dầu khí                                                                                             |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình             | Ninh Bình                  | 20,26%                | 33,30%                     | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chuẩn bị mặt bằng. Kho bãi và lưu giữ hàng hoá. Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương. |

- (i) Ngày 27 tháng 5 năm 2024, Tòa án Nhân dân Tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành quyết định 01/2024/QĐ-MTTP5 mở thủ tục phá sản đối với Công ty Cổ phần nhiên liệu Sinh học Dầu Khí Miền Trung (“BSR-BF”). Ngày 28 tháng 11 năm 2025, BSR-BF đã có công văn số 115/BSR-BF-KHHD gửi TAND Tỉnh Quảng Ngãi, Đơn vị quản tài viên và các chủ nợ về cập nhật phương án phục hồi hoạt động chạy lại Nhà máy Bio-ethanol Dung Quất. Ngày 23 tháng 01 năm 2026, Hội nghị chủ nợ đã họp và thống nhất thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh và tán thành Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi kinh doanh; thời hạn thực hiện phương án phục hồi kinh doanh là 05 (năm) năm kể từ ngày công nhận Nghị quyết thông qua phương án phục hồi kinh doanh.

#### Danh sách các công ty liên doanh sở hữu trực tiếp:

| Tên công ty liên doanh                          | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ phần sở hữu % | Hoạt động chính                         |
|-------------------------------------------------|----------------------------|---------------------|-----------------------------------------|
| Công ty TNHH Nhiên liệu Sinh học Phương Đông    | Đồng Nai                   | 30,20%              | Sản xuất kinh doanh nhiên liệu sinh học |
| Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam | Tp. Hồ Chí Minh            | 19,00%              | Đầu tư xây dựng kho ngầm chứa xăng dầu  |
| Công ty TNHH Hóa chất Chất hóa dẻo VINA         | Đồng Nai                   | 15,00%              | Sản xuất và kinh doanh dầu hoá dẻo DOP  |

#### Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

### Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Quyết toán cổ phần hóa

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 chưa bao gồm các điều chỉnh (nếu có) liên quan đến việc quyết toán cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty do Tổng Công ty chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày Công ty mẹ - Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

### Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## 3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ ĐƯỢC BAN HÀNH NHƯNG CHƯA CÓ HIỆU LỰC

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các văn bản như sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (trừ các nội dung liên quan đến kế toán cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước),
- Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư 200,
- Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 200, và
- Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho các kỳ kế toán trong tương lai, bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính

kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

## Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty mẹ với các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

## Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

## Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

## Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập (có pháp nhân hoặc không có pháp nhân) trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát và bên tham gia được hưởng lợi nhuận được chia phát sinh từ hoạt động của hợp tác kinh doanh.

Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát có hình thành pháp nhân theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên doanh được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên doanh sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên doanh vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên doanh đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên doanh đó) không được ghi nhận.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Tổng Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

### **Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại trong vòng 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

## Các khoản đầu tư tài chính

### Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

### Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư góp vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Tổng Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư khi có bằng chứng cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

## Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

## Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho đối với hoạt động thương mại bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc hàng tồn kho được sản xuất bao gồm chi phí nguyên

vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

|                                          | <b>Số năm</b> |
|------------------------------------------|---------------|
| Nhà xưởng và vật kiến trúc               | 5 - 50        |
| Máy móc và thiết bị                      | 3 - 20        |
| Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn | 6 - 30        |
| Thiết bị quản lý                         | 3 - 10        |
| Tài sản cố định khác                     | 4 - 7         |

Các tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty đã được đánh giá lại khi thực hiện cổ phần hóa. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán cổ phần hóa theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

#### Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

#### Tổng Công ty là bên đi thuê

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên

số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty. Tuy nhiên, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó:

|                     | Số năm |
|---------------------|--------|
| Phương tiện vận tải | 4 - 10 |

### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính và các tài sản cố định vô hình khác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo thời hạn quy định trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

Các tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty được đánh giá lại khi thực hiện cổ phần hóa. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

### Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà xưởng, vật kiến trúc và cơ sở hạ tầng do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính.

### Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm giá trị tiền thuê đất, thuê văn phòng, thuê tài sản, giá trị thương hiệu và lợi thế vị trí địa lý, giá trị quyền sử dụng đất và các chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất, thuê văn phòng, thuê tài sản thể hiện số tiền thuê đã được trả trước. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Giá trị thương hiệu, quyền sử dụng đất và lợi thế vị trí địa lý thể hiện giá trị thương hiệu và giá trị lợi thế vị trí địa lý đối với đất thuê không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Giá trị thương hiệu và lợi thế vị trí địa lý được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất còn lại hoặc theo thời gian sử dụng của tài sản cố định trên đất.

Chi phí trả trước khác bao gồm chi phí san lấp mặt bằng, giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng chờ phân bổ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính và các quy định hiện hành.

### Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

### Quỹ bình ổn giá xăng dầu

Quỹ bình ổn giá xăng dầu được trích lập và sử dụng theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 (“Nghị định 83”) của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2021 (“Nghị định 95”) của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 83 về kinh doanh xăng dầu; Nghị định số 80/2023/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2023 (“Nghị định 80”) của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 95 và Nghị định 83 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; Thông tư 103/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 11 năm 2021 (“Thông tư 103”) do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn phương thức trích lập, chi sử dụng, quản lý Quỹ bình ổn giá xăng dầu.

Quỹ bình ổn giá xăng dầu được trích lập bằng một khoản tiền cụ thể, cố định trong giá cơ sở của lượng xăng dầu thực tế tiêu thụ và được xác định là một khoản mục chi phí trong cơ cấu giá cơ sở theo các quy định hiện hành.

Quỹ bình ổn giá xăng dầu được sử dụng theo công văn chỉ đạo của Bộ Công thương từng thời kỳ. Việc sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu dựa trên sản lượng thực tế tiêu thụ nhân với mức sử dụng trên một lít xăng dầu theo quy định của Bộ Công thương.

### Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước liên quan đến một hay nhiều niên độ kế toán cho hàng hóa hay dịch vụ chưa được cung cấp hoặc chuyển giao. Tổng Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Tổng Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

### Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng Công ty. Quỹ được hình thành trên cơ sở trích lập tối đa 10% từ thu nhập tính thuế

thu nhập doanh nghiệp và được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tài chính.

### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

### **Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ trong năm báo cáo nhưng đến năm sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại. Tổng Công ty ghi giảm doanh thu ghi nhận trong năm báo cáo nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Theo hướng dẫn tại Công văn số 4360/DKVN-TCKT ngày 30 tháng 6 năm 2015 và Công văn số 3124/DKVN-TCKT ngày 13 tháng 5 năm 2015 của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam, Tổng Công ty áp dụng tỷ giá mua vào do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố để chuyển đổi các khoản mục tiền tệ gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025. Tỷ giá này có sự khác biệt so với tỷ giá quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, sự khác biệt này không ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Để phục vụ mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, tài sản và công nợ liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty tại nước ngoài (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ của báo cáo theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính. Các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của năm tài chính trừ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm, trong trường hợp đó sẽ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, sẽ được phân loại vào nguồn vốn chủ sở hữu và được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái”. Chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm chấm dứt hoạt động tại nước ngoài của Tổng Công ty.

Lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh khi Tổng Công ty thực hiện hoạt động tại nước ngoài được hạch toán như tài sản và nợ phải trả liên quan đến hoạt động tại nước ngoài và được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính này.

### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không tính thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## 5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

|                                     | Số cuối năm<br>VND       | Số đầu năm<br>VND        |
|-------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Tiền mặt                            | 24.739.631.885           | 31.588.650.367           |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i) | 4.107.003.407.136        | 2.724.883.847.192        |
| Tiền đang chuyển                    | 20.665.611.334           | 1.456.462.438            |
| Các khoản tương đương tiền (i)      | 1.347.708.490.409        | 1.365.739.735.968        |
|                                     | <b>5.500.117.140.764</b> | <b>4.123.668.695.965</b> |

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng và hưởng lãi suất từ 0,2% đến 4,8%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 0,5% đến 4,7%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm số tiền 1.471.764.249 đồng và 3.776.074 Đô la Mỹ là tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.471.764.249 đồng và 3.776.074 Đô la Mỹ) và 85.500.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.099.500.000 đồng) là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng (“tương đương tiền”); đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm khoản tiền gửi có kỳ hạn với số tiền 272.453.236.997 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 271.439.236.997 đồng) là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 06 tháng đến 12 tháng (được trình bày tại Thuyết minh số 6) tại Ngân hàng TMCP Đại Dương (nay là Ngân hàng TNHH Một thành viên Việt Nam Hiện Đại - “Modern Bank”) bị hạn chế chi trả theo Chỉ thị số 600/2015/CT-TGD ngày 13 tháng 02 năm 2015 của Ngân hàng TMCP Đại Dương về việc tạm dừng cung cấp dịch vụ thanh toán cho các tổ chức kinh tế thuộc Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam để tiến hành rà soát, thẩm định hồ sơ thanh toán của khách hàng. Hiện nay, Ngân hàng TNHH Một thành viên Việt Nam Hiện Đại đã được Ngân hàng TMCP Quân đội (“MB”) nhận chuyển giao bắt buộc, sở hữu 100% vốn của Modern Bank theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, theo đó Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá và tin tưởng rằng các khoản tiền gửi này sẽ được giao dịch trở lại trong thời gian tới.

## 6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng bằng Đồng Việt Nam có thời gian đáo hạn từ trên 3 tháng đến 1 năm và hưởng lãi suất từ 2,9% đến 7,0%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 2,9% đến 9,0%/năm).

## 7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

|                                                                   | Số cuối năm<br>VND        | Số đầu năm<br>VND         |
|-------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| <b>a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>                        |                           |                           |
| Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (i)                          | 1.894.438.631.745         | 6.255.007.763.231         |
| Extap Singapore                                                   | 1.702.987.315.731         | -                         |
| Mercuria Energy Trading SA                                        | 1.693.688.633.040         | -                         |
| Vitol Asia Pte Ltd                                                | 1.040.816.515.357         | -                         |
| Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam               | 1.029.171.038.878         | 4.471.200.000             |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình                        | 620.497.122.998           | 591.470.835.986           |
| PNX Petroleum Singapore Pte Ltd                                   | 498.099.128.102           | 599.684.494.293           |
| Các khách hàng khác                                               | 3.145.121.980.209         | 2.807.023.631.233         |
|                                                                   | <b>11.624.820.366.060</b> | <b>10.257.657.924.743</b> |
| <b>b. Phải thu dài hạn của khách hàng</b>                         |                           |                           |
| Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Xuất nhập khẩu Tân Đình Phong | 12.839.699.605            | 12.839.699.605            |
| Công ty TNHH Hương Giang                                          | 6.315.000.000             | 6.315.000.000             |
| Các khách hàng khác                                               | 563.554.868               | 1.294.394.868             |
|                                                                   | <b>19.718.254.473</b>     | <b>20.449.094.473</b>     |

*Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 41)*

3.702.715.009.186 6.988.558.288.447

- (i) Phản ánh khoản phải thu về phí ủy thác và tiền dầu thô liên quan đến việc thực hiện các hoạt động mua, nhập khẩu ủy thác và bán hàng cho Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.

## 8. PHẢI THU KHÁC

|                                                                                                    | Số cuối năm<br>VND       | Số đầu năm<br>VND        |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>a. Phải thu ngắn hạn khác</b>                                                                   |                          |                          |
| Thu hộ, trả hộ tiền đầu thô xuất nhập khẩu ủy thác                                                 | 3.970.686.066.957        | 5.916.277.104.445        |
| Phải thu khác Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam                                  | 204.470.244.455          | 172.131.795.269          |
| - <i>Phải thu khác Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam (i)</i>                     | 169.785.513.359          | 169.785.513.359          |
| - <i>Lợi nhuận tạm phân phối Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam</i>               | 34.684.731.096           | 2.346.281.910            |
| Thuế tiêu thụ đặc biệt chờ khấu trừ, thuế bảo vệ môi trường và thuế nhập khẩu ưu đãi chờ hoàn (ii) | 183.585.433.008          | 157.004.568.727          |
| Phải thu về cổ phần hóa (iii)                                                                      | 6.253.479.545            | 6.253.479.545            |
| Hợp đồng BCC số 13/2021/PVGAS/TT-PVOIL/D4 (iv)                                                     | 815.284.832.489          | 90.764.719.853           |
| Phải thu khác                                                                                      | 467.150.050.028          | 509.561.923.151          |
|                                                                                                    | <b>5.647.430.106.482</b> | <b>6.851.993.590.990</b> |
| <b>b. Phải thu dài hạn khác</b>                                                                    |                          |                          |
| Phải thu về chuyển nhượng dự án Petroland                                                          | 3.854.491.745            | 7.729.035.600            |
| Ký quỹ, ký cược dài hạn                                                                            | 42.248.818.621           | 19.529.429.090           |
| Cảng cá Ba Tri - Bến Tre                                                                           | 3.894.542.579            | 3.999.829.019            |
| Phải thu khác dài hạn                                                                              | 311.045.825              | 353.371.345              |
|                                                                                                    | <b>50.308.898.770</b>    | <b>31.611.665.054</b>    |

*Trong đó: Phải thu khác từ các bên liên quan  
(Chi tiết tại Thuyết minh số 41)*

3.343.536.543.677 2.996.706.869.419

- (i) Phải thu khác Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam bao gồm khoản lỗ lũy kế từ ngày 30 tháng 6 năm 2010 đến ngày 18 tháng 5 năm 2011 - là thời điểm Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (“PETEC”) (Công ty con của Tổng Công ty) chính thức chuyển sang loại hình công ty cổ phần với số tiền là 169.785.513.359 đồng. Khoản phải thu này phát sinh từ việc xác định phần vốn nhà nước tại PETEC tại ngày 18 tháng 5 năm 2011 nhưng chưa được Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quyết toán cổ phần hóa.
- (ii) Phản ánh số thuế tiêu thụ đặc biệt của nguyên vật liệu condensate và hàng pha chế chờ được khấu trừ, thuế bảo vệ môi trường và thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt chờ hoàn từ Ngân sách Nhà nước.
- (iii) Phản ánh các khoản chi phí phát sinh liên quan đến quá trình cổ phần hóa. Giá trị này có thể được điều chỉnh lại khi có phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền.
- (iv) Phản ánh khoản phải thu liên quan đến Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh số 13/2021/PVGAS/TT-PVOIL/D4 (“Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh” hoặc “BCC”) ngày 21 tháng 01 năm 2021 giữa Tổng Công ty và Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần (“PVGAS”) để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên theo thỏa thuận của Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh dưới hình thức chia lợi nhuận sau thuế. Theo thỏa thuận giữa các bên, Tổng Công ty được ủy quyền quản lý và điều hành dự án cũng như thực hiện hạch toán kết quả kinh doanh của Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh và phân chia lợi nhuận sau thuế cho Tổng Công ty và PVGAS theo tỷ lệ lần lượt là 65% và 35%. Chi tiết khoản phải thu ngắn hạn khác liên quan đến Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh như sau:

|                                                                     | Số cuối năm<br>VND     | Số đầu năm<br>VND     |
|---------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Các khoản phải thu khác liên quan đến việc thực hiện BCC            | 753.260.147.338        | 90.300.570.048        |
| Phần lợi nhuận sau thuế được chia từ kết quả kinh doanh của BCC (*) | 62.024.685.151         | 464.149.805           |
|                                                                     | <b>815.284.832.489</b> | <b>90.764.719.853</b> |

(\*) Trong năm, phần lợi nhuận sau thuế tương ứng với tỷ lệ mà PVOIL được hưởng từ BCC là 62.024.685.151 đồng (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024: 464.149.805 đồng), trong đó, phần lợi nhuận sau thuế còn phải thu từ kết quả kinh doanh của BCC tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 62.024.685.151 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 464.149.805 đồng).

## 9. NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

|                                                                   | Số cuối năm            |                        | Số đầu năm             |                        |
|-------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|                                                                   | VND                    | VND                    | VND                    | VND                    |
| Các khoản phải thu khó đòi theo đối tượng                         | Giá gốc                | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc                | Giá trị có thể thu hồi |
| Công ty Cổ phần Dầu khí và Chất đốt Miền Bắc                      | 124.164.578.894        | -                      | 124.164.578.894        | -                      |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xăng dầu Tiền Phong          | 118.524.357.430        | -                      | 118.524.357.430        | -                      |
| Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Quảng Đông                     | 87.946.610.123         | -                      | 87.946.610.123         | -                      |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Lâm                                    | 77.865.356.829         | -                      | 77.865.356.829         | -                      |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Quốc tế Việt Nam                         | 69.438.325.811         | -                      | 69.438.325.811         | -                      |
| Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Vũ Anh                         | 43.257.741.001         | -                      | 43.257.741.001         | -                      |
| Công ty Cổ phần Song Phát                                         | 26.371.285.621         | -                      | 26.371.285.621         | -                      |
| Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Phương                               | 20.056.024.362         | -                      | 20.056.024.362         | 4.118.432.035          |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cẩm Giàng                    | 20.010.740.366         | -                      | 20.010.740.366         | -                      |
| Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Cái Lân                     | 19.576.761.700         | -                      | 19.576.761.700         | -                      |
| Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Xuất nhập khẩu Tân Đình Phong | 12.839.699.605         | -                      | 12.839.699.605         | -                      |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Dầu khí Anh Thúy                  | 12.047.043.901         | -                      | 12.047.043.901         | -                      |
| Công ty TNHH Nhiên liệu Sinh học Phương Đông                      | 9.996.785.688          | -                      | 9.996.785.688          | -                      |
| Công Ty Cổ Phần Thương Mại Dầu Khí (Petechim)                     | 9.338.855.987          | 4.538.168.183          | -                      | -                      |
| Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Ninh Bình               | 8.906.024.795          | -                      | 8.906.024.795          | -                      |
| Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu            | 7.799.179.244          | -                      | 7.799.179.244          | -                      |
| Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn                              | 7.379.178.283          | -                      | -                      | -                      |
| Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Dịch vụ 1932                  | 6.875.172.043          | -                      | 6.875.172.043          | -                      |
| Công ty TNHH Hương Giang                                          | 6.315.000.000          | -                      | 6.315.000.000          | -                      |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Trung Kiên                      | 6.101.538.587          | -                      | 6.101.538.587          | -                      |
| Công ty TNHH Thương mại Dầu khí Hoàng Nam                         | 5.423.990.560          | -                      | -                      | -                      |
| Công ty TNHH TM Thanh Trang                                       | 5.341.563.413          | -                      | 5.341.563.413          | -                      |
| Công ty Cổ phần Vận tải Thành Phát                                | 4.270.513.122          | -                      | 4.270.513.122          | -                      |
| Công ty TNHH Giải pháp Dầu khí Việt Nam                           | 4.198.293.670          | 1.949.146.835          | -                      | -                      |
| Công ty TNHH Ngọc Tâm                                             | 3.895.619.604          | -                      | 3.895.619.604          | -                      |
| Công ty Cổ phần Vật tư tổng hợp Hưng Yên                          | 3.305.302.689          | -                      | 3.305.302.689          | -                      |
| Công ty Cổ phần Thương mại Phương Hoàng                           | 3.287.903.374          | -                      | 3.287.903.374          | -                      |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Hồng Việt            | 3.145.082.500          | -                      | 3.145.082.500          | -                      |
| Công ty Cổ phần Dầu khí Kiên Giang                                | 2.762.890.390          | -                      | 3.312.890.390          | -                      |
| Công ty TNHH Công nghiệp Ngôi sao xanh                            | 2.700.000.000          | -                      | 2.700.000.000          | -                      |
| Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí                            | -                      | -                      | 3.681.404.379          | 3.681.404.379          |
| Khách hàng khác                                                   | 160.365.054.436        | 7.590.497.122          | 161.237.609.738        | 11.713.252.748         |
|                                                                   | <b>893.506.474.028</b> | <b>14.077.812.140</b>  | <b>872.270.115.209</b> | <b>19.513.089.162</b>  |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá thận trọng và xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu như sau:

Dựa trên giá trị sổ sách trừ giá trị dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập đối với những khoản phải thu không có tài sản đảm bảo.

Đối với các khoản công nợ phải thu có giá trị tài sản đảm bảo lớn hơn giá trị phải thu, giá trị có thể thu hồi xác định bằng giá gốc của khoản phải thu. Đối với các khoản công nợ có tài sản đảm bảo nhỏ hơn giá trị phải thu, giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá trị sổ sách trừ giá trị của tài sản đảm bảo và trừ dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập.

## 10. HÀNG TỒN KHO

|                        | Số cuối năm              |                         | Số đầu năm               |                      |
|------------------------|--------------------------|-------------------------|--------------------------|----------------------|
|                        | Giá gốc                  | VND<br>Dự phòng         | Giá gốc                  | VND<br>Dự phòng      |
| Hàng mua đang đi đường | 507.887.286.018          | -                       | 624.121.171.486          | -                    |
| Nguyên liệu, vật liệu  | 428.278.777.709          | (423.328.761)           | 286.399.032.483          | -                    |
| Công cụ, dụng cụ       | 12.724.713.700           | -                       | 13.472.832.540           | -                    |
| Thành phẩm tồn kho     | 230.103.996.163          | (3.885.918.521)         | 211.316.364.199          | -                    |
| Hàng hóa               | 1.607.039.603.002        | (10.703.149.669)        | 2.405.091.537.824        | (215.729.648)        |
| Hàng gửi đi bán        | 6.821.157.506            | -                       | -                        | -                    |
|                        | <b>2.792.855.534.098</b> | <b>(15.012.396.951)</b> | <b>3.540.400.938.532</b> | <b>(215.729.648)</b> |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 15.012.396.951 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 215.729.648 đồng) đối với các mặt hàng có giá trị thuần thấp hơn giá gốc tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

## 11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

|                                                                             | Số cuối năm<br>VND       | Số đầu năm<br>VND        |
|-----------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>a. Ngắn hạn</b>                                                          |                          |                          |
| Chi phí trả trước về thuê hoạt động                                         | 15.553.836.391           | 9.568.341.853            |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng                                                  | 12.928.946.359           | 12.533.415.048           |
| Chi phí bảo hiểm                                                            | 4.977.558.028            | 7.588.462.217            |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác                                             | 34.040.779.897           | 18.553.848.848           |
|                                                                             | <b>67.501.120.675</b>    | <b>48.244.067.966</b>    |
| <b>b. Dài hạn</b>                                                           |                          |                          |
| Chi phí trả trước về thuê hoạt động                                         | 921.829.021.713          | 762.857.109.159          |
| Giá trị thương hiệu, giá trị quyền sử dụng đất và lợi thế vị trí địa lý (i) | 703.407.011.394          | 481.015.011.288          |
| Chi phí san lấp mặt bằng                                                    | 15.504.059.374           | 16.112.061.706           |
| Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ                                                | 44.323.840.147           | 30.402.697.463           |
| Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng chờ phân bổ                                     | 89.458.986.273           | 86.737.619.564           |
| Chi phí trả trước dài hạn khác                                              | 299.448.214.206          | 238.707.598.093          |
|                                                                             | <b>2.073.971.133.107</b> | <b>1.615.832.097.273</b> |

Bao gồm phần giá trị thương hiệu và lợi thế vị trí địa lý đối với đất thuê trả tiền hàng năm ghi nhận vào giá trị Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP ("PETEC" - một công ty con của Tổng Công ty) khi cổ phần hóa ngày 18 tháng 5 năm 2011 với số tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 129.881.367.581 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 136.404.825.769 đồng).

## **12. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ**

Thuế giá trị gia tăng (“GTGT”) được khấu trừ của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là phần thuế giá trị gia tăng đầu vào mà Tổng Công ty còn được khấu trừ. Việc khấu trừ khoản thuế này trong năm tiếp theo sẽ phụ thuộc vào việc kê khai của Tổng Công ty và sự kiểm tra, phê duyệt của cơ quan thuế địa phương.

### 13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

|                                                                                         | Số đầu năm<br>VND      | Số phải nộp<br>trong năm<br>VND | Số được khấu trừ/đã<br>thực nộp trong năm<br>VND | Số cuối năm<br>VND       |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------|
| <b>Các khoản thuế phải thu Nhà nước</b>                                                 |                        |                                 |                                                  |                          |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa                                                              | 800.000                | -                               | 502.433.284                                      | 503.233.284              |
| Thuế tiêu thụ đặc biệt                                                                  | 277.233.891.665        | -                               | 37.076.159.002                                   | 314.310.050.667          |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp                                                              | 16.061.468.028         | 2.012.801.843                   | 1.429.955.166                                    | 15.478.621.351           |
| Thuế thu nhập cá nhân                                                                   | 1.448.260.937          | (4.980.447.022)                 | 3.256.747.602                                    | 9.685.455.561            |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất                                                             | 704.285.448            | 12.373.504.412                  | 27.294.081.490                                   | 15.624.862.526           |
| Các loại thuế khác                                                                      | 36.698.079             | 503.751.690                     | 664.644.614                                      | 197.591.003              |
|                                                                                         | <b>295.485.404.157</b> | <b>9.909.610.923</b>            | <b>70.224.021.158</b>                            | <b>355.799.814.392</b>   |
| <b>Các khoản thuế phải trả, phải nộp Nhà nước</b>                                       | <b>830.560.771.791</b> | <b>10.955.774.844.493</b>       | <b>10.675.400.724.606</b>                        | <b>1.110.934.891.678</b> |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa                                                              | 59.419.246.073         | 1.058.932.545.281               | 1.005.862.662.815                                | 112.489.128.539          |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu                                                                | -                      | 1.328.382.861.296               | 1.328.382.861.296                                | -                        |
| Thuế xuất, nhập khẩu                                                                    | -                      | 268.188.932.711                 | 268.188.932.711                                  | -                        |
| Thuế tiêu thụ đặc biệt                                                                  | -                      | 141.394.613.342                 | 141.394.613.342                                  | -                        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp                                                              | 60.627.158.591         | 145.471.829.668                 | 123.874.468.901                                  | 82.224.519.358           |
| Thuế thu nhập cá nhân                                                                   | 9.043.466.418          | 63.896.196.765                  | 62.633.490.819                                   | 10.306.172.364           |
| Thuế tài nguyên                                                                         | 33.635.000             | 468.518.500                     | 471.463.500                                      | 30.690.000               |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất                                                             | -                      | 48.476.533.399                  | 48.476.533.399                                   | -                        |
| Thuế bảo vệ môi trường                                                                  | 698.188.927.821        | 7.858.464.145.843               | 7.670.988.335.345                                | 885.664.738.319          |
| Thuế môn bài                                                                            | -                      | 596.500.000                     | 596.500.000                                      | -                        |
| Các loại thuế khác                                                                      | 3.248.337.888          | 41.502.167.688                  | 24.530.862.478                                   | 20.219.643.098           |
| <b>Các khoản phải nộp khác</b>                                                          | <b>665.928.875</b>     | <b>439.193.094.868</b>          | <b>439.430.244.003</b>                           | <b>428.779.740</b>       |
| Các khoản phí, lệ phí                                                                   | 665.928.875            | 439.193.094.868                 | 439.430.244.003                                  | 428.779.740              |
|                                                                                         | <b>831.226.700.666</b> | <b>11.394.967.939.361</b>       | <b>11.114.830.968.609</b>                        | <b>1.111.363.671.418</b> |
| Trong đó: chi tiết các khoản phải thu/phải trả với cơ quan thuế tại nước ngoài như sau: |                        |                                 |                                                  |                          |
| Các khoản thuế phải thu                                                                 | -                      | -                               | -                                                | -                        |
| Các khoản thuế phải trả                                                                 | 32.297.432.812         | 1.360.066.309.385               | 1.364.268.332.283                                | 28.095.409.914           |

#### 14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

|                                            | Nhà xưởng<br>và vật kiến trúc<br>VND | Máy móc<br>và thiết bị<br>VND | Phương tiện vận<br>tải,<br>thiết bị truyền dẫn<br>VND | Thiết bị quản lý<br>VND | Tài sản cố định<br>hữu hình khác<br>VND | Tổng<br>VND              |
|--------------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------|-----------------------------------------|--------------------------|
| <b>NGUYÊN GIÁ</b>                          |                                      |                               |                                                       |                         |                                         |                          |
| <b>Số dư đầu năm</b>                       | <b>4.695.110.961.836</b>             | <b>1.500.258.904.654</b>      | <b>682.709.485.406</b>                                | <b>149.503.433.624</b>  | <b>41.385.940.053</b>                   | <b>7.068.968.725.573</b> |
| Tăng trong năm                             | 38.738.782.790                       | 48.748.349.196                | 72.680.943.937                                        | 16.845.267.020          | 1.697.409.471                           | 178.710.752.414          |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành          | 114.812.253.481                      | 58.284.182.371                | 73.039.103.477                                        | 326.060.000             | -                                       | 246.461.599.329          |
| Phân loại lại                              | 2.799.751.848                        | 2.295.287.064                 | (385.923.148)                                         | (275.563.043)           | -                                       | 4.433.552.721            |
| Thanh lý, nhượng bán                       | (2.747.993.750)                      | (2.406.645.793)               | (8.306.755.222)                                       | (1.183.845.435)         | -                                       | (14.645.240.200)         |
| Chênh lệch do chuyển đổi báo cáo tài chính | 1.815.366.032                        | 1.633.623.883                 | 807.637.557                                           | 342.766.029             | 113.390.695                             | 4.712.784.196            |
| Tăng/(giảm) khác                           | (5.153.955.108)                      | 1.389.374.676                 | (989.567.924)                                         | (516.449.744)           | (36.613.213)                            | (5.307.211.313)          |
| <b>Số dư cuối năm</b>                      | <b>4.845.375.167.129</b>             | <b>1.610.203.076.051</b>      | <b>819.554.924.083</b>                                | <b>165.041.668.451</b>  | <b>43.160.127.006</b>                   | <b>7.483.334.962.720</b> |
| <b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>              |                                      |                               |                                                       |                         |                                         |                          |
| <b>Số dư đầu năm</b>                       | <b>3.270.748.088.418</b>             | <b>1.177.792.845.062</b>      | <b>416.593.554.270</b>                                | <b>105.431.069.477</b>  | <b>40.363.185.137</b>                   | <b>5.010.928.742.364</b> |
| Khấu hao trong năm                         | 157.996.474.070                      | 62.989.246.319                | 43.342.399.549                                        | 13.874.581.918          | 1.421.187.992                           | 279.623.889.848          |
| Phân loại lại                              | 538.609.857                          | (335.391.391)                 | (62.476.314)                                          | (140.742.152)           | -                                       | -                        |
| Thanh lý, nhượng bán                       | (2.632.904.274)                      | (2.365.022.570)               | (8.306.755.222)                                       | (1.183.845.435)         | -                                       | (14.488.527.501)         |
| Chênh lệch do chuyển đổi báo cáo tài chính | 193.516.512                          | 572.698.630                   | 338.947.140                                           | 191.278.027             | 46.668.511                              | 1.343.108.820            |
| Tăng/(giảm) khác                           | (3.820.992.623)                      | 1.109.722.183                 | (329.442.898)                                         | (194.206.382)           | (49.306.984)                            | (3.284.226.704)          |
| <b>Số dư cuối năm</b>                      | <b>3.423.022.791.960</b>             | <b>1.239.764.098.233</b>      | <b>451.576.226.525</b>                                | <b>117.978.135.453</b>  | <b>41.781.734.656</b>                   | <b>5.274.122.986.827</b> |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>                     |                                      |                               |                                                       |                         |                                         |                          |
| <b>Tại ngày đầu năm</b>                    | <b>1.424.362.873.418</b>             | <b>322.466.059.592</b>        | <b>266.115.931.136</b>                                | <b>44.072.364.147</b>   | <b>1.022.754.916</b>                    | <b>2.058.039.983.209</b> |
| <b>Tại ngày cuối năm</b>                   | <b>1.422.352.375.169</b>             | <b>370.438.977.818</b>        | <b>367.978.697.558</b>                                | <b>47.063.532.998</b>   | <b>1.378.392.350</b>                    | <b>2.209.211.975.893</b> |

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 1.697.023.408.149 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.572.424.430.610 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 24, các tài sản cố định hữu hình được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 267.491.100.964 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 234.386.779.433 đồng)

**15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

|                                                | <b>Phương tiện<br/>vận tải<br/>VND</b> |
|------------------------------------------------|----------------------------------------|
| <b>NGUYÊN GIÁ</b>                              |                                        |
| <b>Số dư đầu năm</b>                           | <b>8.551.263.997</b>                   |
| Giảm do mua lại tài sản cố định thuê tài chính | (1.163.389.317)                        |
| Giảm khác                                      | (104.094.589)                          |
| <b>Số dư cuối năm</b>                          | <b>7.283.780.091</b>                   |
| <b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>                  |                                        |
| <b>Số dư đầu năm</b>                           | <b>1.980.203.310</b>                   |
| Khấu hao trong năm                             | 879.682.998                            |
| Giảm do mua lại tài sản cố định thuê tài chính | (472.626.921)                          |
| <b>Số dư cuối năm</b>                          | <b>2.387.259.387</b>                   |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>                         |                                        |
| <b>Tại ngày đầu năm</b>                        | <b>6.571.060.687</b>                   |
| <b>Tại ngày cuối năm</b>                       | <b>4.896.520.704</b>                   |

## 16. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

|                                            | Quyền sử dụng đất        | Phần mềm máy tính      | Tài sản cố định vô hình khác | Tổng                     |
|--------------------------------------------|--------------------------|------------------------|------------------------------|--------------------------|
|                                            | VND                      | VND                    | VND                          | VND                      |
| <b>NGUYÊN GIÁ</b>                          |                          |                        |                              |                          |
| <b>Số dư đầu năm</b>                       | <b>1.676.780.676.566</b> | <b>146.687.354.370</b> | <b>8.923.623.049</b>         | <b>1.832.391.653.985</b> |
| Tăng trong năm                             | 47.823.341.381           | 11.625.614.000         | 70.000.000                   | 59.518.955.381           |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành          | -                        | 11.704.280.000         | -                            | 11.704.280.000           |
| Phân loại lại sang chi phí trả trước       | 3.572.204.305            | 6.949.951.581          | (6.949.951.581)              | 3.572.204.305            |
| Thanh lý, nhượng bán                       | (9.509.785.303)          | -                      | -                            | (9.509.785.303)          |
| Chênh lệch do chuyển đổi báo cáo tài chính | 624.743.945              | -                      | -                            | 624.743.945              |
| Tăng/(giảm) khác                           | (359.486.349)            | (7.341.070.898)        | (67.873.541)                 | (7.768.430.788)          |
| <b>Số dư cuối năm</b>                      | <b>1.718.931.694.545</b> | <b>169.626.129.053</b> | <b>1.975.797.927</b>         | <b>1.890.533.621.525</b> |
| <b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>              |                          |                        |                              |                          |
| <b>Số dư đầu năm</b>                       | <b>272.806.274.267</b>   | <b>93.323.002.122</b>  | <b>1.456.018.172</b>         | <b>367.585.294.561</b>   |
| Khấu hao trong năm                         | 30.370.848.671           | 16.099.600.696         | 234.711.448                  | 46.705.160.815           |
| Phân loại lại sang chi phí trả trước       | (10.475.158.905)         | -                      | -                            | (10.475.158.905)         |
| Thanh lý, nhượng bán                       | (1.306.868.184)          | -                      | -                            | (1.306.868.184)          |
| Tăng/(giảm) khác                           | 823.742.057              | (225.774.084)          | 118.579.077                  | 716.547.050              |
| <b>Số dư cuối năm</b>                      | <b>292.218.837.906</b>   | <b>109.196.828.734</b> | <b>1.809.308.697</b>         | <b>403.224.975.337</b>   |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>                     |                          |                        |                              |                          |
| <b>Tại ngày đầu năm</b>                    | <b>1.403.974.402.299</b> | <b>53.364.352.248</b>  | <b>7.467.604.877</b>         | <b>1.464.806.359.424</b> |
| <b>Tại ngày cuối năm</b>                   | <b>1.426.712.856.639</b> | <b>60.429.300.319</b>  | <b>166.489.230</b>           | <b>1.487.308.646.188</b> |

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 25.574.816.285 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 18.550.780.052 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 24, giá trị quyền sử dụng đất của Tổng Công ty và các công ty con với tổng giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 88.078.490.864 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 213.785.484.305 đồng) được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

## 17. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

### BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

|                               | Nhà xưởng<br>và vật kiến trúc<br>VND | Khác<br>VND | Tổng<br>VND     |
|-------------------------------|--------------------------------------|-------------|-----------------|
| <b>NGUYÊN GIÁ</b>             |                                      |             |                 |
| Số dư đầu năm và cuối năm     | 138.543.596.361                      | 649.840.802 | 139.193.437.163 |
| <b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b> |                                      |             |                 |
| Số dư đầu năm                 | 40.475.691.774                       | 649.840.802 | 41.125.532.576  |
| Khấu hao trong năm            | 3.419.794.668                        | -           | 3.419.794.668   |
| Số dư cuối năm                | 43.895.486.442                       | 649.840.802 | 44.545.327.244  |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>        |                                      |             |                 |
| Tại ngày đầu năm              | 98.067.904.587                       | -           | 98.067.904.587  |
| Tại ngày cuối năm             | 94.648.109.919                       | -           | 94.648.109.919  |

Trong năm, Tổng Công ty thu được từ việc cho thuê bất động sản đầu tư (toàn bộ bất động sản đầu tư được cho thuê theo hình thức thuê hoạt động) là 40.058.509.067 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024: 36.674.704.496 đồng). Chi phí trực tiếp cho hoạt động kinh doanh phát sinh từ bất động sản đầu tư trong năm là 15.329.381.242 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024: 16.075.506.418 đồng).

Nguyên giá của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm các bất động sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn cho thuê với giá trị là 8.687.202.336 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 8.687.202.336 đồng).

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Tổng Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Tổng Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

## 18. CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

|                                                                        | Số cuối năm<br>VND     | Số đầu năm<br>VND      |
|------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Đầu tư xây dựng các cửa hàng xăng dầu                                  | 102.976.898.211        | 42.912.719.228         |
| Kho cảng Xăng dầu Cái Mép – TP Hồ Chí Minh (i)                         | 56.164.171.321         | 56.164.171.321         |
| Dự án mở rộng kho xăng dầu Phú Thọ                                     | 30.861.337.690         | -                      |
| Dự án xây dựng trụ sở văn phòng Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL         | 9.432.954.545          | -                      |
| Dự án mở rộng kho An Hải                                               | 8.944.462.889          | 6.694.650.763          |
| Kho Trung chuyển xăng dầu Hợp Thịnh – Phường Kỳ Sơn, tỉnh Phú Thọ (ii) | 5.683.769.124          | 5.683.769.124          |
| Công trình khác                                                        | 27.367.750.275         | 97.076.174.992         |
|                                                                        | <b>241.431.344.055</b> | <b>208.531.485.428</b> |

- (i) Thể hiện giá trị san lấp mặt bằng giai đoạn 02 của Kho cảng Xăng dầu Cái Mép – TP Hồ Chí Minh ("Kho Cái Mép"). Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP ("PETEC" - một công ty con của Tổng Công ty) đã dừng thực hiện dự án từ năm 2012. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, PETEC

đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục cần thiết với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để có thể chuyển đổi công năng sử dụng, hợp tác khai thác khu đất dự phòng của kho Cái Mép nói trên.

- (ii) Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ (“PVOIL Phú Thọ” - một công ty con của Tổng Công ty) đã chấm dứt việc tiếp tục triển khai dự án này theo Quyết định số 46/QĐ-SKHĐT ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hòa Bình. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, PVOIL Phú Thọ đang hoàn thiện các thủ tục bàn giao đất trên thực địa và xin chứng nhận đầu tư dự án mới cho Công ty TNHH Petro Bình Minh, đồng thời đã nhận khoản tiền hỗ trợ theo tiến độ tương ứng.

## 19. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

### a. Đầu tư vào công ty liên kết

|                                                  | Năm nay<br>VND         | Năm trước<br>VND       |
|--------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>Số dư đầu năm</b>                             | <b>596.710.361.996</b> | <b>592.706.664.087</b> |
| Phần (lỗ)/lãi phát sinh trong năm                | (162.533.609.884)      | 22.212.252.355         |
| Cổ tức được chia trong năm                       | (14.354.180.000)       | (13.542.660.857)       |
| Các khoản trích quỹ và điều chỉnh khác trong năm | (6.479.550.872)        | (4.665.893.589)        |
| <b>Số dư cuối năm (i)</b>                        | <b>413.343.021.240</b> | <b>596.710.361.996</b> |

(i) Bao gồm giá trị khoản đầu tư của Tổng Công ty vào Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí (“PVB”), công ty liên kết của Tổng Công ty, tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất với giá trị là 86.769.670.407 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 271.593.756.068 đồng). Do Tổng Công ty không thu thập được báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của PVB, giá trị khoản đầu tư nói trên được tính toán theo số liệu thông tin tài chính tóm tắt cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 chưa được kiểm toán của PVB được lập trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục và theo các đánh giá của Ban Tổng Giám đốc. Theo Thông báo số 385/TB-VPCP ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ, dự án Nhà máy nhiên liệu sinh học Phú Thọ do PVB làm chủ đầu tư được đề nghị xem xét phương án giải thể, phá sản theo quy định pháp luật. Ngày 24 tháng 10 năm 2018, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã gửi văn bản trình Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam về việc triển khai phương án phá sản PVB. Ngày 10 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty đã gửi Công văn số 211/DVN-TCKT cho Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam để đề xuất được xác định lại khoản đầu tư này về mức không đồng (0 đồng) khi thực hiện quyết toán cổ phần hóa và trong quá trình thực hiện thủ tục phá sản dự án, nếu có phát sinh thu hồi từ thanh lý tài sản tại Nhà máy nhiên liệu sinh học Phú Thọ, Tổng Công ty sẽ nộp toàn bộ về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp. Vấn đề này đã được Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam xin ý kiến xử lý của Ủy Ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp tại Công văn số 3540/DKVN-HĐTV ngày 01 tháng 7 năm 2019 về sắp xếp lại, xử lý nhà đất và khó khăn vướng mắc trong quyết toán cổ phần hóa PVOIL. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty vẫn đang làm việc với các cổ đông của PVB và các bên liên quan về việc triển khai phương án phá sản cho PVB theo quy định của pháp luật.

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Tổng Công ty được trình bày như sau:

|                                                                   | Số cuối năm<br>VND     | Số đầu năm<br>VND      |
|-------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Tổng tài sản                                                      | 5.281.236.007.889      | 4.826.153.359.030      |
| Tổng công nợ                                                      | 5.011.774.017.606      | 4.349.266.664.148      |
| Tài sản thuần                                                     | 269.461.990.283        | 476.886.694.882        |
| <b>Phần tài sản thuần của Tổng Công ty trong công ty liên kết</b> | <b>413.343.021.240</b> | <b>596.710.361.996</b> |
| Doanh thu                                                         | 14.980.275.873.268     | 15.187.350.433.584     |
| Lỗ thuần                                                          | (167.012.223.845)      | (184.941.384.555)      |

|                                                                        |                          |                       |
|------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-----------------------|
| <b>Phần (lỗ)/lãi thuần của Tổng Công ty trong công ty liên kết (*)</b> | <b>(162.533.609.884)</b> | <b>22.212.252.355</b> |
|------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-----------------------|

(\*) Bao gồm việc ghi nhận bổ sung phần lỗ trong công ty liên kết trong năm với số tiền là 184,8 tỷ đồng (năm 2024: 0 đồng) liên quan đến khoản đầu tư vào PVB dựa trên các đánh giá của Ban Tổng Giám đốc và số liệu thông tin tài chính tóm tắt chưa được kiểm toán của PVB cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được lập trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

## b. Góp vốn liên doanh

|                                                  | <b>Năm nay</b>        | <b>Năm trước</b>      |
|--------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                                  | <b>VND</b>            | <b>VND</b>            |
| <b>Số dư đầu năm</b>                             | <b>44.165.131.560</b> | <b>49.884.112.286</b> |
| Phần lỗ phát sinh trong năm                      | (13.922.546.883)      | (7.964.539.859)       |
| Các khoản trích quỹ và điều chỉnh khác trong năm | 1.371.366.888         | 2.245.559.133         |
| <b>Số dư cuối năm</b>                            | <b>31.613.951.565</b> | <b>44.165.131.560</b> |

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên doanh của Tổng Công ty được trình bày như sau:

|                                                                     | <b>Số cuối năm</b>    | <b>Số đầu năm</b>     |
|---------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                                                     | <b>VND</b>            | <b>VND</b>            |
| Tổng tài sản                                                        | 1.612.776.167.422     | 1.923.529.645.768     |
| Tổng công nợ                                                        | 3.168.319.167.797     | 3.247.973.737.425     |
| Tài sản thuần                                                       | (1.555.543.000.375)   | (1.324.444.091.657)   |
| <b>Phần tài sản thuần của Tổng Công ty trong công ty liên doanh</b> | <b>31.613.951.565</b> | <b>44.165.131.560</b> |

|                                                                | <b>Năm nay</b>          | <b>Năm trước</b>       |
|----------------------------------------------------------------|-------------------------|------------------------|
|                                                                | <b>VND</b>              | <b>VND</b>             |
| Doanh thu                                                      | 2.512.700.251.820       | 3.276.350.129.707      |
| Lỗ thuần                                                       | (247.412.051.299)       | (197.420.670.320)      |
| <b>Phần lỗ thuần của Tổng Công ty trong công ty liên doanh</b> | <b>(13.922.546.883)</b> | <b>(7.964.539.859)</b> |

## 20. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

|                                            | <b>Số cuối năm</b>     | <b>Số đầu năm</b>      |
|--------------------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                            | <b>VND</b>             | <b>VND</b>             |
| Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau       | 47.241.749.605         | 47.241.749.605         |
| Công ty Cổ phần Âu Lạc                     | 26.482.144.914         | 26.482.144.914         |
| Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh         | 10.549.395.047         | 10.549.395.047         |
| Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh | 7.263.016.037          | 7.263.016.037          |
| Công ty Cổ phần Vận tải Việt Tín           | 7.000.000.000          | 7.000.000.000          |
| Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn         | 4.736.610.000          | 4.736.610.000          |
| Đầu tư dài hạn khác                        | 5.638.738.529          | 5.638.738.529          |
|                                            | <b>108.911.654.132</b> | <b>108.911.654.132</b> |
| Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | (43.429.158.098)       | (42.243.542.773)       |
|                                            | <b>65.482.496.034</b>  | <b>66.668.111.359</b>  |

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chưa thu thập được thông tin để xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

## 21. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

|                                                                                                     | <b>Số cuối năm</b>        | <b>Số đầu năm</b>         |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
|                                                                                                     | <b>VND</b>                | <b>VND</b>                |
|                                                                                                     | Giá trị/                  | Giá trị/                  |
|                                                                                                     | Số có khả năng trả nợ     | Số có khả năng trả nợ     |
| Chi nhánh Phân phối Sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam | 4.222.891.751.930         | 3.189.310.381.931         |
| Mercuria Energy Trading SA                                                                          | 3.589.513.354.714         | -                         |
| Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn                                                                | 2.626.252.236.523         | 2.563.466.081.355         |
| Extap Singapore                                                                                     | 1.710.486.158.077         | -                         |
| Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP                                                                    | 1.021.313.433.547         | 2.405.399.920             |
| Hợp đồng BCC số 13/2021/PVGAS/TT-PVOIL/D4 (i)                                                       | 636.496.924.636           | 13.561.897.425            |
| Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí                                                              | 636.015.332.841           | 40.274.464.803            |
| Trafigura Pte Ltd                                                                                   | 560.949.969.937           | -                         |
| Ocean Energy Pte Ltd                                                                                | 120.851.008.109           | -                         |
| Vitol Asia Pte Ltd                                                                                  | 115.950.010.154           | -                         |
| Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí                                                                     | 41.087.611.766            | 29.588.102.524            |
| Công ty TNHH PVCHEM-CS                                                                              | 33.963.072.000            | -                         |
| Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa                                                          | 19.170.138.472            | 20.174.092.925            |
| Socar Trading Singapore                                                                             | -                         | 2.141.272.982.594         |
| Glencore Singapore Pte Ltd                                                                          | -                         | 2.117.034.405.366         |
| PNX Petroleum Singapore Pte Ltd                                                                     | -                         | 1.992.649.708.999         |
| Soleum Energy Pte Ltd                                                                               | -                         | 568.850.909.027           |
| Sahara Energy International Pte Ltd                                                                 | -                         | 300.496.930.272           |
| PTT Company Co., Ltd                                                                                | -                         | 203.649.488.865           |
| Các đối tượng khác                                                                                  | 1.353.214.670.960         | 349.651.824.548           |
|                                                                                                     | <b>16.688.155.673.666</b> | <b>13.532.386.670.554</b> |

*Trong đó: Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 41)*

|  |                   |                   |
|--|-------------------|-------------------|
|  | 8.750.573.737.035 | 5.857.930.529.496 |
|--|-------------------|-------------------|

- (i) Phản ánh khoản phải trả tiền mua xăng RON95-II PC, xăng nền RON91 và DO sản phẩm đáy theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh số 13/2021/PVGAS/TT-PVOIL/D4 giữa Tổng Công ty và Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần (“PVGAS”).

## 22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

|                                       | <b>Số cuối năm</b>     | <b>Số đầu năm</b>     |
|---------------------------------------|------------------------|-----------------------|
|                                       | <b>VND</b>             | <b>VND</b>            |
| Chi phí mua hàng, tài sản trích trước | 12.299.246.660         | 33.664.097.932        |
| Chi phí vận chuyển                    | 13.061.811.822         | 3.796.989.583         |
| Chi phí lãi vay                       | 20.501.868.827         | 3.944.716.106         |
| Chi phí trích trước sản phẩm dầu      | 2.195.540.002          | 4.560.335.964         |
| Các khoản chi phí phải trả khác       | 72.169.901.364         | 48.911.341.807        |
|                                       | <b>120.228.368.675</b> | <b>94.877.481.392</b> |

*Trong đó: Chi phí phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 41)*

|  |               |               |
|--|---------------|---------------|
|  | 8.678.261.235 | 8.795.126.991 |
|--|---------------|---------------|

**23. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

|                                                              | <b>Số cuối năm<br/>VND</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                           | <b>Số đầu năm<br/>VND</b> |
|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|
| Hoạt động ủy thác xuất nhập khẩu                             | 4.081.471.657.077                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7.361.501.206.654         |
| Phải trả tiền thu từ bán cổ phần (i)                         | 6.508.956.732                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5.078.241.760             |
| Hợp đồng BCC số 13/2021/PVGAS/TT-PVOIL/D4 (ii)               | 6.352.023.086                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 6.352.023.086             |
| Phải trả về cổ phần hóa (iii)                                | 5.078.241.760                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 6.508.956.732             |
| Phải trả, phải nộp khác                                      | 393.757.164.832                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 245.047.658.590           |
|                                                              | <b>4.493.168.043.487</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                             | <b>7.624.488.086.822</b>  |
| <i>Trong đó: Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan</i> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                           |
| <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 41)</i>                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                           |
|                                                              | 2.327.600.581.429                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1.960.839.076.779         |
| (i)                                                          | Phản ánh số tiền Tổng Công ty thu được khi thực hiện chào bán cổ phần ra công chúng và phải trả cho chủ sở hữu số tiền thu từ việc chào bán cổ phần này. Khoản tiền thu về cổ phần hóa này sẽ được quyết toán và có thể được điều chỉnh khi có phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền.                        |                           |
| (ii)                                                         | Phản ánh số tiền phải trả liên quan đến chi phí điều chuyển và khoản phân chia lợi nhuận sau thuế của Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh Số 13/2021/PVGAS/TT-PVOIL/D4 giữa Tổng Công ty và Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần.                                                                                     |                           |
| (iii)                                                        | Phản ánh khoản phải trả về cổ phần hóa sau khi ghi nhận đủ số vốn điều lệ của Tổng Công ty sau cổ phần hóa là 10.342.295.000.000 đồng theo Quyết định số 1979/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ. Giá trị này có thể được điều chỉnh lại khi có phê duyệt cuối cùng của Cơ quan có thẩm quyền. |                           |

## 24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

### a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

|                                                               | Số đầu năm               |                          | Trong năm                 |                           | Số cuối năm               |                           |
|---------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|
|                                                               | VND                      |                          | VND                       |                           | VND                       |                           |
|                                                               | Giá trị                  | Số có khả năng trả nợ    | Tăng                      | Giảm                      | Giá trị                   | Số có khả năng trả nợ     |
| Vay ngắn hạn                                                  | 7.394.426.755.063        | 7.394.426.755.063        | 43.289.053.003.354        | 39.991.911.301.094        | 10.691.568.457.323        | 10.691.568.457.323        |
| Vay dài hạn đến hạn trả<br>(Thuyết minh số 24b)               | 27.683.658.437           | 27.683.658.437           | 52.406.130.597            | 38.108.488.144            | 41.981.300.890            | 41.981.300.890            |
| Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả<br>(Thuyết minh số 24b) | 1.337.217.711            | 1.337.217.711            | 1.190.877.936             | 1.338.479.303             | 1.189.616.344             | 1.189.616.344             |
|                                                               | <b>7.423.447.631.211</b> | <b>7.423.447.631.211</b> | <b>43.342.650.011.887</b> | <b>40.031.358.268.541</b> | <b>10.734.739.374.557</b> | <b>10.734.739.374.557</b> |

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn thể hiện các khoản vay từ các ngân hàng và các cá nhân để bổ sung vốn lưu động của Tổng Công ty và Công ty con. Các khoản vay từ các ngân hàng có thể rút bằng Đô la Mỹ, Kíp Lào hoặc Đồng Việt Nam theo từng hạn mức tín dụng ký kết với các ngân hàng. Các khoản vay từ các ngân hàng chịu lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ, dao động 6%/năm đối với Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 6%/năm), dao động 8% đến 10,5%/năm đối với Kíp Lào (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 8% đến 10%/năm) và dao động từ 2,8% đến 6,1%/năm đối với Đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 2,75% đến 10%/năm).

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty theo đồng tiền giải ngân như sau:

|              | Số cuối năm               | Số đầu năm               |
|--------------|---------------------------|--------------------------|
|              | VND                       | VND                      |
| Vay bằng VND | 10.177.066.394.207        | 7.064.826.089.006        |
| Vay bằng LAK | 360.287.957.820           | 233.519.553.074          |
| Vay bằng USD | 154.214.105.296           | 96.081.112.983           |
|              | <b>10.691.568.457.323</b> | <b>7.394.426.755.063</b> |

Các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty phân loại theo loại hình đảm bảo như sau:

|                        | Số cuối năm<br>VND        | Số đầu năm<br>VND        |
|------------------------|---------------------------|--------------------------|
| Vay tín chấp           | 10.177.066.394.207        | 7.064.826.089.006        |
| Vay có tài sản đảm bảo | 514.502.063.116           | 329.600.666.057          |
|                        | <b>10.691.568.457.323</b> | <b>7.394.426.755.063</b> |

**b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

|                                                           | Số đầu năm<br>VND      |                          | Trong năm<br>VND       |                       | Số cuối năm<br>VND     |                          |
|-----------------------------------------------------------|------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|--------------------------|
|                                                           | Giá trị                | Số có khả năng<br>trả nợ | Tăng                   | Giảm                  | Giá trị                | Số có khả năng<br>trả nợ |
| Các khoản vay dài hạn (i)                                 | 135.410.198.159        | 135.410.198.159          | 140.198.337.362        | 90.514.618.741        | 185.093.916.780        | 185.093.916.780          |
| Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)                            | 4.211.044.910          | 4.211.044.910            | 1.190.877.936          | 2.529.357.239         | 2.872.565.607          | 2.872.565.607            |
|                                                           | <b>139.621.243.069</b> | <b>139.621.243.069</b>   | <b>141.389.215.298</b> | <b>93.043.975.980</b> | <b>187.966.482.387</b> | <b>187.966.482.387</b>   |
| Trong đó:                                                 |                        |                          |                        |                       |                        |                          |
| - Số phải trả trong vòng 12 tháng<br>(Thuyết minh số 24a) | 29.020.876.148         | 29.020.876.148           | 53.597.008.533         | 39.446.967.447        | 43.170.917.234         | 43.170.917.234           |
| - Số phải trả sau 12 tháng                                | 110.600.366.921        | 110.600.366.921          | 87.792.206.765         | 53.597.008.533        | 144.795.565.153        | 144.795.565.153          |

Chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

- (i) Các khoản vay dài hạn cho mục đích tài trợ các dự án đầu tư mở rộng kho xăng dầu tại Tổng Công ty và các Công ty con. Các khoản vay chịu lãi suất từ 5,0% đến 12,0%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 5,0% đến 12,1%/năm) đối với các khoản vay bằng Đồng Việt Nam, chịu lãi suất từ 12% đến 13%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 8,7%/năm) đối với các khoản vay bằng Kíp Lào. Các khoản vay này được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại các cửa hàng xăng dầu và các tài sản cố định khác của Tổng Công ty và các công ty con.
- (ii) Các khoản nợ thuê tài chính dài hạn phản ánh khoản vay có thời hạn 48 tháng của Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và khoản vay có thời hạn 61 tháng của Công ty TNHH MTV Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam tại Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam, lãi suất theo thỏa thuận tại hợp đồng thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn của Tổng Công ty phân loại theo loại hình đảm bảo như sau:

|                        | <b>Số cuối năm<br/>VND</b> | <b>Số đầu năm<br/>VND</b> |
|------------------------|----------------------------|---------------------------|
| Vay tín chấp           | 31.214.047.447             | 5.100.242.056             |
| Vay có tài sản đảm bảo | 156.752.434.940            | 134.521.001.013           |
|                        | <b>187.966.482.387</b>     | <b>139.621.243.069</b>    |

Các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

|                                                                                                           | <b>Số cuối năm<br/>VND</b> | <b>Số đầu năm<br/>VND</b> |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------|
| Trong vòng một năm                                                                                        | 43.170.917.234             | 29.020.876.148            |
| Trong năm thứ hai                                                                                         | 43.857.456.768             | 29.220.531.797            |
| Từ năm thứ ba đến năm thứ năm                                                                             | 67.078.733.825             | 51.355.036.978            |
| Sau năm năm                                                                                               | 33.859.374.560             | 30.024.798.146            |
|                                                                                                           | <b>187.966.482.387</b>     | <b>139.621.243.069</b>    |
| Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần Vay và nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả) | (43.170.917.234)           | (29.020.876.148)          |
| <b>Số phải trả sau 12 tháng</b>                                                                           | <b>144.795.565.153</b>     | <b>110.600.366.921</b>    |

## 25. QUỸ BÌNH ỔN GIÁ

|                                                         | <b>Năm nay<br/>VND</b>   | <b>Năm trước<br/>VND</b> |
|---------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>Số dư đầu năm</b>                                    | <b>(138.415.166.207)</b> | <b>(144.328.400.489)</b> |
| Trích quỹ trong năm                                     | -                        | -                        |
| Sử dụng quỹ trong năm                                   | -                        | -                        |
| Lãi tính trên số dư Quỹ bình ổn giá âm (Thuyết minh 34) | -                        | 5.913.234.282            |
| <b>Số dư cuối năm</b>                                   | <b>(138.415.166.207)</b> | <b>(138.415.166.207)</b> |

Trong đó:

|                                                  |                   |                   |
|--------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Số dư tài khoản Quỹ Bình ổn chưa được kết chuyển | (138.415.166.207) | (138.415.166.207) |
|--------------------------------------------------|-------------------|-------------------|

Việc trích lập và sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu được thực hiện theo các quy định của Bộ Tài chính và Bộ Công thương tại từng thời điểm (như trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4 – Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu, mục “Quỹ bình ổn giá xăng dầu”). Trong năm, Tổng Công ty thực hiện trích lập và sử dụng quỹ bình ổn giá xăng dầu theo các quy định hiện hành. Phần chênh lệch trích và sử dụng quỹ bình ổn giá xăng dầu phát sinh sẽ được thực hiện theo các hướng dẫn của Bộ Tài chính và Bộ Công Thương trong thời gian tiếp theo.

## 26. THUẾ THU NHẬP HOẢN PHẢI TRẢ

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày kết thúc năm tài chính và thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm.

**Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

|                                                                                      | <b>Số cuối năm</b>      | <b>Số đầu năm</b>      |
|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|------------------------|
|                                                                                      | <b>VND</b>              | <b>VND</b>             |
| Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả      | 20%                     | 20%                    |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế | 172.586.098.853         | 182.828.528.032        |
| Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại                                         |                         |                        |
| <b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>                                               | <b>172.586.098.853</b>  | <b>182.828.528.032</b> |
| <b>Kết chuyển vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm</b>                          | <b>(11.902.036.889)</b> | <b>11.821.159.043</b>  |

## 27. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

|                                                                                                | Vốn góp<br>của chủ sở hữu | Chênh lệch đánh<br>giá lại tài sản (i) | Quỹ đầu tư<br>phát triển | Quỹ khác<br>thuộc<br>vốn CSH | Chênh lệch<br>tỷ giá hối đoái | Lợi nhuận chưa phân<br>phối/(Lỗ) lũy kế | Vốn khác của<br>chủ sở hữu | Lợi ích cổ đông<br>không kiểm soát | Cộng                      |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|----------------------------------------|--------------------------|------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------|------------------------------------|---------------------------|
|                                                                                                | VND                       | VND                                    | VND                      | VND                          | VND                           | VND                                     | VND                        | VND                                | VND                       |
| <b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>                                    |                           |                                        |                          |                              |                               |                                         |                            |                                    |                           |
| <b>Số dư đầu năm</b>                                                                           | <b>10.342.295.000.000</b> | <b>(163.981.446.150)</b>               | <b>237.911.815.985</b>   | <b>20.536.409.008</b>        | <b>(90.503.579.945)</b>       | <b>(6.190.291.640)</b>                  | <b>23.612.446.327</b>      | <b>1.029.379.283.630</b>           | <b>11.393.059.637.215</b> |
| Lợi nhuận trong năm                                                                            | -                         | -                                      | -                        | -                            | -                             | 474.432.084.317                         | -                          | -                                  | 474.432.084.317           |
| Trích các quỹ ngoài biểu vốn                                                                   | -                         | -                                      | -                        | -                            | -                             | (112.441.232.411)                       | -                          | (13.206.015.932)                   | (125.647.248.343)         |
| Trích các quỹ trong biểu vốn                                                                   | -                         | -                                      | 10.238.379.985           | 5.335.685.823                | -                             | (15.574.065.808)                        | -                          | -                                  | -                         |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông<br>không kiểm soát                                               | -                         | -                                      | -                        | -                            | -                             | (63.397.386.014)                        | -                          | 63.397.386.014                     | -                         |
| Điều chỉnh cho cổ đông không<br>kiểm soát                                                      | -                         | -                                      | -                        | -                            | 19.896.529.273                | -                                       | -                          | (19.896.529.273)                   | -                         |
| Chênh lệch do chuyển đổi báo cáo<br>tài chính                                                  | -                         | -                                      | -                        | -                            | (42.013.619.911)              | -                                       | -                          | -                                  | (42.013.619.911)          |
| Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ sở hữu<br>công ty con                                             | -                         | -                                      | -                        | -                            | -                             | -                                       | -                          | (21.197.447.257)                   | (21.197.447.257)          |
| Chia cổ tức                                                                                    | -                         | -                                      | -                        | -                            | -                             | (206.845.900.000)                       | -                          | (23.765.665.075)                   | (230.611.565.075)         |
| Khác                                                                                           | -                         | -                                      | 41.415.146               | 2.698                        | -                             | (410.016.006)                           | -                          | 734.544.847                        | 365.946.685               |
| <b>Số dư cuối năm</b>                                                                          | <b>10.342.295.000.000</b> | <b>(163.981.446.150)</b>               | <b>248.191.611.116</b>   | <b>25.872.097.529</b>        | <b>(112.620.670.583)</b>      | <b>69.573.192.438</b>                   | <b>23.612.446.327</b>      | <b>1.015.445.556.954</b>           | <b>11.448.387.787.631</b> |
| <b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025</b>                                    |                           |                                        |                          |                              |                               |                                         |                            |                                    |                           |
| <b>Số dư đầu năm</b>                                                                           | <b>10.342.295.000.000</b> | <b>(163.981.446.150)</b>               | <b>248.191.611.116</b>   | <b>25.872.097.529</b>        | <b>(112.620.670.583)</b>      | <b>69.573.192.438</b>                   | <b>23.612.446.327</b>      | <b>1.015.445.556.954</b>           | <b>11.448.387.787.631</b> |
| Lợi nhuận trong năm                                                                            | -                         | -                                      | -                        | -                            | -                             | 503.436.261.681                         | -                          | -                                  | 503.436.261.681           |
| Trích các quỹ ngoài biểu vốn                                                                   | -                         | -                                      | -                        | -                            | -                             | (115.648.702.873)                       | -                          | (10.946.674.675)                   | (126.595.377.548)         |
| Trích các quỹ trong biểu vốn                                                                   | -                         | -                                      | 10.659.928.705           | 432.368.242                  | -                             | (11.092.296.947)                        | -                          | -                                  | -                         |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông<br>không kiểm soát                                               | -                         | -                                      | -                        | -                            | -                             | (68.703.495.952)                        | -                          | 68.703.495.952                     | -                         |
| Điều chỉnh cho cổ đông không<br>kiểm soát                                                      | -                         | -                                      | -                        | -                            | (12.896.783.020)              | -                                       | -                          | 12.896.783.020                     | -                         |
| Chênh lệch do chuyển đổi báo cáo<br>tài chính                                                  | -                         | -                                      | -                        | -                            | 34.640.996.251                | -                                       | -                          | -                                  | 34.640.996.251            |
| Chia cổ tức                                                                                    | -                         | -                                      | -                        | -                            | -                             | (258.557.375.000)                       | -                          | (45.093.325.891)                   | (303.650.700.891)         |
| Phân loại lại giữa cổ đông không<br>kiểm soát và cổ đông công ty mẹ<br>do sáp nhập công ty con | -                         | -                                      | -                        | -                            | -                             | 1.034.181.168                           | -                          | (1.034.181.168)                    | -                         |
| Hoàn nhập quỹ trong biểu vốn                                                                   | -                         | -                                      | (15.363.725.816)         | -                            | -                             | 15.363.725.816                          | -                          | -                                  | -                         |
| Phân loại lại giữa các nguồn vốn<br>(ii)                                                       | -                         | -                                      | (11.604.026.008)         | -                            | -                             | (11.117.380.687)                        | 22.721.406.695             | -                                  | -                         |
| Khác                                                                                           | -                         | -                                      | 202.136.928              | -                            | -                             | 5.153.211.163                           | 2.192.200                  | (6.461.679.846)                    | (1.104.139.555)           |
| <b>Số dư cuối năm</b>                                                                          | <b>10.342.295.000.000</b> | <b>(163.981.446.150)</b>               | <b>232.085.924.925</b>   | <b>26.304.465.771</b>        | <b>(90.876.457.352)</b>       | <b>129.441.320.807</b>                  | <b>46.336.045.222</b>      | <b>1.033.509.974.346</b>           | <b>11.555.114.827.569</b> |

- (i) Chênh lệch đánh giá lại tài sản thể hiện khoản điều chỉnh hợp nhất cho khoản chênh lệch giữa giá trị của các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết phát sinh từ việc điều chỉnh giá trị doanh nghiệp theo kết quả của Kiểm toán Nhà nước và đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt cho mục đích xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa với giá trị vốn chủ sở hữu tại các công ty nhận đầu tư.
- (ii) Trong năm, PVOIL Thanh Hóa, công ty con của Tổng Công ty, đã sử dụng khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và quỹ đầu tư phát triển phát sinh sau ngày mua với số tiền lần lượt là 11.117.380.687 đồng và 11.604.026.008 đồng để tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết số 38/NQ-DVN ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty. Giao dịch này không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty – Công ty mẹ tại công ty con này, do đó không làm phát sinh chênh lệch do thay đổi tỷ lệ sở hữu. Theo quy định của Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, số tiền nêu trên được hạch toán tăng khoản mục “Vốn khác của chủ sở hữu” trong phần “Vốn chủ sở hữu” trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

| Cổ phiếu                                      | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
|-----------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| <b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b> | <b>200.445.036</b>   | <b>200.445.036</b>   |
| Cổ phiếu phổ thông                            | 200.445.036          | 200.445.036          |
| <b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>        | <b>1.034.229.500</b> | <b>1.034.229.500</b> |
| Cổ phiếu phổ thông                            | 1.034.229.500        | 1.034.229.500        |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

## Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 19 ngày 13 tháng 12 năm 2022, vốn điều lệ của Tổng Công ty sau khi chuyển thành công ty cổ phần là 10.342.295.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

|                           | Số lượng             | Tỷ lệ %        | Số vốn góp VND            |
|---------------------------|----------------------|----------------|---------------------------|
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 832.803.564          | 80.52%         | 8.328.035.640.000         |
| Các cổ đông khác          | 201.425.936          | 19.48%         | 2.014.259.360.000         |
|                           | <b>1.034.229.500</b> | <b>100.00%</b> | <b>10.342.295.000.000</b> |

## Phân phối lợi nhuận

(\*) Theo Nghị quyết số 11/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty mẹ - Tổng Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 như sau:

- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng người quản lý với số tiền 83.997.826.270 đồng. Trong năm 2024, Công ty mẹ đã tạm trích 84.446.733.413 đồng, theo đó, Công ty mẹ - Tổng Công ty đã hoàn trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm với số tiền 448.907.143 đồng.
- Chia cổ tức năm 2024 theo tỷ lệ 2,5% vốn điều lệ, tương đương với số tiền 258.557.375.000 đồng. Trong năm, Công ty mẹ - Tổng Công ty đã hoàn thành việc chi trả khoản cổ tức nói trên.

Ngoài ra, căn cứ mức độ hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận kế hoạch năm 2025, Công ty mẹ - Tổng Công ty đã thực hiện tạm trích Quỹ khen thưởng phúc lợi của người lao động và Quỹ thưởng Ban Điều hành Công ty mẹ - Tổng Công ty từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2025 theo quy định hiện hành với số tiền là 79.844.765.498 đồng. Số liệu sau cùng liên quan đến trích Quỹ khen thưởng phúc lợi của người lao động và Quỹ thưởng Ban Điều hành sẽ được trình Đại hội đồng Cổ đông biểu quyết thông qua.

## 28. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

|                            | Số cuối năm<br>VND       | Số đầu năm<br>VND        |
|----------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Vốn góp của chủ sở hữu     | 993.238.856.332          | 1.001.569.508.972        |
| Thặng dư vốn cổ phần       | 34.147.683.053           | 22.444.505.197           |
| Quỹ đầu tư phát triển      | 135.342.666.352          | 132.896.749.225          |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái | (40.684.902.747)         | (53.581.685.767)         |
| Lỗ lũy kế                  | (88.534.328.644)         | (87.883.520.673)         |
|                            | <b>1.033.509.974.346</b> | <b>1.015.445.556.954</b> |

## 29. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### Hàng hóa nhận giữ hộ

|                 | Đơn vị tính | Số cuối năm | Số đầu năm  |
|-----------------|-------------|-------------|-------------|
| - Xăng Ron 95   | Lít         | 20.484.078  | 21.258.763  |
| - Xăng Ron 92   | Lít         | 20.028.432  | 17.418.531  |
| - Xăng E5       | Lít         | 708.908     | 6.995.067   |
| - Xăng E10      | Lít         | 44.935      | -           |
| - Dầu DO 0,05%  | Lít         | 79.217.827  | 104.522.680 |
| - Dầu DO 0,001% | Lít         | 979.417     | 2.853.836   |
| - Dầu FO        | Kg          | 10.335.266  | 2.892       |
| - Xăng E100     | Lít         | -           | -           |
| - Naptha        | Lít         | 3.724.588   | 6.935.340   |
| - Condensate    | Lít         | -           | 717.113     |
| - Phụ gia CN120 | Lít         | 529.478     | 529.775     |
| - DO đáy        | Lít         | -           | 305.804     |
| - Hàng hóa khác | Lít         | 14.899      | 20.691      |

### Ngoại tệ

|                         | Đơn vị tính | Số cuối năm     | Số đầu năm      |
|-------------------------|-------------|-----------------|-----------------|
| - Đô la Mỹ (USD)        | USD         | 24.533.158      | 22.013.925      |
| - Đồng Euro (EUR)       | EUR         | 140             | 151             |
| - Đô la Singapore (SGD) | SGD         | 45.473          | 51.723          |
| - KIP Lào (KIP)         | KIP         | 207.475.392.418 | 153.633.025.712 |
| - Bath Thái (THB)       | THB         | 15.302.045      | 36.791.251      |

## 30. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

### Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh do hoạt động của Tổng Công ty chủ yếu là hoạt động xuất nhập khẩu và kinh doanh dầu thô, xăng dầu.

### Bộ phận theo khu vực địa lý

Tổng Công ty hoạt động tại khu vực nội địa và nước ngoài. Dưới đây là phân tích doanh thu của Tổng Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

|         | Năm nay<br>VND     | Năm trước<br>VND   |
|---------|--------------------|--------------------|
| Nội địa | 90.642.436.997.835 | 89.455.992.816.171 |
| Quốc tế | 59.914.141.849.550 | 35.003.646.050.586 |

**150.556.578.847.385**      **124.459.638.866.757**

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó (Thuyết minh số 14 và Thuyết minh số 16).

|         | Giá trị còn lại của tài sản bộ phận |                          | Tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình |                        |
|---------|-------------------------------------|--------------------------|------------------------------------------|------------------------|
|         | Số cuối năm                         | Số đầu năm               | Năm nay                                  | Năm trước              |
|         | VND                                 | VND                      | VND                                      | VND                    |
| Nội địa | 3.655.321.805.965                   | 3.478.397.196.841        | 495.663.747.954                          | 375.609.433.366        |
| Quốc tế | 41.198.816.116                      | 44.449.145.792           | 731.839.170                              | 14.885.761.463         |
|         | <b>3.696.520.622.081</b>            | <b>3.522.846.342.633</b> | <b>496.395.587.124</b>                   | <b>390.495.194.829</b> |

### 31. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

|                                                                                       | Năm nay<br>VND             | Năm trước<br>VND           |
|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|----------------------------|
| <b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>                                    | <b>150.560.541.732.558</b> | <b>124.468.577.433.501</b> |
| - Doanh thu bán hàng                                                                  | 149.801.660.041.961        | 123.860.051.591.585        |
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ và hoạt động khác                                        | 532.927.709.857            | 418.750.176.243            |
| - Doanh thu từ ủy thác xuất nhập khẩu dầu thô                                         | 225.953.980.740            | 189.775.665.673            |
| <b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>                                                   | <b>(3.962.885.173)</b>     | <b>(8.938.566.744)</b>     |
| - Chiết khấu thương mại                                                               | (3.851.520.554)            | (8.938.566.744)            |
| - Hàng bán trả lại                                                                    | (111.364.619)              | -                          |
| <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>                                | <b>150.556.578.847.385</b> | <b>124.459.638.866.757</b> |
| <i>Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan<br/>(Chi tiết tại Thuyết minh số 41)</i> | 31.121.628.060.072         | 26.915.925.852.835         |

### 32. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

|                                                      | Năm nay<br>VND             | Năm trước<br>VND           |
|------------------------------------------------------|----------------------------|----------------------------|
| Giá vốn hàng bán                                     | 145.847.253.489.229        | 120.078.086.255.609        |
| Giá vốn dịch vụ cung cấp                             | 301.045.552.661            | 260.460.733.582            |
| Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 14.796.667.303             | (18.243.987.584)           |
|                                                      | <b>146.163.095.709.193</b> | <b>120.320.303.001.607</b> |

### 33. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

|                                                       | Năm nay<br>VND            | Năm trước<br>VND          |
|-------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu                         | 6.915.436.027.625         | 9.694.589.670.905         |
| Chi phí nhân công                                     | 1.657.487.757.652         | 1.521.970.460.501         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư | 330.628.528.329           | 307.066.321.875           |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                             | 1.288.138.767.771         | 1.222.960.738.509         |
| Chi phí khác bằng tiền                                | 684.663.737.928           | 643.524.542.055           |
|                                                       | <b>10.876.354.819.305</b> | <b>13.390.111.733.845</b> |

### 34. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| Năm nay<br>VND | Năm trước<br>VND |
|----------------|------------------|
|----------------|------------------|

|                                                 |                        |                        |
|-------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng                          | 620.158.463.581        | 546.657.631.717        |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái                  | 156.135.430.559        | 125.968.531.843        |
| Cổ tức được chia                                | 1.245.997.094          | 2.678.820.751          |
| Lãi bán hàng trả chậm                           | 382.300.116            | 1.129.448.467          |
| Lãi trên Quỹ bình ổn giá âm (Thuyết minh số 25) | -                      | (5.913.234.282)        |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác              | 7.182.124.142          | 3.780.304.718          |
|                                                 | <b>785.104.315.492</b> | <b>674.301.503.214</b> |

### 35. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

|                                              | Năm nay<br>VND         | Năm trước<br>VND       |
|----------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí lãi vay                              | 339.136.317.595        | 188.029.415.891        |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá                         | 103.894.934.117        | 157.335.690.147        |
| Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính | 1.185.587.425          | 343.529.967            |
| Chi phí tài chính khác                       | 5.948.780.535          | 11.437.244.612         |
|                                              | <b>450.165.619.672</b> | <b>357.145.880.617</b> |

### 36. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

|                                                | Năm nay<br>VND           | Năm trước<br>VND         |
|------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>Chi phí bán hàng</b>                        | <b>2.885.598.738.282</b> | <b>2.774.265.069.214</b> |
| Chi phí nhân viên bán hàng                     | 1.093.055.754.586        | 1.018.755.523.938        |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng và vật liệu văn phòng | 240.884.411.356          | 173.907.256.115          |
| Chi phí vận chuyển                             | 350.050.382.257          | 264.129.737.088          |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                      | 632.138.695.389          | 791.149.858.913          |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định               | 194.789.833.409          | 209.259.749.477          |
| Các khoản chi phí bán hàng khác                | 374.679.661.285          | 317.062.943.683          |
| <b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>            | <b>1.087.627.702.836</b> | <b>1.077.540.899.929</b> |
| Chi phí nhân viên quản lý                      | 480.847.979.624          | 429.341.382.575          |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng và vật liệu văn phòng | 39.438.930.716           | 46.166.615.866           |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định               | 38.075.719.379           | 34.783.159.727           |
| Trích lập các khoản dự phòng                   | 19.417.749.725           | 10.339.827.837           |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                      | 120.664.158.742          | 137.512.703.750          |
| Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác    | 389.183.164.650          | 419.397.210.174          |
|                                                | <b>3.973.226.441.118</b> | <b>3.851.805.969.143</b> |

### 37. LỢI NHUẬN KHÁC

|                                       | Năm nay<br>VND         | Năm trước<br>VND      |
|---------------------------------------|------------------------|-----------------------|
| <b>Thu nhập khác</b>                  | <b>298.215.954.547</b> | <b>58.673.745.327</b> |
| Phí vận chuyển hàng hóa               | 148.860.091.186        | -                     |
| Thu từ thanh lý tài sản cố định       | 15.781.531.979         | 2.050.103.936         |
| Phí lưu tàu                           | 15.191.824.135         | -                     |
| Thu nhập từ kiểm kê thừa hàng tồn kho | 13.082.075.015         | 17.666.558.448        |
| Thuế được hoàn                        | 9.396.093.345          | -                     |
| Vận chuyển nhân sự các lô dầu         | 7.061.195.965          | 14.529.136.572        |
| Tiền bồi thường nhận được             | 3.725.107.371          | 7.074.363.870         |
| Các khoản thu nhập khác               | 85.118.035.551         | 17.353.582.501        |
| <b>Chi phí khác</b>                   | <b>222.921.621.336</b> | <b>44.461.820.069</b> |

|                               |                       |                       |
|-------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Phí vận chuyển hàng hóa       | 148.860.091.186       | -                     |
| Phí lưu tàu                   | 15.191.824.135        | 14.857.931.628        |
| Vận chuyển nhân sự các lô dầu | 7.525.863.445         | -                     |
| Các khoản tiền phạt           | 3.513.734.051         | 12.562.519.719        |
| Quảng bá thương hiệu          | 4.908.458.932         | 6.283.383.495         |
| Các khoản chi phí khác        | 42.921.649.587        | 10.757.985.227        |
| <b>Lợi nhuận khác</b>         | <b>75.294.333.211</b> | <b>14.211.925.258</b> |

### 38. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

|                                                                                 | <b>Năm nay</b>         | <b>Năm trước</b>       |
|---------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                                                                 | <b>VND</b>             | <b>VND</b>             |
| <b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>                             |                        |                        |
| - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành | 162.499.344.546        | 146.891.912.999        |
| <b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>                        | <b>162.499.344.546</b> | <b>146.891.912.999</b> |

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 là số liệu tạm tính. Số thuế thu nhập doanh nghiệp chính thức phải nộp sẽ phụ thuộc vào kết quả quyết toán thuế với cơ quan thuế.

### 39. LỖ/LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

|                                                                       | <b>Năm nay</b>         | <b>Năm trước</b>       |
|-----------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                                                       |                        | <b>(Trình bày lại)</b> |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ (VND) | 434.732.765.729        | 411.034.698.303        |
| - Trích các quỹ ngoài biểu vốn từ nguồn lợi nhuận (VND) (*)           | (79.844.765.498)       | (125.352.526.344)      |
| <b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>               | <b>354.888.000.231</b> | <b>285.682.171.959</b> |
| Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm (cổ phiếu)         | 1.034.229.500          | 1.034.229.500          |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>                                 | <b>343</b>             | <b>276</b>             |

(\*) Cho mục đích trình bày chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, số liệu liên quan đến việc trích các quỹ ngoài biểu vốn từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được ước tính dựa trên mức độ hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận kế hoạch năm 2025 và các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông/Nghị quyết của Hội đồng thành viên của các công ty con.

Tổng Công ty thực hiện tính toán lại lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm trước để phản ánh khoản thực trích các quỹ ngoài biểu vốn từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024 theo Nghị quyết số 11/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty và các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông/Nghị quyết của Hội đồng thành viên của các công ty con, chi tiết như sau:

|                                                                       | <b>Năm trước</b>       | <b>Năm trước</b>       |
|-----------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                                                       | <b>VND</b>             | <b>(Trình bày lại)</b> |
|                                                                       |                        | <b>VND</b>             |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ (VND) | 411.034.698.303        | 411.034.698.303        |
| - Trích các quỹ ngoài biểu vốn từ nguồn lợi nhuận (VND)               | (84.446.733.413)       | (125.352.526.344)      |
| <b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>               | <b>326.587.964.890</b> | <b>285.682.171.959</b> |
| Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm (cổ phiếu)         | 1.034.229.500          | 1.034.229.500          |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>                                 | <b>316</b>             | <b>276</b>             |

Trong năm, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

#### 40. CAM KẾT VỐN

Theo Nghị quyết số 11/NQ-ĐHĐCĐ (“Nghị quyết 11”) ngày 25 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025, trong đó, giá trị đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản trong năm 2025 với số tiền 1.099 tỷ đồng. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty đã thực hiện giải ngân đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản với tổng giá trị là khoảng 695 tỷ đồng và đang tiếp tục triển khai các công việc cần thiết để hoàn thành đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản theo Nghị quyết 11 nói trên.

#### 41. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư trọng yếu trong năm:*

| Bên liên quan                                                        | Mối quan hệ                  |
|----------------------------------------------------------------------|------------------------------|
| Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam                  | Công ty mẹ/chủ sở hữu        |
| Các công ty cùng Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam | Công ty cùng Tập đoàn        |
| Các công ty liên kết                                                 | Công ty cùng Tập đoàn        |
| Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh                      | Cùng cán bộ quản lý chủ chốt |

*Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

|                                                                                                     | Năm nay<br>VND            | Năm trước<br>VND          |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| <b>Bán hàng, cung cấp dịch vụ</b>                                                                   | <b>31.121.628.060.072</b> | <b>26.915.925.852.835</b> |
| Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn                                                                | 20.929.273.534.836        | 16.824.080.348.192        |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình                                                          | 7.534.901.605.490         | 7.570.020.682.751         |
| Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu                                                                   | 1.468.237.780.286         | 1.697.482.282.109         |
| Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí                                                              | 332.133.064.378           | 232.719.426.290           |
| Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam                                                 | 137.024.612.263           | 142.591.252.595           |
| Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam - Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông | 114.081.196.097           | 121.230.958.041           |
| Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa                                                          | 113.424.976.105           | -                         |
| Liên doanh Việt - Nga Vietsovetro                                                                   | 100.886.994.612           | 67.175.779.065            |
| Công ty Cổ phần Thương mại Thạch Hãn                                                                | 92.918.568.870            | 106.104.466.178           |
| Các đối tượng khác                                                                                  | 298.745.727.135           | 154.520.657.614           |
| <b>Mua hàng, sử dụng dịch vụ</b>                                                                    | <b>79.314.991.081.668</b> | <b>70.754.904.496.667</b> |
| Chi nhánh Phân phối Sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam | 40.683.431.190.860        | 42.198.095.472.451        |
| Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn                                                                | 29.760.545.271.317        | 26.588.735.140.295        |
| Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí                                                              | 5.132.259.342.114         | 1.366.956.918.164         |
| Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam                                                 | 1.933.535.393.506         | 10.655.540.807            |
| Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP                                                                    | 1.034.006.018.251         | 16.688.653.199            |
| Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí                                                                | 397.029.290.685           | 422.476.523.062           |
| Các đối tượng khác                                                                                  | 374.184.574.935           | 151.296.248.689           |
| <b>Lãi tiền gửi trong năm</b>                                                                       | <b>40.510.783.729</b>     | <b>51.119.564.431</b>     |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh                                       | 20.119.715.395            | 29.401.891.079            |
| Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam                                                                   | 20.391.068.334            | 21.717.673.352            |

|                                         |                    |                    |
|-----------------------------------------|--------------------|--------------------|
| <b>Lãi tiền vay</b>                     | <b>536.353.173</b> | <b>908.462.045</b> |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển | 536.353.173        | 687.240.984        |
| Thành phố Hồ Chí Minh                   |                    |                    |
| Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam       | -                  | 221.221.061        |

**Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:**

|                                                                                                     | <b>Số cuối năm</b>       | <b>Số đầu năm</b>        |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
|                                                                                                     | <b>VND</b>               | <b>VND</b>               |
| <b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>                                                             | <b>3.702.715.009.186</b> | <b>6.988.558.288.447</b> |
| Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn                                                                | 1.894.438.631.745        | 6.255.007.763.231        |
| Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam                                                 | 1.029.171.038.878        | 2.122.805.654            |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình                                                          | 620.497.122.998          | 591.470.835.986          |
| Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí                                                              | 65.400.345.221           | 61.982.815.152           |
| Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần                                            | 27.149.725.691           | 1.109.400.076            |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa                                                     | 22.279.492.498           | -                        |
| Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro                                                                  | 11.123.807.331           | 13.863.827.642           |
| Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam - Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông | 9.563.785.326            | 18.053.221.994           |
| Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam                                              | 5.424.292.484            | 18.426.058.425           |
| Các đối tượng khác                                                                                  | 17.666.767.014           | 26.521.560.287           |
|                                                                                                     | <b>Số cuối năm</b>       | <b>Số đầu năm</b>        |
|                                                                                                     | <b>VND</b>               | <b>VND</b>               |
| <b>Phải thu khác</b>                                                                                | <b>3.343.536.543.677</b> | <b>2.996.706.869.419</b> |
| Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn                                                                | 3.053.911.071.466        | 2.777.086.674.859        |
| Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam                                                 | 204.968.244.455          | 172.629.795.269          |
| Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro                                                                  | 45.285.771.396           | 9.119.367.500            |
| Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Petechim                                                         | 19.289.014.486           | 21.435.336.111           |
| Các đối tượng khác                                                                                  | 20.082.441.874           | 16.435.695.680           |
| <b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>                                                             | <b>8.603.706.417</b>     | <b>20.491.971.655</b>    |
| Công ty TNHH Nhiên liệu sinh học Phương Đông (OBF) - NLSH Bình Phước                                | 7.453.015.602            | 7.453.015.602            |
| Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (Petechem JSC)                                                   | 621.675.959              | 621.675.959              |
| Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro                                                                  | 300.764.461              | -                        |
| Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn                                                                | 148.691.406              | -                        |
| Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam                                                 | 79.558.989               | 179.376.381              |
| Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa                                        | -                        | 11.907.299.076           |
| Tổng công ty Bảo hiểm PVI                                                                           | -                        | 330.604.637              |
| <b>Phải trả nhà cung cấp ngắn hạn</b>                                                               | <b>8.750.573.737.035</b> | <b>5.857.930.529.496</b> |
| Chi nhánh Phân phối Sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam | 4.222.891.751.930        | 3.189.310.381.931        |
| Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn                                                                | 2.626.252.236.523        | 2.563.466.081.355        |
| Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP                                                                    | 1.021.313.433.547        | 2.405.399.920            |
| Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí                                                              | 636.015.332.841          | 40.274.464.803           |
| Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam                                                 | 138.580.769.725          | -                        |
| Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí                                                                | 41.087.611.766           | 29.588.102.524           |

|                                                     |                          |                          |
|-----------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Công ty TNHH PVChem-CS                              | 33.963.072.000           | -                        |
| Các đối tượng khác                                  | 30.469.528.703           | 32.886.098.963           |
| <b>Phải trả ngắn hạn khác</b>                       | <b>2.327.600.581.429</b> | <b>1.960.839.076.779</b> |
| Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro                  | 2.064.261.313.641        | 1.891.442.305.803        |
| Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí              | 239.651.627.171          | 57.540.629.822           |
| Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn                | 21.176.906.671           | 6.602.711.496            |
| Các đối tượng khác                                  | 2.510.733.946            | 5.253.429.658            |
| <b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>            | <b>541.961.033</b>       | <b>541.961.033</b>       |
| Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí              | 541.961.033              | 541.961.033              |
| <b>Tiền và tương đương tiền</b>                     | <b>389.981.057.285</b>   | <b>605.168.476.737</b>   |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần phát triển TPHCM       | 29.939.410.844           | 76.193.737.143           |
| Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam                   | 360.041.646.441          | 528.974.739.594          |
| <b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>              | <b>873.440.000.000</b>   | <b>748.000.000.000</b>   |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần phát triển TPHCM       | 512.290.000.000          | 408.000.000.000          |
| Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam                   | 361.150.000.000          | 340.000.000.000          |
|                                                     | <b>Số cuối năm</b>       | <b>Số đầu năm</b>        |
|                                                     | <b>VND</b>               | <b>VND</b>               |
| <b>Vay</b>                                          | <b>3.749.998.000</b>     | <b>4.999.998.400</b>     |
| Ngân hàng TMCP Phát triển TPHCM (HD Bank)           | 3.749.998.000            | 4.999.998.400            |
| <b>Chi phí phải trả ngắn hạn</b>                    | <b>8.678.261.235</b>     | <b>8.795.126.991</b>     |
| Tổng Công ty bảo hiểm PVI                           | 5.570.312.823            | 5.517.397.469            |
| Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí                | 2.761.948.412            | 3.058.292.646            |
| Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam | 346.000.000              | 219.436.876              |

**Tiền lương, phụ cấp và thù lao của các thành viên HĐQT bao gồm Tổng Giám đốc; tiền lương của Ban Kiểm soát, của các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng được hưởng trong năm như sau:**

|                                                                                     | <b>Năm nay</b>        | <b>Năm trước</b>     |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------|
|                                                                                     | <b>VND</b>            | <b>VND</b>           |
| <b>Tiền lương, phụ cấp và thù lao của Hội đồng Quản trị (bao gồm Tổng Giám đốc)</b> | <b>12.413.328.000</b> | <b>6.948.455.331</b> |
| Ông Cao Hoài Dương                                                                  | 2.808.000.000         | 1.405.862.185        |
| Ông Đoàn Văn Nhậm                                                                   | 74.448.000            | 1.468.707.003        |
| Ông Lê Văn Nghĩa                                                                    | 3.033.600.000         | 1.173.076.510        |
| Ông Nguyễn Đăng Trình                                                               | 2.256.000.000         | 1.361.580.000        |
| Ông Nguyễn Mậu Dũng                                                                 | 2.256.000.000         | 1.179.229.633        |
| Bà Nguyễn Linh Giang                                                                | 1.534.080.000         | -                    |
| Ông Trần Hoài Nam                                                                   | 225.600.000           | 180.000.000          |
| Ông Nguyễn Xuân Quyền                                                               | 225.600.000           | 180.000.000          |
| <b>Tiền lương của Ban Kiểm soát</b>                                                 | <b>5.616.000.000</b>  | <b>3.168.759.168</b> |
| Ông Nguyễn Đức Kện                                                                  | 2.256.000.000         | 1.173.076.510        |
| Ông Phạm Thanh Sơn                                                                  | 1.680.000.000         | 997.841.329          |
| Ông Lê Vinh Văn                                                                     | 1.680.000.000         | 997.841.329          |
| <b>Tiền lương của các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng</b>                       | <b>12.775.440.000</b> | <b>5.486.053.937</b> |

## 42. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm số tiền 325.029.530.805 đồng là giá trị phần lãi từ hoạt động đầu tư trong năm chưa thu được (năm trước: 241.126.036.076 đồng). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

#### 43. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Tổng Công ty có thể phát sinh chi phí phá dỡ, xử lý tài sản gắn liền với đất để hoàn trả mặt bằng trong trường hợp không được gia hạn sử dụng đất vào cuối thời hạn thuê hoặc tới thời hạn kết thúc hợp đồng thuê văn phòng và hợp đồng thuê đất của các cửa hàng xăng dầu theo quy định của pháp luật hiện hành. Tổng Công ty chưa thể ước tính giá trị và thời gian chi trả chi phí phá dỡ này một cách đáng tin cậy nên chưa có khoản dự phòng hoàn nguyên nào được ghi nhận vào báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

#### 44. ĐIỀU CHỈNH KẾT QUẢ KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC NĂM 2024

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, Tổng Công ty đã nhận được Thông báo kết luận số 236/TB-KTNN ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Kiểm toán Nhà nước về kết quả kiểm toán tại Tổng Công ty đối với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, bao gồm số liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ – Tổng Công ty và các công ty con, cũng như các hoạt động liên quan đến việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản Nhà nước năm 2024.

Đối với các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước liên quan đến việc điều chỉnh sổ sách kế toán, Tổng Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng là không trọng yếu đối với Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, các điều chỉnh liên quan đã được thực hiện và ghi nhận vào Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

#### 45. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị quyết số 98/NQ-DVN ngày 03 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty đã phê duyệt phương án thành lập doanh nghiệp và đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Năng lượng Hàng không PVOIL ("PVOIL Aviation") với tỷ lệ góp vốn là 51% vốn điều lệ tại PVOIL Aviation. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty Cổ phần Năng lượng Hàng không PVOIL đã được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 13 tháng 01 năm 2026. Ngoài sự kiện nói trên, không có sự kiện nào khác phát sinh từ sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này cần được xem xét để điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất này.



Phùng Tố Văn  
Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Ninh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Đăng Trình  
Tổng Giám đốc  
Ngày 05 tháng 3 năm 2026